

## Đàn ghi ta của Lorca" (Thanh Thảo)

*Đàn ghi ta của Lor-ca* của Thanh Thảo - một sự cộng hưởng của những khát vọng sáng tạo, một khả năng nhập cảm sâu sắc vào thế giới nghệ thuật thơ Lor-ca, một suy nghiệm thâm trầm về nỗi đau và niềm hạnh phúc của những cuộc đời đã dâng hiến trọn vẹn cho cái đẹp.

Trong nửa đầu bài thơ, một không gian Tây Ban Nha đặc thù, nhất là không gian miền quê An-đa-lu-xi-a yêu dấu của Lor-ca đã được gọi lên. Giữa không gian đó, nổi bật hình tượng người nghệ sĩ lãng du có tâm hồn phóng khoáng, tha thiết yêu người, yêu đời, nhưng nghịch lí thay, lại không ngừng đi theo một tiếng gọi huyền bí nào đó hướng về *miền đơn độc* :

*những tiếng đàn bọt nước*

*Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*

*li-la li-la li-la*

*đi lang thang về miền đơn độc*

*với vầng trăng chênh choáng*

*trên yên ngựa mỗi mòn*

...

*tiếng ghi ta nâu*

*bầu trời cô gái ấy*

*tiếng ghi ta lá xanh biết mấy*

*tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*

Tại sao tác giả lại có thể gọi lên được những điều ấy ? - Trước hết là nhờ "đàn ghi ta của Lor-ca". Tất nhiên, ở đây ta không nói tới một cây đàn cụ thể, dù vẫn biết Lor-ca là nghệ sĩ trình tấu rất xuất sắc ghi ta và dương cầm. Đàn ghi ta ở đây chính là thơ Lor-ca, là bản mệnh của Lor-ca. Đọc thơ Lor-ca, ta thường bắt gặp hình tượng một chàng kị sĩ đi mãi miết, vô định dưới vầng trăng khi đỏ, khi đen, khi rặng ngời, khi u tối, khi nồng nàn, khi buốt lạnh,... Ta cũng thường được ngập mình trong phong vị, hương sắc riêng không thể nào quên được của miền quê Gra-na-đa thuộc xứ An-đa-lu-xi-a, nơi ngày xưa từng được xem là "một trong những vương quốc đẹp nhất của châu Phi" do người Ả-rập dựng nên. Ở đó có những chàng hiệp sĩ đấu bò tót khoác trên mình tấm áo choàng đỏ, có những cô gái Di-gan nước da nâu gọi tình tràn trề sức sống, có những vườn cam, những rặng ô-liu xanh một màu xanh huyền hoặc. Đặc biệt, ở đó luôn vang vọng tiếng đàn ghi ta - âm thanh nức nở, thở than làm vỡ toang cốc rượu bình minh, tựa tiếng hát của một con tim bị tử thương bởi năm đầu kiếm sắc, không gì có thể bắt nó im tiếng (ý thơ trong bài *Đàn ghi ta*)... Thanh Thảo quả đã nhập thân vào thế giới thơ Lor-ca để lấy ra và đưa vào bài thơ của mình

những biểu tượng ám ảnh bồn chồn vốn của chính thi hào Tây Ban Nha. Nhưng vấn đề không đơn giản chỉ là sự "trích dẫn". Tất cả những biểu tượng kia đã được tổ chức lại xung quanh biểu tượng trung tâm là cây đàn, mà xét theo "nguồn gốc", vốn cũng là một biểu tượng đặc biệt trong thơ Lor-ca - người mê dân ca, "chàng hát rong thời trung cổ", "con sơn ca xứ An-đà-lu-xi-a". Cây đàn từ chỗ mang hàm nghĩa nói về một định hướng sáng tạo gắn thơ với dòng nhạc dân gian, rộng ra, nói về một tình yêu vô bờ và khắc khoải đối với quê hương, đến Thanh Thảo, nó đã nhập một với hình tượng Lor-ca, hay nói cách khác, nó đã trở thành hình tượng "song trùng" với hình tượng Lor-ca. Cây đàn cất lên tiếng lòng của Lor-ca trước cuộc sống, trước thời đại. Nó là tinh thần thơ Lor-ca, là linh hồn, và cao hơn cả là số phận của nhà thơ vĩ đại này. Bởi thế, trên những văn bản thơ trước đây của Lor-ca là một văn bản mới của nhà thơ Việt Nam muốn làm sống dậy hình tượng người con của một đất nước, một dân tộc yêu nghệ thuật, ưa chuộng cuộc sống tự do, phóng khoáng. Hơn thế nữa, tác giả muốn hợp nhất vào đây một "văn bản" khác của đời sống chính trị Tây Ban Nha mùa thu 1936 - cái "văn bản" đã kể với chúng ta về sự bạo ngược của bọn phát xít khi chúng bắt đầu ra tay tàn phá nền văn minh nhân loại và nhấn chìm cắt đứt cuộc đời đang ở độ thanh xuân của nhà thơ được cả châu Âu yêu quý :

*Tây Ban Nha*

*hát nghêu ngao*

*bỗng kinh hoàng*

*áo choàng bê bết đỏ*

*Lor-ca bị điệu về bãi biển*

*chàng đi như người mộng du*

...

*tiếng ghi ta rùng rùng*

*máu chảy*

Ở trên, bài thơ của Thanh Thảo đã được (hay *bị*) trích theo lối cắt tĩa, phục vụ cho việc làm tường minh các ý thơ có trong đó. Trên thực tế, *Đàn ghi ta của Lor-ca* có một cấu trúc đầy ngẫu hứng, với sự xô nhau, đan cài nhau, tương tác với nhau của các văn bản (đã nói). Chính nhờ vậy, tiếng hát yêu đời của Lor-ca được Thanh Thảo gọi lại, càng trở nên tha thiết hơn giữa tan nát đập vùi và những ám ảnh tưởng phi lí luôn dày vò nhà thơ Tây Ban Nha bỗng trở thành sự tiên tri sáng suốt. Sáng tạo nghệ thuật của Thanh Thảo được bộc lộ rõ trên các giao điểm này. Những hình ảnh, biểu tượng vốn có trong thơ Lor-ca được làm mới để chuyên chở những cảm nhận về chính thơ Lor-ca và về thân phận các nhà thơ trong thời hoành hành của bạo lực. Câu thơ *những tiếng đàn bọt nước* ở đầu bài nếu được nối

kết với các câu thơ khác là *tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan* và *tiếng ghi ta ròn ròn - máu chảy*, sẽ bộc lộ một tiềm năng ý nghĩa lớn hơn nhiều so với ý nghĩa dễ nhận thấy gắn liền với việc diễn tả âm thanh tuôn trào, sôi động của tiếng đàn. Tiếng đàn giống như tiếng kêu cứu của con người, của cái đẹp trong thời khắc bị đẩy tới chỗ tuyệt diệt. Không có gì khó hiểu khi dưới ngòi bút Thanh Thảo, tiếng đàn cũng có *màu* (nâu, xanh), có *hình thù* (tròn), có *sinh mệnh* (ròn ròn máu chảy), bởi tiếng đàn ở đây *chính là sự cảm nhận của nhà thơ nay về tiếng đàn xưa*. Theo đó, tiếng đàn không còn là tiếng đàn cụ thể nữa, nó là sự sống muôn màu hiện hình trong thơ Lor-ca và là sinh quyển văn hoá, sinh quyển chính trị - xã hội bao quanh cuộc đời, sự nghiệp Lor-ca. Rồi *màu đỏ gắt* của tấm áo choàng, không nghi ngờ gì, là sáng tạo của Thanh Thảo. Nó không đơn thuần là màu của một trang phục. Nó có khả năng ám gợi một điều kinh rợn sẽ được nói rõ ra trong khổ thơ sau : *áo choàng bê bết đỏ* - tức là tấm áo choàng đẫm máu của Lor-ca, của bao con người vốn chỉ biết *hát nghêu ngao* niềm yêu cuộc đời với trái tim hồn nhiên, ngây thơ, trong trắng, khi *bị điệu về bãi bắn* một cách tàn nhẫn, phũ phàng, phi lí (câu thơ *chàng đi như người mộng du* có phần thể hiện sự phi lí không thể nào nhận thức nổi này). Cùng một cách nhìn như thế, độc giả sẽ thấy những thi liệu của thơ Lor-ca (mà truy nguyên, một phần không nhỏ vốn là thi liệu của những bài dân ca An-đà-lu-xi-a) như hình ảnh *người kỹ sĩ đi lang thang, yên ngựa, vàng trắng* đã thực sự được tái sinh lần nữa trong một hình

hài mới và gây được những ấn tượng mới. Các từ *miền đơn độc*, *chếch choáng*, *mỏi mòn* gắn với chúng đã tạo ra một trường nghĩa chỉ sự mệt mỏi, bất lực, bồn chồn, thắc thỏm không yên của con người khi đối diện thực sự với cái bản chất phong phú vô tận của cuộc sống. Với kiểu tạo điểm nhấn ngôn từ của Thanh Thảo, ta hiểu rằng cảm giác đó không chỉ có ở Lor-ca. Nó là một hiện tượng có tính phổ quát, không của riêng ai, không của riêng thời nào, tất nhiên, chỉ được biểu hiện đậm nét và thực sự trở thành "vấn đề" trong thơ của những nhà thơ luôn thắc mắc về ý nghĩa của tồn tại. Gồm một chuỗi âm thanh mơ hồ khó giải thích, dòng thơ *li-la li-la li-la* xuất hiện hai lần trong thi phẩm một mặt có tác dụng làm nhoè đường viền ý nghĩa của từng hình ảnh, biểu tượng đã được ném ra chùng như lộn xộn, mặt khác, đảm nhiệm một phần chức năng liên kết chúng lại thành một chỉnh thể, nhằm biểu hiện tốt nhất cái nhìn nghệ thuật của tác giả và giải phóng bài thơ khỏi sự trói buộc của việc thuật, kể những chuyện đã xảy ra trong thực tế. Quả vậy, dù không có sự kiện nào của cuộc đời Lor-ca được kể lại một cách rành mạch, chi tiết, nhưng độc giả hiểu thơ không vì thế mà cho rằng thiếu. Cái người ta thấy đáng quan tâm lúc này nằm ở chỗ khác. Đó là sự tự bộc lộ của chủ thể sáng tạo khi ráo riết suy nghĩ về số phận đầy bất trắc của nghệ thuật và khả năng làm tan hoà những suy nghĩ ấy trong một thứ nhạc thơ tác động vào người tiếp nhận bằng hình thức ám gợi tượng trưng hơn là hình thức giải bày, kể lể kiểu lãng mạn. Tất nhiên, chúng ta có quyền cắt nghĩa tại sao

lại *li-la* chứ không phải là cái gì khác. Hoa li-la (tử đinh hương) với màu tím mê hoặc, nao lòng, từng là đối tượng thể hiện quen thuộc của nhiều thi phẩm và hoạ phẩm kiệt xuất trong văn học, nghệ thuật phương Tây chẳng ? Hay đó là âm thanh lời đệm (phần nhiều mang tính sáng tạo đột xuất) của phần diễn tấu một ca khúc, hoặc nữa là âm thanh mô phỏng tiếng ngân mê đắm của các nốt đàn ghi ta dưới tay người nghệ sĩ ?... Tất cả những liên hệ ấy đều có cái lí của chúng !

Ở nửa sau của bài thơ, tác giả suy tưởng về sức sống kì diệu của thơ Lor-ca nói riêng và về sự trường tồn của nghệ thuật chân chính nói chung, vốn được sáng tạo bằng chính trái tim nặng trĩu tình yêu cuộc sống của các nghệ sĩ :

*không ai chôn cất tiếng đàn*

*tiếng đàn như cỏ mọc hoang*

*giọt nước mắt vàng trắng*

*long lanh đáy giếng*

*đường chỉ tay đã đứt*

*dòng sông rộng vô cùng*

*Lor-ca bơi sang ngang*

*trên chiếc ghi ta màu bạc*

*chàng ném lá bùa cô gái Di-gan*

*vào xoáy nước*

*chàng ném trái tim mình*

*vào lặng yên bất chợt*

*li-la li-la li-la...*

Câu thơ *không ai chôn cất tiếng đàn* có lẽ đã được bật ra trong tâm thức sáng tạo của Thanh Thảo khi ông nghĩ tới lời thỉnh cầu của Lor-ca trong bài *Ghi nhớ* - lời thỉnh cầu đã được dùng làm đề từ cho bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. Không, ở đây không có thao tác đối lập sắc lẹm của lí trí mà nhiều thi sĩ ưa dùng trong các bài thơ "chân dung" hay "ai điếu", nhằm làm nổi bật những tứ thơ "mới" mang tính chất "ăn theo". Chỉ có sự đau đớn trước cái chết thảm khốc của một thi tài mãnh liệt, mà xác bị quăng xuống một giếng sâu (hay vực ?) gần Gra-na-đa. Dĩ nhiên, ý nguyện của Lor-ca - một ý nguyện thể hiện chất nghệ sĩ bẩm sinh hoàn hảo của nhà thơ, nói lên sự gắn bó vô cùng sâu nặng của ông đối với nguồn mạch dân ca xứ sở - đã không được thực hiện. Nhưng nghĩ về điều đó, những liên tưởng dồn tới và ta bỗng vỡ ra một chân lí : *không ai chôn cất tiếng đàn* và dù muốn chôn cũng không được ! Đây là *tiếng đàn*, một giá trị tinh thần, chứ không phải là một *cây đàn vật*

thể. Tiếng đàn ấy trường cửu cùng tự nhiên và hơn thế, bản thân nó chính là tự nhiên. Nó vẫn không ngừng vươn lên, lan toả, ngay khi người nghệ sĩ sáng tạo ra nó đã chết. Dù thật sự thấm thía chân lí nói trên, tác giả vẫn không ngăn nổi lòng mình khi viết ra những câu thơ đau xót hết mực, thấm đượm một cảm giác xa vắng, bơ vơ, cô cút, như cảm giác của ta khi thấy *cỏ mọc hoang* đang ngao hát bài ca vắng người giữa mang mang thiên địa. Không phải ngẫu nhiên mà trong ít nhất hai phương án ngôn từ có thể dùng, Thanh Thảo đã lựa chọn cách diễn đạt *không ai chôn cất* chứ không phải là *không ai chôn được* ! Đến lượt độc giả, *giọt nước mắt vàng trắng* cứ mãi làm ta thao thức, dù nó *long lanh* trong im lặng, và hình như càng im lặng trong thăm thẳm *đáy giếng*, nó lại càng *long lanh* hơn bao giờ hết.

Từ câu *đường chỉ tay* đã dứt đến cuối bài, nhịp điệu, tiết tấu của thi phẩm không còn gấp gáp và dồn bức nữa. Nó chậm rãi và lắng sâu. Điều này tuân theo đúng lô gích *tái hiện và suy ngẫm* (tạm quy về phạm trù "nội dung") mà tác giả chọn lựa. Nhưng quan trọng hơn, nó tuân theo lô gích tồn tại của chính cuộc đời : tiếp liền cái chết là sự sinh thành, sau bộc phát, sôi trào là tĩnh lặng, trầm tư, nối theo sự mù loà, khủng hoảng (của xã hội loài người) là sự khôn ngoan, chín chắn,... Trong muôn nghìn điều mà con người phải nghĩ lại khi đã "khôn dần lên", sự hiện diện của nghệ thuật trong đời sống là một trong những điều khiến ta trăn trở nhiều nhất. Việc quy

tội, kết tội cho một đối tượng cụ thể nào đó đã đối xử thô bạo với nghệ thuật không còn là chuyện thiết yếu nữa. Hãy lắng lòng để chiêm ngưỡng một sự siêu thoát, một sự hoá thân. Trên dòng sông của cuộc đời, của thời gian vĩnh cửu mà trong khoảnh khắc bừng tỉnh thoát khỏi mê lầm, ta tưởng thấy nó hiện hình cụ thể và dang chiếu ngang trời, có bóng chàng nghệ sĩ Lor-ca đang *bơi sang ngang trên chiếc ghi ta màu bạc*. Chàng đang vẫy chào nhân loại để đi vào cõi bất tử. Chiếc ghi ta, cũng là con thuyền thơ chở chàng, có ánh bạc biêng biếc, hư ảo một màu huyền thoại...

Trên thực tế, cái chết của Lor-ca là cái chết tức tưởi do bọn phát xít Frãng-cô gây nên. Nhưng nhìn suốt chiều dài lịch sử, ta thấy Lor-ca không phải là trường hợp nghệ sĩ đầu tiên hay cuối cùng chịu kết cục bi thương bởi các thế lực thù địch với cái đẹp. Vậy phải chăng có thể xem những khổ nạn liên tục là một phần tất yếu trong định mệnh của họ ? Hãn Thanh Thảo đã nghĩ vậy khi viết tiếp những câu thơ thật gọn ghẽ, "nhẹ nhõm" và "mênh mang" (ta hãy chú ý tới điểm rơi cuối dòng thơ của các từ, cụm từ như *đã dứt, vô cùng, sang ngang*). Dù ai tiếc thương mặc lòng, đối với người nghệ sĩ như Lor-ca, khi *đường chỉ tay đã dứt* (đường chỉ tay như dấu ấn của số mệnh đóng lên cơ thể con người), chàng đã dứt khoát được giải thoát. Còn nuôi làm chi lá bùa hộ mệnh được xem là vật tàng trữ những sức mạnh thần diệu mà cô gái Di-gan trao cho. Chàng, dứt khoát và mạnh mẽ, ném nó "chìm lỉm" (chữ của Hàn Mặc Tử)

vào xoáy nước hư vô, như ném trái tim mình vào lặng yên bất chợt - cái lặng yên của sự "đốn ngộ", cái lặng yên sâu thẳm, anh minh, mà ở đó, lời nói đã tan đi trong chính nó. Chàng đã đoạt lấy thể chủ động trước cái chết của mình. Chàng đã thắng không chỉ lũ ác nhân mà còn thắng cả chính định mệnh và hư vô nữa. Từ điểm này nhìn lại, ta bỗng thấy câu thơ *chàng đi như người mộng du* ở phần trên có thêm tầng nghĩa mới. Bị lôi đến chỗ hành hình, Lor-ca vẫn sống như người trong cõi khác. Chàng đang bận tâm đuổi theo những ý nghĩ xa vời. Chàng đâu thèm chú ý tới máu lửa quanh mình lúc đó. Chàng đã không chấp nhận sự tồn tại của bạo lực. Chàng chết, nhưng kẻ bắt lực lại chính là lũ giết người ! ở đây, có một cái gì gọi ta nhớ tới sự tuẫn nạn của Chúa Giê-su trên núi Sọ. Lại thêm một "văn bản" nữa ẩn hiện tỏ mờ dưới văn bản thơ của Thanh Thảo<sup>[1]</sup> !...

Trong đoạn thơ cuối bài vừa phân tích, người đọc càng nhìn thấy rõ hơn sự vững vàng của tác giả trong việc phối trí các hình ảnh, biểu tượng lấy từ nhiều "văn bản" khác nhau vào một tổng thể hài hoà. Tưởng không có gì chung giữa *đường chỉ tay*, *lá bùa*, *xoáy nước* và *cái lặng yên* nữa. Vậy mà, nhờ được "tắm" trong một "dung môi" cảm xúc có cường độ mạnh cùng sự suy tư có chiều sâu triết học, tất cả chúng trở nên ăn ý với nhau lạ lùng để cùng cất tiếng khẳng định ý nghĩa của những cuộc đời dâng hiến hoàn toàn cho nghệ thuật, cũng là cho một nhu cầu tinh thần vĩnh cửu của loài

người. Là sản phẩm tinh túy của những cuộc đời như thế, thơ ca làm sao có thể chết ? Nó tồn tại như là hơi thở xao xuyến của đất trời. Nó gieo niềm tin và hi vọng. Nó khơi dậy khát khao hướng về cái đẹp. Nó thanh lọc tâm hồn để ta có được tâm thế sống an nhiên giữa cuộc đời không thôi xáo động, vĩnh viễn xáo động. Muốn mô tả nó ư ? Chỉ có thể, như Thanh Thảo, sau một thoáng mặc tưởng, bật thốt lên : *li-la li-la li-la...*

Để lòng mình ngân theo chuỗi âm thanh ấy, ta hiểu rằng trong cuộc tương tranh không ngừng và hết sức thú vị giữa những cách diễn tả đặc hữu của văn học và cách diễn tả mang tính chất ám gợi huyền hồ của âm nhạc, cuối cùng, ở bài thơ của Thanh Thảo, cách diễn tả của âm nhạc đã chiếm ưu thế. Điều này hiển nhiên là một sự lựa chọn có ý thức. Để nói về nỗi cô đơn, cái chết, sự lặng yên, "lời" vẫn thường gây vướng víu, gây nhiễu. Chỉ có nhạc với khả năng thoát khỏi dấu ấn vật chất của sự vật khi phản ánh nó, trong trường hợp này, là phương tiện thích hợp. Tất nhiên, Thanh Thảo không phải đang làm nhạc mà là làm thơ. Nói nhạc ở đây không có gì khác là nói tới cách thơ vận dụng phương thức của nhạc - cái phương thức ám thị, khước từ mô tả trực quan - để thấu nhập bề sâu, "bề xa" của sự vật. Từ lâu, các nhà thơ tượng trưng chủ nghĩa đã hướng tới điều này. Dù không nhất thiết phải quy *Đàn ghi ta của Lor-ca* vào loại hình thơ nào, ta vẫn thấy nó đậm nét tượng trưng. Chẳng có gì lạ khi với bài thơ này, Thanh Thảo muốn thể

hiện mỗi đồng cảm sâu sắc đối với Lor-ca -. cây đàn thơ lạ lùng trong nền thi ca nhân loại ở nửa đầu của thế kỉ XX đầy bi kịch

## Ai đã đặt tên cho dòng sông

**Ai đã đặt tên cho dòng sông?**  
**Hoàng Phủ Ngọc Tường**

### I. Về thể loại - loại hình

Ai đã đặt tên cho dòng sông ? là tác phẩm nằm trong loại hình kí và thuộc thể loại bút kí văn học. Bút kí văn học có dung lượng gần như truyện ngắn, ghi chép về những sự kiện, con người có thực, đồng thời trình bày trực tiếp cảm nhận, suy nghĩ của tác giả về những sự kiện, con người ấy. Đọc một bút kí, cái mà người ta chờ đợi trước hết là tính có vấn đề của nó, gắn liền với việc tác giả thể hiện được những khám phá sâu sắc về đối tượng, đề xuất được những tư tưởng, quan niệm có ý nghĩa đối với đời sống hiện tại.

Ranh giới giữa bút kí văn học và tùy bút văn học nhiều khi khá nhập nhằng, đặc biệt trong trường hợp tác giả quan tâm nhiều tới việc biểu lộ cái tôi nghệ sĩ phóng khoáng, tự do, giàu tiềm lực văn hoá của mình và chọn một hình thức diễn tả có duyên, đầy màu sắc biểu cảm, chứa đựng nhiều liên tưởng, tưởng tượng độc đáo... Do có những đặc điểm vừa nói, Ai đã đặt tên cho dòng sông ? cũng có thể được xem là một thiên tùy bút đặc sắc (xem thêm phần nói về thể tùy bút ở bài Người lái đò Sông Đà).

### II. tiếp cận văn bản

Viết về bất cứ dòng sông nào trên trái đất, người ta cũng cần có, cần thể hiện được một tình yêu tha thiết, lắng sâu và một sự am tường không hề sách vở về những vấn đề địa lí, lịch sử và văn hoá gắn liền với chúng. Bởi các dòng sông luôn là cái nôi của những vùng, những nền văn hoá đa dạng, lắm sắc màu và là đối tượng mà các cư dân sống trong vòng tay của chúng phải vô hạn biết ơn. Viết về con sông Hương cũng cần và lại càng cần như vậy. Đây là một thách thức nhưng là thách thức đã được chuyển hoá thành niềm giục giã đầy tự nhiên, đầy xao xuyến trong tâm hồn những ai yêu sông

Hương, yêu Huế. May thay, chúng ta đã có được những nhà thơ, nhà văn tài năng vượt qua được các thách thức nói trên để tặng cho sông Hương những tác phẩm bất hủ[1]. Trong những nhà thơ, nhà văn đó có Hoàng Phủ Ngọc Tường, người đã viết nên một thiên tuyệt bút có nhan đề là Ai đã đặt tên cho dòng sông ?

Vang lên từ nhan đề, trước hết, câu hỏi Ai đã đặt tên cho dòng sông ? có dáng dấp của một thoáng ngẩn ngơ rất thi sĩ (và theo chính tác giả cho biết thì đó là câu hỏi của một thi sĩ đích thực). Từ thoáng ngẩn ngơ này, bao nhiêu ấn tượng về cái đẹp của sông Hương sẽ ùa về trong tâm trí, khơi lên mạch viết dạt dào cảm xúc về "nhan sắc" thiên phú của dòng nước êm đềm chảy qua Huế cố đô. Vang lên những lần khác trong tác phẩm[2], câu hỏi biến thành một nỗi suy tư thâm trầm, đánh động bao vốn liếng văn hoá tích tụ trong người viết và cũng đòi nó phải được hiện diện trên trang giấy. Vậy đó, ta đang nói đến những mạch cảm hứng lớn đã dẫn dắt nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường đến và đi với sông Hương, để rồi tiếp nữa, làm một cuộc viễn du vào lòng muôn độc giả, đóng vai người truyền cảm hứng cho họ bộc lộ tình yêu xứ sở hết sức thiết tha của mình.

Thông thường, người ta hay sử dụng phép nhân hoá khi miêu tả thiên nhiên. Kể cũng là điều dễ hiểu, bởi trong văn học, các đối tượng không bao giờ xuất hiện như những "khách thể tự nó" mà như những "vật" thể hiện nỗ lực của con người nhằm chủ quan hoá toàn bộ thế giới khách quan. Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng đã nhân hoá sông Hương. Nhưng nhân hoá ở đây không chỉ là nhân hoá trong từng đoạn miêu tả rời rạc với mục đích làm cho câu văn, hình ảnh trở nên sinh động. Ông đã thực sự xây dựng sông Hương thành một nhân vật, một con người, để được chuyện trò, đối thoại cùng nó. Điều này hoàn toàn hợp lẽ, bởi chẳng phải ta vẫn quen nghĩ rằng các dòng sông vừa là kẻ đồng sáng tạo, vừa là chứng nhân lịch sử, văn hoá của một vùng đất hay sao ? Dưới ngòi bút tài hoa và cái nhìn đầy mê đắm, trân trọng của tác giả, sông Hương cũng có một cuộc đời phong phú trải qua nhiều giai đoạn, khi gian truân, khi êm đềm. Giữa lòng Trường Sơn, nó chính là "một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại", có "bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng". Còn khi đã ra khỏi rừng, "sông Hương nhanh chóng mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở". Sông Hương có "phần tâm hồn sâu thẳm", có vẻ mặt lúc trầm mặc, lúc vui tươi, có thái độ đầy ân tình với Huế khi dành cho cố đô "điệu slow tình cảm" vô cùng giàu ý nghĩa... Tác giả đã thực sự trở thành một tri kỉ của sông Hương, hiểu ngọn ngành khí chất của nó, và hơn thế, còn chu đáo đề xuất với chúng ta một cách nhìn toàn diện về người bạn của

mình : "Nếu chỉ mãi mê nhìn ngắm khuôn mặt kinh thành của nó, tôi nghĩ rằng người ta sẽ không hiểu một cách đầy đủ bản chất của sông Hương...". Ông dõi theo từng khúc quanh, nét lượn, bước ngoặt rất cụ thể của sông Hương để nói với độc giả về những "ý tứ" mà sông Hương muốn biểu lộ trước con người và miền đất Châu Hoá xưa : "Nhưng ngay từ đầu vừa ra khỏi vùng núi, sông Hương đã chuyển dòng một cách liên tục, vòng giữa khúc quanh đột ngột, uốn mình theo những đường cong thật mềm, như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó. Từ ngã ba Tuần, sông Hương theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén ; vấp Ngọc Trản, nó chuyển hướng sang tây bắc, vòng qua thêm đất bãi Nguyệt Biều, Lương Quán rồi đột ngột vẽ một hình cung thật tròn về phía đông bắc, ôm lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế". Theo tác giả, sông Hương đã thật "tâm lí" khi "trôi đi chậm, thực chậm" qua kinh thành Huế, như để yên ủi người ta đừng quá sầu muộn về sự biến đổi vô thường của cuộc đời, về sự vèo qua chóng mặt của thời gian. Dòng nước sông Hương đã lặng lẽ một cách cố tình để muôn nghìn ánh hoa đăng trong đêm hội rằm tháng Bảy từ điện Hòn Chén trôi về qua Huế "bồng ngập ngừng như muốn đi muốn ở". Bằng "cách trôi" rất riêng đó của mình, sông Hương như muốn nhắc người ta rằng cuộc đời này có rất nhiều cái đáng vương vấn. Rồi nữa, nếu không nhờ sự phát hiện đầy tính chất đồng điệu của tác giả đối với sông Hương, mấy ai biết rằng việc sông Hương đột ngột đổi dòng ngay khi vừa định chia tay Huế là thuận theo một lí do rất tình cảm, rất "người" : chẳng qua, nó muốn gặp lại Huế "để nói một lời thể trước khi về biển cả". Ở đây, có đến ba thái độ chí tình cùng "hợp lưu" với nhau : cái chí tình của sông Hương đối với Huế, cái chí tình của con người Huế trong tình yêu (như là một phẩm chất được thấm nhiễm từ sông Hương) và cái chí tình của chính tác giả dành cho sông Hương, dành cho cả mảnh đất xưa gọi là Châu Hoá ! Suy cho cùng, nếu không có cái chí tình của tác giả thì cái chí tình của sông Hương không thể trở thành một "khách thể tinh thần" hiện diện trong đời sống chúng ta và gây ấn tượng sâu đậm đến vậy !

Nếu biết cất lên tiếng người, hẳn sông Hương sẽ nói rằng nó đã thực sự yên tâm khi chọn trang viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường để hoá thân. Có lẽ chính nhà văn cũng nhận thấy, cũng hiểu niềm tin cậy đó, nên từng câu văn của ông bay bổng, diễm ảo lạ thường. Nhiều lúc, độc giả có cảm tưởng ngôn từ trong bài bút kí không phải là của tác giả dùng để miêu tả sông Hương mà chính là ngôn từ của sông Hương đang hát lên bài ca của mình. Ngôn từ ấy trôi chảy hết sức tự nhiên, nếu có "luyện láy" thì cũng "luyện láy" một cách tự nhiên, bởi chất hào hoa, đa tình vốn đã là cái gì thuộc về căn cốt của người viết rồi. Hãy thử đọc lại một vài đoạn : "Trước khi về

đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rậm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng", "Đó là vẻ đẹp trầm mặc nhất của sông Hương, như triết lí, như cổ thi, kéo dài mãi đến lúc mặt nước phẳng lặng của nó gặp tiếng chuông chùa Thiên Mụ ngân nga tận bờ bên kia, giữa những xóm làng trung du bát ngát tiếng gà", "Từ đây, như đã tìm đúng đường về, sông Hương vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của vùng ngoại ô Kim Long, kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam - đông bắc, phía đó, nơi cuối đường, nó đã thấy chiếc cầu trắng của thành phố in ngần trên nền trời, nhỏ nhắn như những vành trăng non",... Theo một cái nhìn mang tính phân tích, có thể thấy trong các đoạn văn trên, tác giả đã vận dụng khá nhiều thủ thuật ngôn từ, từ việc phối hợp hài hoà thanh điệu của các tiếng tới việc lựa chọn những định ngữ đắt nhất cho các đối tượng được miêu tả, từ việc sử dụng các ẩn dụ, so sánh đích đáng tới việc "khảm" một cách khéo léo ý tứ của các văn bản xưa vào văn mạch mới. Tuy vậy, đọc chúng lên, ta không có cảm giác cộm, vướng, bởi tác giả đã hoàn toàn làm chủ những thủ thuật ngôn từ kia, bắt chúng vâng phục tuyệt đối sự điều hành của mình. Nói rộng ra, thiên bút kí đưa đến rất nhiều thông tin mà đọc lên vẫn thấy thanh thoát là nhờ thế.

Nhất quán với cách nhìn sử thi vốn có, Hoàng Phủ Ngọc Tường không quên tô đậm niềm "quang vinh" mà sông Hương đã có được trong lịch sử dài lâu của dân tộc. Có lẽ để khỏi mang tiếng là "thiên vị", ông đã dẫn ra các "lời chứng" vừa từ sử sách vừa từ những con người đã thực sự can dự vào cuộc kháng chiến vừa qua của dân tộc. Nhưng đồng thời, nhà văn cũng thối tha rằng mọi thứ trên đời đều có thể bị quên đi, chỉ văn hoá là còn lại mãi. Có chiến công nào lớn hơn chiến công của văn hoá? Và mọi chiến công khác, nếu còn muốn được nhắc tới thì đều phải mang ý nghĩa văn hoá. Ông viết: "Sông Hương là vậy, dòng sông của thời gian ngân vang, của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc. Khi nghe lời gọi, nó biết cách tự hiến đời mình làm một chiến công, để rồi nó trở về với cuộc sống bình thường, làm một người con gái dịu dàng của đất nước". Không, nhà văn không đơn thuần "tính đếm" hay kể lại những phẩm chất đa dạng của sông Hương. Lồng trong lời đánh giá khái quát mang tính chất ghi công đó, ông muốn đặc biệt nhấn mạnh đến vẻ đẹp văn hoá sâu xa, trầm tĩnh của sông Hương. Không phải ngẫu nhiên ở rất nhiều đoạn trong bài bút kí này, ông đã thường xuyên nghĩ tới Truyện Kiều, nhân vật Kiều khi nói về sông Hương. Đối với người Việt Nam, Truyện Kiều là tập đại thành của nền văn học, văn hoá dân tộc. Được so sánh, được liên hệ với Truyện Kiều chính là một niềm vinh dự. Nhưng một

điều thú vị đáng nói là trong Truyện Kiều luôn có vang bóng của sông Hương, của văn hoá sông Hương. Tác giả đã chứng minh điều này một cách tinh tế và thuyết phục, bằng mắt cảm nghệ sĩ, bằng những hiểu biết sâu sắc về cuộc đời Nguyễn Du. Ông đã có một so sánh rất lạ, rất độc đáo nhưng cũng vô cùng chính xác : "Hình như trong khoảnh khắc chùng lại của sông nước ấy, sông Hương đã trở thành một người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya". Sự thực, câu văn không đơn thuần chỉ có so sánh. Nó chứa đựng (hay là thể hiện) một cái nhìn đồng nhất hoá, nâng sông Hương lên thành đích thực một linh hồn. Tác giả cũng kể lại cho ta một phát hiện bất ngờ chỉ có được ở những con người sống vì nghệ thuật, sống trong nghệ thuật : "Tôi đã chứng kiến một người nghệ nhân già, chơi đàn hết nửa thế kỉ, một buổi tối ngồi nghe con gái đọc Kiều : "Trong như tiếng hạc bay qua - Đục như tiếng suối mới sa nửa vời"... Đến câu ấy, người nghệ nhân chột nhồm dậy vỗ đùi, chỉ vào trang sách Nguyễn Du mà thốt lên : 'Đó chính là Tứ đại cảnh !'". Bằng lịch lãm văn chương, nghệ thuật của mình, sau khi đi một vòng để nêu lên chân lí "dòng sông ấy không bao giờ tự lặp lại mình trong cảm hứng của các nghệ sĩ", rằng sông Hương đã hiện hình với đủ cung bậc trong thơ của Tản Đà và Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan và Tố Hữu, tác giả lại khẳng định trong niềm ngạc nhiên của sự khám phá : "sông Hương quả thực là Kiều, rất Kiều".

Viết về một dòng sông văn hoá, quả rất cần một tư thế văn hoá. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã thể hiện được điều này trong bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông ? Rất nhiều trải nghiệm của một đời viết luôn gắn bó với con người, dân tộc và đất nước đã được đưa vào đây. Yêu sông Hương nhưng tình yêu ấy không ngăn cản ta yêu những dòng sông khác có trên trái đất. Và ngược lại, niềm thích thú được quan sát dáng nét độc đáo của những dòng sông thuộc các vùng miền từng qua lại làm tươi mới trong ta nỗi rung động bồi hồi rất đặc biệt trước dòng sông quê hương đã nuôi lớn cuộc đời mình. Ai đã đặt tên cho dòng sông ? - Câu hỏi ấy không chỉ phản ánh một khoảnh khắc xao xuyến của tâm tư. Cao hơn, nó hé lộ cho ta thấy một tâm thế sống luôn có trách nhiệm với cuộc đời, luôn biết ngạc nhiên về cái bí ẩn, phong phú vô tận của tạo vật.

## **Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng:**

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc  
 Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
 Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
 Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm  
 Rải rác biên cương mồ viễn xứ  
 Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh  
 áo bào thay chiếu anh về đất  
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

### **Bài làm**

Rừng trong khi ấy chuyển phong vân  
 Sắp sửa xông xao cuộc họp quân  
 Vời vợi núi cao kêu bạn đến  
 Thành đô trai trẻ cũng đời chân.

Ta quên sao được những ngày cả nước lên đường chiến đấu. Những ngày tháng tuy chịu nhiều mất mát hi sinh nhưng thật hào hùng! Trong những chàng trai ra đi theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc có trai tim nhiệt tình của tầng lớp thanh niên trí thức Hà Nội. Hình ảnh người chiến sĩ “lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa” ấy được thể hiện đậm nét trong đoạn thơ sau của Tây Tiến:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc  
 Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
 Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
 Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm  
 Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh  
áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Quang Dũng)

Đoạn thơ vừa thể hiện vẻ đẹp lãng mạn hào hoa phong nhã của người lính [Tây Tiến](#), vừa mang đậm tính bi tráng.

Ở những khổ thơ trước, Quang Dũng vẽ nên trước mắt chúng ta bức tranh sinh động của núi rừng hiểm trở, dữ dội và những bản làng hiền hoà ẩn hiện trong sương núi. Ai đã từng đọc qua bài thơ không thể nào quên được hình ảnh phong cảnh nơi đây và càng không thể quên được hình ảnh người lính với bao ấn tượng đẹp đẽ, sâu sắc.

Hình tượng người lính được tô đậm với bút pháp lãng mạn, phi thường. Quang Dũng đã sử dụng bút pháp đối lập giữa hình thức và tinh thần để làm nổi bật lên bức tượng đài về đoàn quân [Tây Tiến](#).

Những người lính hiện ra trước mắt ta thật lắm liệt và dữ tợn. Họ là những đứa con của núi rừng cheo leo, hiểm trở và của ghập ghềnh thác lũ.... Họ như loài sư tử dũng mãnh, oai vệ, sẵn sàng chiến đấu và tiêu diệt khi kẻ thù xâm lược giang sơn. “Đoàn binh không mọc tóc”, “quân xanh màu lá dữ oai hùm” và đôi mắt trừng trừng đầy vẻ oán hận, căm thù gợi cho ta nhớ lại hình ảnh chàng Kinh Kha ngày xưa. Qua cách miêu tả của Quang Dũng, đoàn quân [Tây Tiến](#) xuất hiện như được sinh ra cùng một lứa, cùng một mẹ. Họ mang đặc điểm dường như bẩm sinh rất giống nhau. Họ có cùng ý chí, cùng nhân dạng và phẩm chất cao đẹp của người anh hùng.

Miêu tả nét hùng dũng, oai phong của người lính, Quang Dũng vẫn không che giấu một thực tế nghiệt ngã, đau lòng. Những cơn sốt rét rừng đã cướp đi của họ mái tóc xanh bóng bệnh của tuổi trẻ. Về gian khổ, thiếu thốn đã biến những thân hình cường tráng ngày xưa, giờ trở nên tiêu tụy, xanh xao, hốc hác.

Tuy nhiên, trong cái hình nhân ốm yếu, nhợt nhạt ấy, ta vẫn thấy được vẻ hùng dũng, oai phong và trái tim lãng mạn, giàu tình cảm của họ.

[Nguyễn Đình Thi](#) cũng đã từng tâm sự:

Những đêm dài hành quân nung nấu  
Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

Cùng gần tâm trạng đó, một lần khác nhà thơ đã viết:

Anh yêu em như yêu đất nước  
Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần  
Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước  
Mỗi bước anh nằm, mỗi miếng anh ăn.

Người lính của Quang Dũng cũng thế, học cũng nhớ về hình ảnh của người con gái. Nhưng có thể đây không phải là người con gái yếu mà là nét

đẹp đặc trưng của người Hà Nội phồn hoa. Nổi nhớ không được diễn tả trực tiếp mà nó được thể hiện qua đôi mắt trũng vì những đêm thức trắng trong giấc mơ ngọt ngào...

Đêm mơ Hà Nội dáng [kiều](#) thƠm

Đó chính là nét đẹp riêng của người lính trí thức mà anh “bộ đội Cụ Hồ” trong bài thơ của [Tố Hữu](#) không có được. Nếu người nông dân khi ra đi kháng chiến nhớ về “giếng nước gốc đa”, “nước mặn đồng chua” và người vợ “mòn chân bên cối gạo canh khuya” thì người lính [Tây Tiến](#) lại mơ về một “dáng [kiều](#) thƠm”.

Hình ảnh người con gái hiện lên thật thướt tha, [kiều](#) diễm và mong manh. Cái “dáng” ấy thật huyền ảo, mơ hồ, chập chờn, thoát ẩn thoát hiện như nàng tổ nga. Người con gái ấy đại diện cho nét đẹp của quê hương, của tổ quốc. Nhớ dáng [kiều](#) là nhớ về dáng hình quê hương xứ sở. Người lính ra đi, cầm súng chiến đấu quên mình để bảo vệ nét đẹp trong sáng và tinh khôi ấy của quê hương. Câu thơ vừa thể hiện nhiệt tình sôi nổi của tuổi trẻ, vừa diễn tả một tình cảm âm yêu nước tha thiết sâu lắng. Quả thật, người lính biết căm thù nhưng cũng rất biết yêu thương. Cái yêu thương đầy lãng mạn của tuổi trẻ

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh.

[Hình tượng](#) “người ra đi đầu không ngoảnh lại, sau lưng thềm nắng lá rơi đầy” gây biết bao xúc động trong lòng người đọc! Người chiến sĩ chiến đấu bất cần đời mình một ra đi là đã chấp nhận hi sinh, bằng lòng với cái chết. Ra đi chỉ nghĩ đến vận mệnh đất nước mà không màng đến tương lai đời mình.

Những ngôi “mồ viễn xứ” kia rồi sẽ ra sao? Ai sẽ là người thắp lên cho họ những nén nhang cho hương hồn họ được siêu thoát? Những ngôi [mộ](#) không tên. Những cái chết vô danh. Thương sao người mẹ già còm cõi ngày ngày trông ngóng tin con, mái tóc đã bạc màu theo năm tháng nhưng chẳng thấy bóng con về.

Bấm tay tính buổi anh đi

Mẹ thường vẫn nhắc biết khi nào về.

Sẽ mãi mãi và mãi mãi không có ngày:

Mẹ già bịn rịn áo nâu

Vui đàn con ở rừng sâu mới về!

Câu thơ của Quang Dũng gợi xiết bao nỗi bi thương. Thương cho người chiến sĩ bỏ quên lại cuộc đời khi tuổi hã còn xanh! Thương cho người mẹ già suốt đời quằn vai gánh nặng vất vả nay phải gánh thêm nỗi đau mất con!... Nhưng cái không khí âm ảm, thê lương không huỷ diệt đi tính hùng tráng của bài thơ.

“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” thể hiện dũng khí mạnh mẽ của người lính [Tây Tiến](#). Họ bất chấp mọi gian khổ, hi sinh, bất chấp cái chết để ra đi và chiến đấu một cách kiên hùng. Bức tượng đài về những người chiến sĩ bỗng trở nên sáng rực rỡ, lẫm liệt, oai phong đến lạ thường!  
áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

Anh đã nhường lại manh chiếu nghĩa tình để sưởi ấm đồng đội trong cơn giá rét. Thân thể lạnh vùi trong lòng đất sâu nhưng có lẽ, anh không cảm thấy cô đơn, lạnh lẽo vì bên anh có tình đồng đội chan chứa, mặn mà. Đã có sông Mã đưa hương hồn anh về với quê hương đất mẹ. Sông Mã như thay cho tiếng cầu kinh, thay cho tiếng súng tiễn đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng.

Cái chết của người lính [Tây Tiến](#) tưởng đã êm xuôi, tưởng đã trôi vào dĩ vãng theo năm tháng! Nhưng không, sông Mã ngày ngày vẫn “gầm” lên đầy uất hận, ghen ngào, Núi rừng [Tây Tiến](#) và con sông ấy ngàn năm sẽ khắc ghi mãi bóng hình người đã ngã xuống...

Nhớ đêm ra đi đất trời bốc lửa  
Cả đô thành nghi ngút cháy sau lưng  
Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng  
Hồn mười phương phất phơ cờ đỏ thắm  
Rách tả tơi rồi đôi giày vạn dặm  
Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa.

([Chính Hữu](#))

Một thời đại chiến tranh khói lửa, gian lao, thử thách, hi sinh, vất vả và cũng thật oai hùng đã được Quang Dũng dựng lại qua bài thơ [Tây Tiến](#). Đặc biệt, nhà thơ đã thành công trong việc tác nên những bức tượng đài về người lính [Tây Tiến](#) bằng những đường nét cụ thể và tiêu biểu từ hình dáng đến tâm hồn. Bức tượng đài ấy sẽ đứng vững chãi, hiên ngang giữa tâm hồn những người yêu thơ thế hệ hôm nay và mai sau.

## Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ [Tây Tiến](#) của [Quang Dũng](#):

Sông Mã xa rồi [Tây Tiến](#) ơi!  
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi  
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi

Mường Lát hoa về trong đêm hơi  
 Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
 Heo hút cồn mây, súng ngửi trời  
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống  
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi  
 Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
 Gục lên súng mũ bỏ quên đời !  
 Chiều chiều oai linh thác gầm thét  
 Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người  
 Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

### A - gợi ý chung

- Nắm được hoàn cảnh ra đời bài thơ Tây Tiến và bản thân nhà thơ Quang Dũng.
- Nội dung chính của đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ về những ngày hành quân gian khổ giữa vùng núi non hiểm trở, hùng vĩ.
- Tả núi đặc sắc, âm điệu phong phú luôn biến chuyển một cách linh hoạt.
- Những sáng tạo về từ ngữ, hình ảnh thể hiện qua các cụm từ như “nhớ chơi vơi”, “bỏ quên đời”, “súng ngửi trời” hoặc tính đa nghĩa của những câu thơ như “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”.
- Sự hoà hợp giữa những nét khoẻ khoắn, gân guốc với những nét miêu tả tinh vi, đậm dịu giàu chất nhạc và hoạ.

### B – Gợi ý cụ thể

#### A) mở bài

- Bài thơ là lòng bật trào của Quang Dũng khi nhớ về một đoàn quân, một miền đất, một đoạn đời nhà thơ
- Đoạn đầu nói về thiên nhiên Tây Bắc cũng như cuộc hành quân của đoàn binh Tây Tiến.

#### B) Thân bài

- Thiên nhiên và con người hoà quyện chặt vào nhau. Nói thiên nhiên là để nói về các chiến sĩ và ngược lại.
- Hai câu đầu xác định tâm thế sáng tạo của Quang Dũng. Ba chữ “nhớ chơi vơi” dùng rất sáng tạo.
- Hai câu tiếp theo khái quát được hai đặc điểm nổi bật của thiên nhiên Tây Bắc là khắc nghiệt và thơ mộng, đồng thời bắt đầu đi vào miêu tả hành trình của người lính Tây Tiến. Câu “Mường Lát hoa về trong đêm hơi” rất gợi.

- Cảnh núi non được nhìn bằng con mắt của kẻ vượt núi nên cái dốc được miêu tả rất kĩ. Chiều cao của dốc được “đo” bằng hơi thở của người lính. Sự phối hợp thanh điệu trong đoạn thơ hết sức sinh động, có giá trị tạo hình rất cao.

- Nói về sự hi sinh của người lính, âm điệu câu thơ trầm lắng và cũng xuống. Tác giả có ý thức nói tránh trực tiếp đến từ “chết”.

- Vẽ lên cảnh oai linh của núi rừng, tác giả gián tiếp làm nổi rõ cái “oai linh” của các chiến sĩ can trường, dũng cảm.

- Đoạn thơ kết thúc bằng giọng điệu bồi hồi. Một kỉ niệm ngọt ngào về tình quân dân được nhắc tới: “Mai Châu mùa em thơm nếp xôi” là câu thơ thang bằng gây cảm giác chơi vơi tâm hồn thanh thản.

### C) Kết bài

- Sự phối hợp giữa nét tả gân guốc với nét tả tinh tế mềm mại đưa lại cho người đọc những cảm xúc thẩm mỹ phong phú. Cảnh và người hiện lên đều lắng mạn.

- Đoạn thơ là đứa con của một tâm đã chín và cái tài hoa.

## C - Bài làm

Quang Dũng đến với thơ bằng những âm điệu trầm buồn, lặng lẽ. Thơ ông luôn mang nỗi nhớ, tiếc nuối men mang về những kỉ niệm chìm khuất trong quá khứ. “Tây Tiến” là nỗi nhớ day dứt khôn nguôi của nhà thơ, nỗi nhớ cần phải được giải bày tâm sự:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi

Dường như con sông Mã là hình ảnh đầu tiên để nhà thơ nhớ về Tây Tiến. Con sông cuộn cuộn chảy giữa những tháng ngày vất vả gian nan của người lính. Nỗi nhớ nhưng làm nhà thơ phải thốt lên “Tây Tiến ơi!” Quang Dũng luôn coi Tây Tiến là một hình tượng cụ thể có linh hồn, có cá tính và giờ đây Tây Tiến trở thành người bạn khác đã xa: Đó là con sông Mã!

Nỗi nhớ bỗng bênh như một dải lụa mềm, vương vít trong tâm hồn tác giả khiến tâm hồn cứ lâng lâng. Nỗi nhớ “chơi vơi” dội lên trên thình không, âm vang mãi, lặng lẽ ngấm vào từng tế bào. Trong nỗi nhớ đoàn quân mệt mỏi hành quân trong đêm.

Mỗi câu thơ lại nâng thêm một bậc cao hơn nữa. Câu thơ kế tiếp tạc ra sự hụt hẫng sự chênh lệch vơi vơi kéo thêm dốc núi lên tận trời cao:

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Thế đứng của các chiến sĩ thật cheo leo. Khoảng cách giữa đỉnh dốc và mặt đất cách xa nhau hàng vạn dặm. Nhìn “ngàn thước xuống” tác giả mới giật mình nhận thấy mình đang ở chót vót ở “ngàn thước lên cao”. Câu thơ hoàn toàn không đề cập đến con người nhưng chúng ta vẫn thấy rõ những

bóng người mệt nhọc, vất vả tiến lên tận “cồn mây heo hút” bao quanh các anh là mọi hiểm nguy, đe dọa từ thiên nhiên. Các anh vẫn âm thầm tiến lên để rồi chợt vỡ òa niềm vui sướng, hạnh phúc trước cảnh làng quê êm đềm, tuyệt đẹp trải dài ra trước mắt:

Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi

Câu thơ êm ái, nhẹ nhàng, mềm mại như một làn gió mát làm khô đi những giọt mồ hôi mệt nhọc của các anh. Những thanh bằng trong câu thơ góp phần trải dài rộng ra trước mắt người chiến sĩ cảnh thôn xóm xanh tươi, thanh bình hoà lẫn trong làn mưa bụi bay, gợi lên trong lòng các anh nỗi nhớ da diết về quê nhà. Thế nhưng, có anh đã không bao giờ có thể nhìn thấy được cảnh làng quê hiền hoà ấy nữa:

Anh bạn dãi dầu không bước nữa

Gục lên súng mũ bỏ quên đời.

Nhà thơ gọi anh là “anh bạn”, tiếng gọi thân thương, trù mến. Con đường hành quân dài dằng dặc những hiểm nguy đã làm các anh kiệt sức. Anh không bước nữa, gục lên súng mũ như đang trầm tư, mộng mơ về Hà nội, dáng nằm của anh thanh thản, nhẹ nhàng. Cái chết của anh cũng thật lặng lẽ. Dường như đã xác định “chiến trường đi chẳng tiếc ngày xanh”, cái chết đối với các anh thật đơn giản : anh chỉ để quên lại cuộc đời nơi trần thế, còn mình thì bay thật cao, thật xa. Cái chết của anh thật cao đẹp. Nhà thơ nói về cái chết thật tự nhiên nhưng lòng ta xót xa đau lòng biết mấy. Vất vả như thế, các anh vẫn cố gắng theo đồng đội lên tận dốc cao để rồi vĩnh viễn nằm lại nơi đây. Trên con dốc cao thăm thẳm chốn rừng thiêng nước động này, ai sẽ còn nhớ đến anh. Các anh nằm lại bên kia thế giới mà vẫn khao khát hướng về quê nhà.

Câu thơ nói về cái chết đưa ta chìm sâu vào cảm giác cô đơn, hoạn loạn. Thêm vào đó, cảnh rừng sâu âm u không ngớt vang lên những tiếng động hãi hùng.

Chiều chiều oai linh thác gầm thét

Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.

Tiếng gầm âm vang của thác, tiếng cọp hung dữ ẩn chứa bao hiểm nguy, đe dọa. Thiên nhiên kì bí như chực bóp nát đoàn quân mệt mỏi. Gian nan vất vả như thế, các anh vẫn có những giây phút tận hưởng niềm vui, niềm hạnh phúc đời thường. Đó là khi các anh dừng chân bên thôn cùng dân làng chia sẻ những ngày sinh hoạt giản dị bình thường. Đoạn thơ cuối mang đầy danh lam làm Tây Tiến trở nên đặc trưng hơn, trở thành duy nhất trong lịch sử văn học mọi thời đại.

Có thể nói xuyên suốt bài thơ là nỗi nhớ da diết. Những ngày tháng vất vả, gian truân những hình ảnh hoang sơ huyền bí và cả những cái chết lặng lẽ nơi ấy đều trở thành kỉ niệm mà xa rồi, nó mới gợi lên nỗi nhớ “chơi

vời”. Yêu bài thơ, ta thêm yêu con người một thời, âm thầm làm nên lịch sử, những con người còn lại cô đơn trên vách đá cheo leo

Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
Mường Lát hoa về trong đêm hơi.

Hình ảnh đoàn quân bước đi trong màn sương dày đặc, lúc ẩn lúc hiện mang dáng vẻ của một xứ thần tiên huyền bí. “Đêm hơi” có lẽ là nhẹ nhõm lẫn cùng với hương hoa bay ngan ngát làm cho không gian êm đềm dễ chịu đến kì lạ. Những chiến sĩ dường như đang hít căng lồng ngực cái không khí dễ chịu ấy. Từ “hơi” cũng với nỗi nhớ “chơi vơi” mang lên âm điệu của lời kêu gọi tha thiết.

Câu thơ kể tiếp đội lên sừng sững như một vách đá thẳng đứng  
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Câu thơ mang toàn thanh trắc cứ cao vút mãi lên. Những thanh trắc ở lãnh vực cao thấp khác nhau tạo nên sự gồ ghề, trúc trắc và không kém phần nguy hiểm của con dốc thăm thẳm. Thanh bằng ở từ lách đã bị chính bản thân từ lách đồng hoá, còn từ “lên” cũng gọi lên một độ cao toàn bộ câu thơ đang tiến lên chót vót trên cao.

Heo hút cồn mây, súng ngửi trời.

Quả là [Quang Dũng](#) thành công đến kì quái ở bài thơ [Tây Tiến](#). Thể hành trong thơ vốn có từ xưa bên Trung Quốc và được truyền vào ta khá lâu. [Tống biệt hành](#) của [Thâm Tâm](#) và Hành phương Nam của Nguyễn Bính mặc dù rất hay nhưng hình như không khí của hai bài thơ trên vẫn còn óch ách tiếng [sóng](#) tiễn Kinh Kha, qua sông Dịch? Đến [Tây Tiến](#) của [Quang Dũng](#), thể hành đã được Việt hoá, kháng chiến hoá, sông Mã hoá, Vệ quốc quân hoá....Nhịp thơ gắt như sự va đập của đầu người vào núi đá trong một cuộc leo cao ngất trời, dốc cao dựng đứng....Nhưng thần tình nhất là cái hồn của [Tây Tiến](#) thật chịu chơi, thật rộng lớn, hùng vĩ và ngang ngạnh, ngạo nghễ và kiêu sa....”

## **Tình quê hương đất nước trong ba bài thơ “ [Bên kia sông Đuống](#) “ ( [Hoàng Cầm](#) ) , “ [Việt Bắc](#) “ ( [Tố Hữu](#) ) và “ [Đất nước](#) “ ( [Nguyễn Đình Thi](#) )**

Văn hào Êrenbua có nói : “ Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất , yêu cái cây trồng ở trước nhà , yêu cái phố nhỏ đổ ra bờ sông , yêu vị

thơm chua chát của trái lê mùa thu , hay mùa cỏ thảo nguyên có hơi rượu mạnh . Chiến tranh khiến cho mỗi công dân Xô Viết nhận ra vẻ thanh tú của chốn quê hương . Người vùng Bắc nghĩ đến những cánh rừng bên dòng sông Vina hay miền Xucônô thân cây mọc là là mặt nước , nghĩ đến những đêm tháng sáu sáng hồng và tiếng cô nàng gọi đùa người yêu . Người xứ Ucơren nhớ bóng thuyền dương tư lự bên đường...” . Cuộc kháng chiến chống Pháp thần thành của dân tộc ta cũng đã khiến cho mỗi người Việt Nam càng thêm yêu thêm quý quê hương đất nước mình . Những công dân nhạy cảm nhất đã phản ánh tình yêu quê hương đất nước của nhân dân ta trong những bài thơ . Tiêu biểu cho những bài thơ đó là “[Bên kia sông Đuống](#) “ của [Hoàng Cầm](#) , “ [Đất nước](#) “ của [Nguyễn Đình Thi](#) và “ [Việt Bắc](#) “ của Tố Hữu .

Nhà thơ [Hoàng Cầm](#) đi kháng chiến chống Pháp giữa núi rừng [Việt Bắc](#), nhà thơ nhớ về quê hương Kinh Bắc [bên kia sông Đuống](#) đang còn trong bóng tối của giặc Pháp xâm lược:

“Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp

lánh

Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường

kì

Xanh xanh bãi mía bờ dâu

Ngô khoai biêng

biếc

Đứng bên này sông sao nhớ

tiếc

Sao xót xa như rụng bàn tay”

Nỗi nhớ thật tha thiết! Hình ảnh quê hương hiện lên trong thơ thật đẹp! Những cảm nhận riêng của thi sĩ gây ấn tượng sâu đậm cho người đọc . Cái dáng “ nghiêng nghiêng “ của dòng sông Đuống là của [Hoàng Cầm](#) . Nỗi “nhớ tiếc “ , “ xót xa “ trở thành nỗi đau của thân xác ( rụng bàn tay ) cảm động xiết bao! Bằng những cảm giác tinh tế , hình ảnh của quê hương trù [phú](#) , có truyền thống văn hoá hiện lên sinh động :

“[Bên kia sông](#)

[Đuống](#)

Quê hương ta lúa nếp thơm nồng

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi

trong

Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp “

Nhưng rồi giặc Pháp tàn bạo đã chà đạp lên quê hương thân yêu của nhà thơ :

“Quê hương ta từ ngày khùng  
khiếp

Giặc kéo lên ngục lửa hung tàn

Những giá trị văn hoá cổ truyền bị phá hoại . Còn đâu cuộc sống yên vui , còn đâu những cô nàng “ môi cắn chỉ quết trầu “ , còn đâu những cô hàng xén răng đen “ cười như mùa thu toả nắng “ , thật đau xót khi :

“Mẹ con đàn lợn âm

dương

Chia làm đôi

ngã

Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã

Bây giờ tan tác về đâu? “

Đúng như Êrenbua nói : “ Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất ...” Một dòng sông Đuống lấp lánh , những bức tranh làng Hồ , những thiếu nữ quan họ...đã nói lên tình yêu quê hương tha thiết của thi sĩ và gợi đến tình yêu quê hương sâu thẳm của mỗi tâm hồn Việt Nam.

[Nguyễn Đình Thi](#) lại [cảm hứng](#) về đất nước có tính chất tổng hợp . Tất nhiên đất nước rồi cũng được gợi lên bằng những hình ảnh , chi tiết cụ thể . Trường hợp này giống Trần Mai Ninh viết Tình sông núi khởi đầu bằng “Trăng nghiêng trên sông Trà Khúc ...” . [Nguyễn Đình Thi](#) gợi lên hình ảnh của đất nước bằng niềm vui trước mùa thu kháng chiến với những sắc màu , âm thanh rộn rã :

“Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi

Gió thổi rừng tre phấp

phới

Trời thu thay áo  
mới  
Trong biếc nói cười thiết tha”

Giữa thời điểm nghiêm trọng của lịch sử , nhà thơ khẳng định tinh thần độc lập tự chủ của dân tộc , và bộc lộ niềm tự hào về đất nước :

“Trời xanh đây là của chúng  
ta  
Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm  
mát  
Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa”

Nếu [Hoàng Cầm](#) nồng nàn với những kỷ niệm thì [Nguyễn Đình Thi](#) suy tư và triết lí về đất nước , về không gian , về thời gian . [Hoàng Cầm](#) gọi lên hình ảnh con người của quê hương còn [Nguyễn Đình Thi](#) gọi lên con người của lịch sử . Cụ thể và khái quát , trừu tượng đều có sức mạnh :

“Nước chúng ta,

Nước những người chưa bao giờ  
khuất  
Đêm đêm rì rầm trong tiếng  
đất  
Những buổi ngày xưa vọng nói về”

Đoạn kết bài thơ “ [Đất nước](#) “ là [cảm hứng](#) anh hùng ca . Tác giả ngợi ca sức mạnh bão táp của một dân tộc vùng lên giành tự do độc lập . Chiến thắng Điện Biên Phủ như là một biểu tượng sức mạnh của dân tộc anh hùng và cũng là biểu tượng cho sức mạnh của tình yêu Tổ quốc :

“Súng nổ rung trời giận  
dữ  
Người lên như nước vỡ  
bờ  
Nước Việt Nam , từ máu  
lửa  
Rũ bùn đứng dậy sáng loà .”

Bài thơ “ [Việt Bắc](#) “ của [Tố Hữu](#) là bản anh hùng ca kháng chiến . Trong bản đại hợp xướng ấy có một dòng [trữ tình](#) ngọt ngào , thắm thiết diễn tả tình yêu quê hương đất nước sâu sắc và mới mẻ . Đó là tình yêu “ quê hương cách mạng dựng nên cộng hoà “ :

“Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.  
Mình về mình có nhớ không  
Nhìn cây nhớ núi , nhìn sông nhớ nguồn? “

Lời [Việt Bắc](#) gợi đến tình nghĩa sâu sắc từ những ngày gian khổ , chia ngọt sẻ bùi :

“Mình về , có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối , mối thù nặng cai?  
Mình về , rừng núi nhớ ai  
Trám bùi để rụng , măng mai để già.  
Mình đi , có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám , đậm đà lòng son “

Đáp lại lời [Việt Bắc](#) , người cán bộ kháng chiến cũng gợi lại những ân tình :

“Nhớ gì như nhớ người yêu  
Trăng lên đầu núi , nắng chiều lưng nương”

Người về nhớ cảnh và người [Việt Bắc](#) , nhớ lại những kỷ niệm của những ngày kháng chiến gian nan “ bát cơm sẻ nửa , chăn sui đắp cùng “ . Và hình ảnh sâu đậm nhất đối với người cán bộ cách mạng là hình ảnh người mẹ [Việt Bắc](#) :

“Nhớ người mẹ nắng cháy lưng  
Địu con lên rẫy , bẻ từng bắp ngô. “

Thiên nhiên [Việt Bắc](#) bốn mùa xanh tươi rực rỡ cũng được người về gọi lên đầy sức quyến rũ :

“Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.  
Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình  
Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung”

Từ âm điệu [trữ tình](#) ngọt ngào thắm thiết , nhiều đoạn vang lên âm hưởng anh hùng ca . Tác giả tự hào về những chiến thắng oai hùng của dân tộc như Phủ Thông , Đèo Giàng , Sông Lô , Tây Bắc , Điện Biên Phủ . Ngợi ca những chiến thắng vẻ vang của dân tộc cũng chính là nhà thơ thể hiện ở đỉnh cao tinh thần yêu quê hương đất nước :

“Những đường [Việt Bắc](#) của ta  
Đêm đêm râm rập như là đất nung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.  
Dân công đổ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá , muôn tàn lửa bay.  
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày  
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.”

Mượn màu sắc của tình yêu , bằng hình thức hát đối đáp dân tộc , nhà thơ [Tố Hữu](#) đã diễn tả sâu sắc và phong [phú](#) tình yêu quê hương đất nước và

niềm tự hào về đất nước trong cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ vĩ đại .

Cuộc kháng chiến chống Pháp đã khiến cho mỗi người Việt Nam thêm yêu thương gắn bó với quê hương đất nước thân yêu của mình . Các nhà thơ đã khéo léo trưng bày những của quý cất giấu kín đáo trong rương trong hòm đó của nhân dân . Mỗi bài mỗi vẻ , ba bài thơ : “ [Bên kia sông Đuống](#) “ của [Hoàng Cầm](#) , “ [Đất nước](#) “ của [Nguyễn Đình Thi](#) , “ [Việt Bắc](#) “ của [Tố Hữu](#) đã diễn tả sâu sắc tình yêu quê hương đất nước của nhân dân ta . Cùng ca ngợi một dòng tình cảm lớn và cao quý của dân tộc nhưng mỗi bài thơ có nét riêng độc đáo . Bài thơ “ [Bên kia sông Đuống](#) “ diễn tả tình yêu cụ thể về một miền quê trù [phú](#) và một mảnh đất văn hoá lâu đời . Bài thơ “ [Đất nước](#) “ diễn tả khái quát và triết lí về tình yêu đất nước . Bài thơ “ [Việt Bắc](#) “ diễn tả tình cảm mới mẻ , tình yêu quê hương cách mạng . “ Dòng suối đổ vào sông, con sông Volga đi ra biển . Lòng yêu nhà , yêu làng xóm , yêu miền quê trở nên tình yêu tổ quốc “ (Êrenbua) . Mỗi bài thơ của [Hoàng Cầm](#) , của [Nguyễn Đình Thi](#) , của [Tố Hữu](#) như những dòng suối trong trẻo mát lành đã đổ vào dòng sông của tình yêu quê hương và góp phần làm nên biển lớn của tình yêu Tổ quốc .

may”. Từ “xao xác gợn âm thanh của những chiếc lá vàng lặn trên phố dài Hà Nội, tiếng thu của phố phường”. “Làm thơ là cân từng một phần nghìn miligram quặng chữ” ( Maiacôpxki ). [Nguyễn Đình Thi](#) cũng đã cân nhắc từng chữ theo tinh thần như thế. “Hơi may” chứ không phải “heo may”, nghĩa là còn nhẹ hơn gió heo may. Tác giả đã miêu tả được không khí rất đặc trưng của Hà Nội trong những ngày đầu thu với những nét tĩnh lặng, buồn và đẹp.

Mùa thu gợi cho nhà thơ nhớ lại như in hình ảnh của những thanh niên Hà Nội ra đi kháng chiến. Trong lớp người ra đi chắc chắn có tác giả, hồi đó cũng còn rất trẻ:

“Người ra đi đâu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy.”

Những thanh niên Hà Nội già từ thủ đô hoa lệ lên đường đi kháng chiến chống Pháp, tư thế thật là dứt khoát: “đầu không ngoảnh lại”. Tư thế đáng vẻ đó không nói lên sự hờ hững mà thể hiện sự xúc động trong lòng. Người thanh niên Hà Nội ra đi kháng chiến hồi đó, tinh thần gắn với người hiệp sĩ. Nhiều nhà thơ cũng đã miêu tả những chàng thanh niên rời Hà Nội đi kháng chiến với tinh thần nghĩa hiệp như vậy

“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”

(Quang Dũng )

“Những chàng trai chưa trắng nợ anh hùng  
Hồn mười phương phát phơ cờ đỏ thắm”

([Chính Hữu](#))

Những chàng trai trong bài thơ “[Đất nước](#)” ra đi với tinh thần quyết tâm, không bị rịn thê nhi, nhưng vẫn đầy lưu luyến với Hà Nội thân yêu. “Người ra đi đâu không ngoảnh lại” mà vẫn nghe được âm thanh của những chiếc lá rơi bên thêm nắng:

“Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy”

Tiết tấu của câu hơi lạ. Nếu đọc theo tiết tấu “Sau lưng thêm / nắng lá rơi đầy” thì ý thơ hơi xô bồ. Lắng nghe nhà thơ [Nguyễn Đình Thi](#) đọc, ta nhận ra tiết tấu của câu thơ là:

“Sau lưng thêm nắng / lá rơi đầy”

“Thêm nắng” là hình ảnh, ánh sáng, màu sắc của ấn tượng. Tứ thơ thêm thi vị, hợp với hồn thu Hà Nội, cũng hợp với nỗi buồn man mác của buổi chia li. Câu thơ gợi nhớ những câu thơ ấn tượng trong phong trào thơ mới:

“Vàng rơi, vàng rơi, thu mệnh mông”

(Bích Khê)

“Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa”

(Anh Thơ)

Câu thơ cũng gợi nhớ câu thơ ấn tượng trong bài thơ [Việt Bắc](#) của [Tố Hữu](#):  
“  
Ve kêu rừng phách đổ vàng”

“Người ra đi đâu không ngoảnh lại” mà vẫn nhận biết lá rơi đầy “sau lưng thêm nắng” thì không thể nói hết được lòng yêu quê hương Hà Nội của “người ra đi” sâu thẳm dường nào!

[Nguyễn Đình Thi](#) là nhà thơ có sức nỗ lực phấn đấu cho từng câu thơ, cho sự giàu có bên trong câu thơ. Ông coi thường sự liên kết bên ngoài giữa các câu thơ. Trên con đường nỗ lực phấn đấu ấy, nhà thơ đã để lại những câu

thơ hay, những câu thơ dày dặn chất liệu cuộc sống, nặng trĩu tư tưởng và có sức lay động mạnh mẽ tâm hồn người đọc. Mấy câu thơ trong phần mở đầu bài thơ “[Đất nước](#)” là thành công mỹ mãn của [Nguyễn Đình Thi](#) trong nghệ thuật thơ.

## **Phân tích ý nghĩa tư tưởng và giá trị nghệ thuật của truyện [Vợ nhặt](#) (Kim Lân)**

### **BÀI LÀM 1**

Nông thôn và nông dân vốn là đề tài quen thuộc của [thể loại](#) truyện ngắn xưa và nay. Dù ta phân loại dòng văn học tiểu thuyết theo phương diện nào cũng không thể bỏ qua dòng tiểu thuyết về nông thôn. Với đề tài đó, nhiều [nhà văn](#) đã trở nên nổi tiếng và học cũng đã cho ra đời nhiều tác phẩm có giá trị. Chẳng hạn trước Cách mạng tháng Tám có tác phẩm [Tắt đèn](#) của Ngô Tất Tố, tác phẩm [Chí Phèo](#) của [Nam Cao](#), rồi tác phẩm [Con trâu](#) của Trần Tiêu... Những tác phẩm này đã được viết với nội dung đơn giản nhưng mang tư tưởng khá sâu sắc. Trong số những [nhà văn](#) viết về nông thôn đó, có một người tuy viết sau và viết ít, nhưng khi tác phẩm vừa ra đời thì đã cho mọi người ưa thích và hoan nghênh. Đó chính là truyện ngắn [Vợ nhặt](#) của [nhà văn Kim Lân](#). Với truyện ngắn [Vợ nhặt](#), [Kim Lân](#) đã viết rất chân thật và hết sức sắc sảo và để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

Thông thường một tác phẩm chỉ có thể đứng vững khi [nhà văn](#) có nội dung mới, cách nói mới. Tác phẩm [Vợ nhặt](#) của [Kim Lân](#) cũng vậy.

Trước hết, mới qua cái tựa đề [Vợ Nhặt](#) thôi mà nó cũng đã mang lớp ý nghĩa, nó gây cho độc giả một sự chú ý hết sức đặc biệt trước khi thưởng thức tác phẩm. Bởi xưa nay trên thế gian người ta nói là [nhặt được](#) cái này, cái nọ chớ có ai nói là [nhặt được](#) vợ bao giờ. Vả lại, lấy vợ vốn là một trong ba việc khó nhất đời của người đàn ông: “tậu trâu, lấy vợ, làm nhà”. Bởi vì việc dựng vợ, dựng chồng phần nhiều được tổ chức thế này thế nọ, hết sức long trọng. Ấy vậy mà anh Tràng tự nhiên [nhặt được](#) cô vợ thì quả thật là việc bất ngờ, lý thú. Và với cái nội dung đó thì chỉ có cái nhan đề [Vợ nhặt](#) mới nói đúng và sát với diễn biến câu chuyện mà thôi. Cũng với nhan đề độc đáo đó mà [Kim Lân](#) đã nói lên được thân phận con người lao động nông dân trong những năm bốn mươi lăm đói kém đến nỗi vợ mà người ta có thể [nhặt được](#) một cách dễ dàng như [nhặt](#) một [cọng rơm](#), [cọng cỏ](#) vậy.

Một điều quan trọng hơn góp phần tạo nên sự thành công của tác phẩm đó chính là nghệ thuật dựng truyện. Đọc qua những trang truyện ngắn [Vợ nhặt](#) của [Kim Lân](#) một sự tưởng tượng hết sức phong phú cứ gợi và diễn ra trong tâm trí của chúng ta. Một bức tranh nông dân trong những năm bị cái đói hoành hành của một phần tư đất nước, cứ như rõ mồn một. Nhân dân lao động bị đói, tiều tụy đáng thương cứ hiện lên trước mắt. Còn nỗi đau đớn nào hơn khi chứng kiến cái cảnh “ Cái đói đã tràn về” trẻ con vì đói khát mà “chúng ngồi ủ rũ không buồn nhúc nhích”. Trẻ em vì thế, người lớn phải trôi dạt nay đây mai đó. Một cọng rau cho đỡ đói cũng không, đâu tới hạt cơm hạt thóc... bởi thế những góc tường, phố chợ người đói nằm “la liệt như ngã rạ” càng kinh tởm và đớn đau khi có “cái mùi gậy gậy của xác người chết”.

[Kim Lân](#) đã dựng truyện dựng cảnh hiện thực một cách độc đáo như vậy nhưng về phương diện khác cách xây dựng nhân vật và diễn biến tâm lý nhân vật lại càng độc đáo hơn. Nhân vật Tràng hiện lên qua trang văn với đầy đủ những gì chân thật nhất của người nông dân - người nông dân bị đói khát: “Chiếc áo vắt trên vai, dường như mỗi mẹt, vật vãi của buổi chiều đè nặng trên cái lưng to của hắn”. Ôi tiếng “hắn” cái tiếng xưng gọi mà ta đã quen thuộc ở [Chí Phèo](#) của [Nam Cao](#) nay lại hiện lên trước mắt: “Hắn ngồi khóc, khóc rồi chửi, hắn chửi ai? Hắn chửi đời, chửi giờ, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cả những thằng cha mẹ nào đẻ ra hắn...” Tiếng hắn vền vền vậy thôi, ghê tởm ư? Thù ghét ư? Khinh bạc ư?

Không ! Cả hai [nhà văn Kim Lân](#) và [Nam Cao](#) đều gọi lên tiếng hắn với tất cả niềm đau xót, thương cảm, trân trọng.

Ai đã một lần đọc [Vợ nhặt](#), làm sao không xúc động và có thể quên được một nhân vật - [bà cụ Tứ](#) - mẹ anh Tràng.

Không biết được chuyện con mình – Tràng - nhặt được vợ mang về tâm trạng của cụ diễn biến thật phong phú, phức tạp. Trong những ngày tháng bị cái đói bất hạnh, bà thấu hiểu. Bà rất ý thức về việc dựng vợ, dựng chồng cho con mình “phải làm thế này, thế nọ”. Nhưng trời ơi “ cái khó bó cái khôn”. Con người ta có thấu hiểu cái lo lắng đến đâu thì cũng chỉ là con số không. Bởi vậy, cụ Tứ chỉ biết nghĩ “tủi thân, tủi phận” mà thôi. Bà thương con mình rồi thương con dâu. Cún nhìn người đũa bà lòng đầy thương xót. Hỡi ơi ! Có ai thấu hiểu cho cụ không ? Tình thương yêu, sự đồng cảm, chịu đựng hoàn cảnh không chỉ riêng ai – cái đói cái khát – đã khiến lòng cụ không nghĩ gì khác, lờn nói đầy xúc động của cụ “Chúng mày lấy nhau lúc này”...thương quá ! Sao nó mặn mà , sâu đậm đến vậy. Hoàn cảnh đói khát đến chết người vậy mà nổi lên cái nền ấy một khối đầm ấm yêu thương làm sao, có lẽ truyền thống ngàn đời của dân tộc “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách” được [Kim Lân](#) gửi gắm qua những trang

văn xúc động này.

Việc Tràng đã có vợ vừa là niềm vui, vừa là nỗi lo của [bà cụ Tứ](#). Có cha mẹ nào không sung sướng, hạnh [phúc](#) khi con cái của mình đủ lông đủ cánh trải qua thời niên thiếu nay trưởng thành đã có vợ có chồng... Còn lo là lo vì hoàn cảnh hiện tại từ trước đến giờ chỉ có hai mẹ con, nạn đói hoành hành vốn đã khó đủ ăn nay thêm một miệng ăn lại càng khó khăn vất vả thêm. Tuy vậy, niềm vui vẫn là phần nhiều “khuôn mặt bủng beo của bà rạng rỡ hẳn lên”, “bà cụ nói toàn chuyện vui, chuyện tương lai sau này”, bà cố giấu nỗi lo để cho con dâu được vui vẻ. Tuy vậy bà vẫn “nghẹn” lời. Bà vẫn tin tưởng ở con, ở tương lai rạng rỡ hơn. Một câu nói đầy tự tin của cụ “Tụi mày ráng bảo nhau mà làm ăn may ra trời cho khá hơn không... có ai giàu ba họ có ai khó ba đời đâu”. Quả là một sự tin tưởng hoàn toàn khách quan, có căn cứ, khó khăn rồi nhất định sung sướng, hạnh [phúc](#). Nếu nói như [Hồ Chí Minh](#) trong Trời hửng thì cũng chẳng khác nào : Hết mưa là hửng nắng lên thôi, hết khổ là vui vốn lẽ đời. Vì thực tế là như vậy, hình ảnh lá cờ đỏ tung bay cùng với đám người cướp kho thóc ở cuối truyện cũng hiện lên trong tâm trí Tràng đã mở ra một số phận nhân vật một khung trời mới đi làm cách mạng với những thắng lợi vang dội non sông như Cách mạng tháng Tám, Điện Biên Phủ sau này.

Với cách dựng truyện độc đáo, xây dựng nhân vật với sự chuyển biến tâm lí, tình tế [Kim Lân](#) đã thành công đáng kể với truyện ngắn [Vợ Nhặt](#). Có thể với nhân vật, tình tiết câu chuyện đi qua số phận nhân vật là sự mở đầu cho ý thức đấu tranh, giác ngộ cách mạng. Dù chỉ thông qua một vài câu nói đến “lá cờ đỏ”, “Việt Minh” nhưng [Kim Lân](#) đã thành công được và không để cho số phận nhân vật mình tối tăm bế tắc như chị Dậu – anh Pha như [Chí Phèo](#), anh kép Tư Bền...trước đó.

Tóm lại , đồng cảm với [Kim Lân](#), xót thương,c ảm thông cho những con người trong [Vợ nhặt](#), ta hãy hát cùng [Tố Hữu](#) ca khúc vốn là truyền thống của dân tộc Việt Nam ngàn đời:

Có gì đen trên đời hơn thế  
Người với người sống để yêu nhau.

## BÀI LÀM 2

[Kim Lân](#) đã có lần tâm sự “Ý nghĩa của truyện: trong sự túng đói quay quắt, trong bất cứ hoàn cảnh khốn khổ nào, người nông dân ngụ cư vẫn

khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạ m để mà vui, để mà hi vọng” (Cách mạng, kháng chiến và đời sống [văn học](#) – NXB Tác phẩm mới, 1985)

Với một ý đồ như thế, [Kim Lân](#) chọn nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu làm bối cảnh cho truyện thì quả là đặc địa. [Vợ nhặt](#) trước hết là thiên truyện nói về cái đói. Chỉ mấy chữ “Cái đói tràn đến...” đủ gợi lên hoài niệm kinh hoàng cho người dân xứ Việt về một thảm họa lớn của dân tộc đã quét đi xấp xỉ gần một phần mười dân số trên đất nước ta. Đúng như chữ nghĩa [Kim Lân](#), hiểm họa ấy “tràn đến”, tức là mạnh như thác dữ. Cách tả của [nhà văn](#) gây một ám ảnh thê lương qua hai loại hình ảnh: con người năm đói và không gian năm đói. Ông đặc tả chân dung người năm đói “khuôn mặt hốc hác u tối” nhưng đáng sợ nhất là có tới hai lần ông so sánh người với ma: “Những gia đình từ những vùng Nam Định, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma”, và “bóng những người đói đi lại lặng lẽ như những bóng ma”. Kiểu so sánh ấy thể hiện một cảm quan đặc biệt của [Kim Lân](#) về cái thời ghê rợn : đó là cái thời ranh giới giữa người và ma, cái sống và cái chết chỉ mong manh như sợi tóc. Cõi âm nhoa vào cõi dương, trần gian mất mé miệng vực của âm phủ. Trong không gian của thế giới ngổn ngang người sống kẻ chết ấy, cái tiếng quạ “gào lên từng hồi thê thiết” cùng với “mùi gậy gậy của xác người” càng tô đậm cảm giác tang tóc thê lương. Quả là cái đói lộ hết sức mạnh huỷ diệt cuộc sống đến mức kinh khủng. Trong một bối cảnh như thế, [Kim Lân](#) đặt vào đó một mối tình thì quả thật là táo bạo. Cứ như thủ thuật “trêu tức” của điện ảnh, [Kim Lân](#) tạo ra một “xen” thật bi hài. Khi cái dạ dày còn chưa được đầy đủ thì ngay cái sản phẩm tinh thần kì diệu nhất của loài người là tình yêu cũng làm sao tránh được sự méo mó. Chao ôi, toàn chuyện cười ra nước mắt : bốn bát bánh đúc ngày đói mà làm nên một mối tình, nỗi căm ngày đói đủ làm cổ tan hôn...Ngòi bút khắc khổ của [Kim Lân](#) không né tránh mà sẵn đuổi hiện thực đến đây , tạo cho thiên truyện một cái “phông” đặc biệt, nhàu nát, ảm đạm , tăm tối và phải nói là có phần nghiệt ngã.

Nhưng quan tâm chính của [nhà văn](#) không phải là dựng nên một bản cáo trạng trong [Vợ nhặt](#), mà dồn về phía khác, quan trọng hơn. Từ bóng tối của hoàn cảnh, [Kim Lân](#) muốn toả sáng một chất thơ đặc biệt của hồn người. Mảng tối của bức tranh hiện thực đau buồn là một phép đòn bẩy cho mảng sáng về tình người toả ra ánh hào quang đặc biệt của một chủ nghĩa nhân văn tha thiết cảm động.

Trong văn chương, người ta nhấn mạnh chữ tâm hơn chữ tài. Song nếu cái tài không đạt đến một mức độ nào đó thì cái tâm kia làm sao bộc lộ ra được. [Vợ nhặt](#) cũng thế : tấm lòng tha thiết của [Kim Lân](#) sở dĩ lay động người đọc trước hết là nhờ tài dựng truyện và sau đó là tài dẫn truyện.

Tài dựng truyện ở đây là tài bạo nên tình huống truyện độc đáo. Ngay

cái nhan đề [Vợ nhặt](#) đã bao chứa một tình huống như thế. Trong một bài phóng vấn, [Kim Lân](#) đã hào hứng giải thích : “Nhặt tức là nhặt nhanh, nhặt vu vơ. Trong cảnh đói năm 1945, người dân lao động dường như khó ai thoát khỏi cái chết. Bóng tối của nó phủ xuống xóm làng. Trong hoàn cảnh ấy giá trị của một con người thật vô cùng rẻ rúng, người ta có thể có vợ theo, chỉ nhờ mấy bát bánh đúc bán ngoài chợ - đúng là “nhặt được vợ như tôi nói trong truyện “ (Báo văn nghệ số 19, ngày 8-5- 1993 –tr5). Như vậy thì cái thiêng liêng (vợ) đã trở thành rẻ rúng (nhặt). Nhưng tình huống truyện còn có một mạch khác: cái chủ thể của hành động “nhặt” kia là Tràng, một gã trai nghèo xấu xí, dân ngụ cư đang thời đói khát mà đột nhiên lấy được vợ, thậm chí được vợ theo thì quả là điều lạ. lạ tới mức nó tạo nên hàng loạt những kinh ngạc cho xóm làng, [bà cụ Tứ](#) và chính bản thân Tràng nữa : “cho đến bây giờ hẳn vẫn còn ngỡ ngợ như không phải như thế . Ra hẳn đã có vợ rồi đấy ư?”. Tình huống trên gợi ra một trạng thái tinh tế của lòng người : trạng thái chông chênh khó nói – cái gì cũng chấp chờn, như có như không. Đây là niềm vui hay nỗi buồn? Nụ cười hay nước mắt?...Cái thế đặc biệt của tâm trạng này đã khiến ngòi bút truyện ngắn của [Kim Lân](#) mang dáng dấp của thơ ca.

Dựng truyện hay chưa đủ. Tài dựng truyện giống như tài của anh châm ngòi pháo. Có lửa đốt, châm đúng ngòi nhưng pháo có nhiều quả điếc thì vẫn cứ xịt như thường. Cho nên tài dựng truyện phải gắn với tài dẫn truyện nữa mới tạo sự sâu sắc, hấp dẫn. Tài dẫn truyện của [Kim Lân](#) thể hiện qua lối sử dụng ngôn ngữ nông dân đặc biệt thành công, qua lời văn áp sát vào tận cái lõi của đời thực khiến mỗi câu chữ như được “búng” ra từ chính cái nguồn ngôn của cuộc sống. Song quan trọng nhất vẫn là ở bút pháp hiện thực tâm lý. Phải nói, tình huống truyện trên kia thật đặc địa cho [Kim Lân](#) trong việc khơi ra mạch chảy tâm lý cực kỳ tinh tế ở mỗi nhân vật. Rất đáng chú ý là hai trường hợp: [bà cụ Tứ](#) và Tràng. Đây là hai kiểu phản ứng tâm lý trước một tình thế như nhau, song không ai giống ai. Trước hết là Tràng, một thân phận thấp hèn nhưng lại là một chú rể có thể coi là hạnh [phúc](#). Hạnh [phúc](#) đích thực bao giờ cũng gây một chấn động tâm lý lớn. Chấn động ở Tràng tạo một mạch tâm lý ba chặng. Khởi đầu là ngỡ ngàng. Hạnh [phúc](#) gây men ở Tràng thành cảm giác mới mẻ kì diệu. Cảm giác ấy hút lấy toàn bộ con người hẳn: vừa lặn vào tâm linh (Trong người êm ái lửng lơ như người ở trong giấc mơ đi ra) vừa tỏa ra, vật chất hóa thành cảm giác da thịt (Một cái gì đó mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng). Với cây bút hiện thực, những đoạn văn như thế đã đạt đến “thần bút”, vì trạng thái người viết như nhập vào làm một với trạng thái nhân vật (còn gọi là năng lực “hóa thân” trong văn xuôi, năng lực “nhập

thần” trong thơ ca). Rồi cái ngõ ngành hạnh [phúc](#) kia cũng nhanh chóng đẩy thành niềm vui hữu tình cụ thể. Đó là niềm vui về hạnh [phúc](#) gia đình – một niềm vui giản dị nhưng lớn lao không gì sánh nổi. Chẳng thế mà một người nổi tiếng như Tsecнepxki từng mơ ước: “Tôi sẵn sàng đánh đổi cả sự nghiệp nếu biết rằng trong một căn phòng nhỏ ấm áp nào đó, có một người đàn bà đang ngóng đợi tôi về ăn bữa tối”. Chàng thanh niên nghèo hèn của [Kim Lân](#) đã thực sự đạt được một niềm vui như thế: “Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng với vợ sinh con đẻ cái ở đấy. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn sung sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng”. Một niềm vui thật cảm động, lẫn lộn cả hiện thực lẫn giấc mơ. Điều này thì anh Tràng của [Kim Lân](#) còn may mắn hơn [Chí Phèo](#) của [Nam Cao](#): hạnh [phúc](#) đã nằm gọn tay Tràng, còn [Thị Nở](#) mới chấp chới tầm tay [Chí Phèo](#) thì đã bị cái xã hội đen tối cướp mất. Có một chi tiết rất đắt của [Kim Lân](#): “Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà”. So với cái dáng “ngật ngưỡng” mở đầu tác phẩm, hành động “xăm xăm” này của Tràng là một đột biến quan trọng, một bước ngoặt đổi thay cả số phận lẫn tính cách của Tràng: từ khổ đau sang hạnh [phúc](#), từ chán đời sang yêu đời, từ ngây dại sang ý thức. Chẳng thế mà [Kim Lân](#) đã thấy đủ điều kiện đặt vào dòng suy nghĩ của Tràng một ý thức bồn phẫn sâu sắc: “Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bồn phẫn lo lắng cho vợ con sau này”. Tràng đã thực sự “phục sinh tâm hồn” - đó là giá trị lớn lao của hạnh [phúc](#). Cô [Kiều](#) xưa “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” thì táo bạo đấy mà vẫn cứ chệnh vênh, đờn độc thế nào. Cái xăm xăm của Tràng mới thực khỏe, tự tin làm sao!

Bình luận truyện [Vợ nhặt](#), không hiểu sao có một câu rất quan trọng của [Kim Lân](#) mà mọi người cứ bỏ qua. Đó là câu kết truyện: “Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói lá và lá cờ đỏ bay phấp phới...”. Một câu kết như thế, chứa đựng bao sức nặng về nghệ thuật sẽ sa vào lối kết cấu khép của [văn học](#) hiện thực phê phán. Sự bổ sung chi tiết này tạo ra một kết cấu mở khiến [Vợ nhặt](#) thực sự vượt qua phạm trù của [văn học](#) 1930 – 1945 để bước tới phạm trù của nền [văn học](#) mới. Nhờ thế, thiên truyện đã đóng lại mà một số phận mới vẫn tiếp tục được mở ra. Cái “lá cờ đỏ” kia như tín hiệu của một sự đổi đời. Nhân vật Tràng tiếp tục vận động về phía niềm tin, về phía cuộc sống. “Lá cờ đỏ” như gợi mở một sự thanh toán triệt để ở Tràng một số phận bế tắc kiểu anh Pha, chị Dậu, [Chí Phèo](#)... Chi tiết này không phải là một mơ ước viển vông, một ảo tưởng [cổ tích](#) mà có cơ sở chần chừ từ trong hiện thực đời sống.

Quá trình tâm lí của cụ Tứ có phần còn phức tạp hơn nhân vật Tràng. Nếu ở đứa con trai, niềm vui làm chủ, tâm lí phát triển theo chiều thẳng

đứng phù hợp với một chàng rể trẻ tuổi đang tràn trề hạnh phúc thì ở bà mẹ, tâm lí vận động theo kiểu gấp khúc, hợp với những nỗi niềm trắc ẩn trong chiều sâu riêng của người già từng trải và nhân hậu.

Cũng như con trai, khởi đầu tâm lí ở bà cụ Tứ là ngỡ ngàng. Anh con trai ngỡ ngàng trước một cái dường như không hiểu được. Cái cô gái xuất hiện trong nhà bà phúc đầu như một hiện tượng lạ. Trạng thái ngỡ ngàng của cụ Tứ được khơi sâu bởi hàng loạt những câu hỏi nghi vấn: “Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con trai mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đục. Ai thế nhỉ? Rồi lại: “Ô hay, thế là thế nào nhỉ”. Trái tim người mẹ có con trai lớn vốn rất nhạy cảm về điều này, vậy tại sao Kim Lân lại để cho nhân vật người mẹ ngỡ ngác lâu đến thế? Một chút quá đà, một chút “kịch” trong ngôi bút Kim Lân? Không, nhà văn của đồng nội vốn không quen tạo dáng. Đây là nỗi đau của người viết: Chính sự cùng quẫn của hoàn cảnh đã đánh mất ở người mẹ sự nhạy cảm đó.

Nếu ở Tràng, sự ngỡ ngàng đi thẳng tới niềm vui thì ở bà cụ Tứ, sự vận động tâm lí phức tạp hơn. Sau khi hiểu ra mọi chuyện, bà lão “cúi đầu im lặng”. Cái thương của bà mẹ nhân hậu mới bao dung làm sao: “Biết chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?”. Trong chữ “chúng nó”, người mẹ đã đi từ lòng thương con trai sang con dâu. Trong chữ “cúi đầu”, bà mẹ tiếp nhận hạnh phúc của con bằng kinh nghiệm sống, bằng sự trả giá của một chuỗi đời nặng nhọc, bằng ý thức sâu sắc trước hoàn cảnh, khác hẳn anh con trai tiếp nhận hạnh phúc bằng một nhu cầu, bằng một ước mơ tinh thần phơi phới.

Rồi tình thương lại chìm vào nỗi lo, tạo thành một trạng thái tâm lí triền miên day dứt. Tác giả xoáy vào dòng ý nghĩ của bà mẹ: nghĩ đến bốn phận làm mẹ chưa tròn, nghĩ đến ông lão, đến con gái út, nghĩ đến nỗi khổ đời mình, nghĩ đến tương lai của con... để cuối cùng dồn tụ bao lo lắng, yêu thương trong một câu nói giản dị “Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá”. Trên đồng bóng buồn lo, niềm vui của mẹ vẫn cố ánh lên: Cảm động thay, Kim Lân lại để cái ánh sáng kì diệu đó tỏa ra từ ...nồi cháo cám. Hãy nghe người mẹ nói: “chè đây – bà lão múc ra một bát – Chè khoán đây, ngon đáo để cơ”. Chữ “ngon” này cần phải cảm thụ một cách đặc biệt. Đó không phải là xúc cảm về vật chất (xúc cảm về vị cháo cám) mà là xúc cảm về tinh thần: ở người mẹ, niềm tin về hạnh phúc của con biến đắng chát thành ngọt ngào. Chọn hình ảnh nồi cháo cám, Kim Lân muốn chứng minh cho cái chất người: trong bất kì hoàn cảnh nào, tình nghĩa và hi vọng không thể bị

tiêu diệt. Con người vẫn muốn sống cho ra sống, và cái chất người thể hiện ở cách sống tình nghĩa và hi vọng. Nhưng [Kim Lân](#) không phải là [nhà văn](#) lãng mạn. Niềm vui của cụ Tứ vẫn cứ là niềm vui tội nghiệp, bởi thực tại vẫn nghiệt ngã với nỗi chao cám “đắng cay và nghẹn bùi”.

Thành công của [nhà văn](#) là đã thấu hiểu và phân tích được những trạng thái khá tinh tế của con người trong hoàn cảnh đặc biệt. Và vượt lên hoàn cảnh vẫn là một vẻ đẹp tinh thần của những người nghèo khổ. Cái thế vượt hoàn cảnh ấy tạo nên nội dung nhân đạo độc đáo và cảm động của tác phẩm.

Thông điệp của [Kim Lân](#) là một thông điệp mang ý nghĩa nhân văn. Trong tiểu thuyết nổi tiếng Thép đã tôi thế đấy, [nhà văn](#) Nga Nhicôlai Ôxt rôpxki đã để cho nhân vật Paven Coocsaghin ngẫm nghĩ: “Hãy biết sống cả những khi cuộc đời trở nên không thể chịu được nữa”. [Vợ nhặt](#) là bài ca về tình người ở những kẻ nghèo khổ, đã “biết sống” cho ra người ngay giữa thời túng đói quay quắt.

Thông điệp của [Kim Lân](#) đã được chuyển hóa thành một thiên truyện ngắn xuất sắc với cách dựng tình huống truyện và dẫn truyện độc đáo, nhất là bút pháp miêu tả tâm lí tinh tế, khiến tác phẩm mang chất thơ cảm động và hấp dẫn.

## **Qua hai nhân vật Mị và A Phủ, hãy nêu lên giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm [Vợ chồng A Phủ](#) của [Tô Hoài](#).**

### **A – Yêu cầu chung**

Qua hai nhân vật Mị và A Phủ, nêu giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm [Vợ chồng A Phủ](#) của [Tô Hoài](#).

Các ý lớn cần có:

1 Giá trị hiện thực của tác phẩm

a) Tố cáo, lên án mạnh mẽ tội ác thực dân, phong kiến.

b) Cuộc sống thống khổ cay cực của đồng bào miền núi dưới ách thống trị đó.

c) Chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng. Quá trình đến với cách mạng của nhân dân miền núi: phản ánh qua qua trình đấu tranh từ tự phát đến tự giác.

2 Giá trị nhân đạo của tác phẩm thể hiện

a) Tác giả đã phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn của họ.

b) Niềm tin ở khả năng cách mạng của đồng bào. Chỉ ra cho đồng bào con đường đến với hạnh phúc thực sự: Theo cách mạng, theo Đảng đứng lên giành lại tự do, đánh đổ thực dân, phong kiến. Từ nô lệ đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

## B – Bài làm

Nếu như tác phẩm *Dế mèn phiêu lưu kí* của [Tô Hoài](#) mang một giọng hồn nhiên trong sáng thì tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của ông mang lại màu sắc dân tộc đậm đà, chất thơ chất [trữ tình](#) thấm đượm. Qua tác phẩm, [nhà văn](#) đã dựng nên một bức tranh hiện thực của hai cuộc đời: Mị và A Phủ, những bức tranh đó cũng chứa chan một tấm lòng nhân đạo của [Tô Hoài](#).

Mị, một cô gái xinh đẹp trẻ trung, nhưng lại mang một kiếp sống nghèo của kẻ “thấp cổ bé họng”. Cha mẹ cô không thể trả nổi món nợ nhà thống lí thế là món nợ ấy truyền sang Mị. Tên thống lí tàn bạo ấy lại muốn bắt Mị làm con “dâu gạt nợ”. Mà quan đã muốn là trời muốn, cô Mị về làm dâu nhà quan mà trong lòng mang một mối uất ức không thể giải bày. Tiếng làm dâu nhưng lại là một thứ nông nô không hơn không kém, cô mất tất cả quyền sống, quyền được xem là một con người. Ngày trước dẫu nghèo nhưng được tự do, yêu đời, giờ đây vẫn nghèo vẫn cực nhục lại nhục nhã chịu kiếp sống nô lệ qua kiếp sống của Mị, [nhà văn](#) bộc lộ một tấm lòng thương người, chua xót cho [số phận con người](#), và cũng qua đó [Tô Hoài](#) đã vạch trần cái bản chất bóc lột giai cấp. Người ta dùng cái thế lực và tiền bạc “cướp người đàn bà đem về trình ma”, thế là người đàn bà cũng bị cái “ma” vô hình trói cả cuộc đời trong nhà ấy. Nếu chẳng may chồng chết thì người ấy phải làm vợ người khác trong nhà, có khi là một người anh chồng già lụ khụ, có khi là một người em chồng còn ở tuổi trẻ con, và nếu chồng lại chết, lại phải ở với người đàn ông khác vẫn ở trong nhà ấy. ... Phải suốt đời ở trong nhà ấy.

Mị đã khổ nhiều rồi, trong cái địa ngục trần gian ấy, lại càng khổ hơn khi phải chấp nhận mình là kiếp trâu kiếp ngựa. Cả những con người cứng rắn, có lẽ không khỏi động lòng khi đọc đến câu “Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa”... Khổ mà đến “quen” rồi quả thật ý thức con người đã bị tê liệt, đã mất đi cái “yếu tố xã hội” để được xem là con người. Chuỗi ngày cực nhục đã cướp đi của Mị sức sống tài năng cướp đi những thất vọng tuổi trẻ

những “lúc hồi hộp chờ đợi người yêu”. Lúc nào và bao giờ cũng thế, công việc cứ giăng trải ra trước mặt Mị, cứ những công việc quen thuộc làm đi làm lại “Tết xong thì lên núi hái [thuốc](#) phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp... Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế”. Khổ quá, cái khổ cứ chực bóp nát cuộc đời Mị, thế sao Mị không tự tử chết đi cho rồi? Không được bởi “Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ. Mị đành trở lại nhà thống lí”.

Cuộc sống trong cái địa ngục khủng khiếp đã bào mòn đi trái tim yêu đời của Mị, giờ đây nó đã trở nên trơ lì, chai sạn. Mị chỉ còn biết vùi đầu vào công việc “lùi lũi như một con rùa nuôi trong xó cửa”. Thế giới của Mị thu vào một “chiếc cửa sổ ô vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”. Ý thức đã hoàn toàn biến dạng, Mị nhìn ra cuộc đời bằng ô cửa sổ, mà lại chẳng biết gì ngoài ấy thì có phải Mị đã quên mình là con người! Rõ ràng [Tô Hoài](#) đã tuân thủ nguyên tắc biện chứng của chủ nghĩa hiện thực một cách nghiêm ngặt: hoàn cảnh đã tác động vào tính cách Mị. [Vợ chồng A Phủ](#) chính là một bản cáo trạng danh thép kết án những bọn cường hào thống lí và [Tô Hoài](#) đã mở rộng tấm lòng mình để bao bọc, che chở, bênh vực cho những người phụ nữ miền núi chịu hai tầng bóc lột.

Bức tranh hiện thực được hoàn chỉnh hơn với sự xuất hiện của A Phủ, một chàng trai khỏe mạnh cường tráng, trung thực. Chỉ vì những cuộc ẩu đả thường tình mà A Phủ bị đưa ra xử kiện có phải là vô lí không? Nhưng vấn đề ở chỗ: Người đúng là con dân còn kẻ sai là con quan, hơn nữa, quan lại là người xử kiện. Như thế chẳng biết “công lí” có còn ngự trị nơi quan đường? Chỉ biết rằng A Phủ đang là một con chim xoài cánh trong bầu trời tự do bỗng chốc bị nhốt trong lồng, bị trở thành nô lệ. Dường như cuộc đời A Phủ có lặp lại ít nhiều những biến thái của cuộc đời Mị. Đó là số phận chung cho những người miền núi thời bấy giờ.

Nhắc đến tác phẩm, người ta nhắc đến tính hiện thực và giá trị nhân đạo. Hiện thực mà chỉ bằng tố cáo phê phán thì còn khiếm khuyết, “nhân đạo” mà chỉ có yêu và ghét thì chưa phải là nhân đạo. [Nhà văn](#) cần phải hiểu nhân vật và tìm ra con đường tất yếu mà nhân vật phải đi. Tính cách nhân vật phát triển theo hoàn cảnh và được [Tô Hoài](#) phân tích theo con đường phát triển của tâm lí nhân vật. Thiết nghĩ đây mới là giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo độc đáo của tác phẩm. Nhân cách Mị bị tha hóa trong cái địa ngục trần gian là hợp lí, sống cho ra người thì không sống được muốn chết cũng ko chết được. Có phải Mị đã ở cái trạng thái “sống dở chết dở”. Rồi Mị

phải quen, phải chịu đựng, và trở nên chai lì như một cỗ máy. Liệu Mị có còn lối thoát? Nếu như có một hoàn cảnh đã làm tê liệt ý thức con người thì sẽ có một hoàn cảnh để vực dậy trong lòng họ một sức sống. Nghe như mơ hồ nhưng đó là sự thực. Dòng nước mắt của A Phủ chính là “hoàn cảnh” đã giúp Mị sống dậy. “Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lóe Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại”. Mị bắt gặp dòng nước mắt ấy và nhớ về mình, Mị cũng phải trối đứng thế kia và Mị cũng khóc “nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ không biết lau đi được”. Dòng nước mắt là sự đồng cảm giữa hai con người. Dòng nước mắt của A Phủ đã làm bỏng rát vết thương trong lòng Mị. Tất cả thôi thúc Mị cởi trói cho A Phủ và cả hai người “lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi”. Họ đến lập nghiệp ở Phiềng Sa. Thế rồi chẳng bao lâu sau, cái đồn Tây, lại lù lù xuất hiện, cha con thống lí lại vào ở đó. Trước mắt hai người chỉ còn một sự lựa chọn: trở về kiếp sống nô lệ hoặc chống kẻ thù. Cách mạng rồi sẽ đến với họ và họ sẽ trở thành người của cách mạng.

Muốn phân biệt giữa giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo là điều không phải dễ. Thực ra, cả hai hòa quyện vào nhau, đan xen vào nhau. Có ghét [nhà văn](#) mới tố cáo bọn thống lí Pá Tra, có thương cảm [nhà văn](#) mới viết được những câu văn đầy xúc động, có hiểu [nhà văn](#) mới đi sâu vào cuộc sống tâm lí con người. Và [Tô Hoài](#) có thông cảm với nhân vật lắm mới có thể xét đoán tinh tế cuộc sống tinh thần của Mị. Những ngày tháng đầu tiên ở nhà thống lí Mị cứ khóc có đến hàng tháng, thế rồi định ăn lá ngón để tự tử vì không chịu nhục. Nhưng vẫn cố sống, sống một cách gượng gạo vì chữ hiếu. Mị nghèo vật chất nhưng không nghèo tình thương, lòng Mị vẫn âm ỉ một khao khát sống khao khát được tự do. Nếu như [nhà văn](#) lạnh lùng theo chủ nghĩa hiện thực khách quan thì làm sao [nhà văn](#) nắm bắt được cái khoảnh khắc ngăn ngủi nhưng vẫn “tồn tại đời đời” ấy. Rõ ràng [nhà văn Tô Hoài](#) tuân theo chủ nghĩa hiện thực nhưng ông tin rằng hoàn cảnh đâu có khắc nghiệt vẫn không thể vùi dập hoàn toàn nhân tính. Hoàn cảnh tác động tính cách nhưng không giết chết tính cách.

**Một trong những sáng tác nghệ thuật đặc sắc của Kim Lân trong truyện ngắn Vợ nhặt là đã xây dựng được tình huống truyện đặc sắc và hấp dẫn. Hãy**

## phân tích truyện Vợ nhặt để chứng minh ý kiến trên.

### BÀI LÀM

Đọc Vợ nhặt của Kim Lân tôi lại rờn rợn nhớ đến Một đám cưới nghèo của Nam Cao với những bóng đen lăm lũi đi trong màn sương chiều nhập nhoạng. Cái đói, cái nghèo ấy sao đầy kinh hoàng và u ám đến thế. Chính cái đói, cái nghèo đó tạo nên cho Vợ nhặt một tình huống hết sức độc đáo và hấp dẫn. Và vì thế, Kim Lân đã đóng góp một truyện ngắn vào loại hay nhất trong văn học Việt Nam hiện đại

Ngay từ tựa đề của tác phẩm cũng gợi lên sự chua xót, mai mỉa, một nỗi đau không thể nói thành lời. “Nhặt vợ”, một hành động nghe sao đơn giản và dễ dàng đến như vậy? Điều đó hoàn toàn trái ngược với quan niệm của dân gian:

Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà  
Trong ba việc ấy thật là khó thay

Vậy mà ở đây Tràng đã nhặt được vợ hẳn hoi, trong cơn đói khủng khiếp mà có lẽ “đến năm 2000 con cháu chúng ta vẫn kể cho nhau nghe để rùng mình” đang hoành hành. Cái lạ thường, kì dị của hành động đã tạo nên một tình huống vô cùng độc đáo mang ý nghĩa phân phối toàn bộ tác phẩm.

Đã từ lâu, dân làng cái xóm ngụ cư này đã quá quen với hình ảnh vộp vạp, thô kệch của Tràng với cái cười “hềnh hệch” vô hồn lúc nào cũng nở trên môi, Tràng nghèo túng, xấu xí, dần dần hơn cả những con người tồi tàn, bèo bọt ở cái xóm làng thì làm gì có thể lấy được vợ? Thế nhưng hôm nay, bên cạnh cái lưng to rộng như lưng gấu của hẳn lại có cả một người đàn bà rón rén và e thẹn. Điều đó gợi nên sự kinh ngạc cho cả xóm. Sự tò mò, soi mói cứ lan dần theo từng bước đi của Tràng và người đàn bà trên con đường xao xác, heo hút. Mọi người cứ xì xầm bàn tán “Ai đấy nhỉ ! Hay là người nhà bà cụ Tứ mới lên?” “Chả phải, từ ngày còn mồ mả ông cụ Tứ có thấy họ mạc nào lên thăm đâu?” thỉnh thoảng lại “rung rúc” vang lên tiếng cười đầy ghê rợn như tiếng cú báo hiệu tai ương và chết chóc vọng mại theo đôi uyên ương về cuối xóm. Mặc cho những lời bàn tán, Tràng vẫn lăm lũi bước dưới những gốc gạo sù sì có “bóng những người đói đi lạng lẽ như những bóng ma thay cho khách” và tiếng quạ gào lên thê thiết từng hồi thay cho pháo cưới. Câu chuyện chìm trong nặng nề và sợ hãi, đầy những cảnh ma quái, đen tối. Cái đói đã luồn những làn gió chết chóc mọi nơi. Vậy mà Tràng lại có vợ “Ôi chao! Biết có nuôi nổi nhau qua được cái thời này không”

Tình huống Tràng có vợ gây ra ấn tượng rất mạnh. Cả xóm ngạc nhiên

đã đành, mà ngay cả [bà cụ Tứ](#), mẹ Tràng cũng rất ngạc nhiên. Làm sao kể xiết sự sững sờ của bà khi trông thấy người đàn bà đứng ở đầu giường của con mình, lại còn chào mình bằng u nữa. Bà không thể nghĩ rằng con mình lại có vợ, ngay trong cái thời buổi đói kém này. Bà cứ hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn mà càng lúc nó cứ nhoèn mãi ra.

Tình huống càng bất ngờ đến hài hước khi chính Tràng cũng vẫn còn “ngỡ ngàng như không phải”. “Ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hăn vẫn còn ngỡ ngợ như không phải. Ra hăn đã có vợ đấy ư?”. Mọi chuyện xảy ra quá bất ngờ, dường như chỉ là cơn mơ. Người đàn bà chỉ gặp mới hai lần lại trở thành vợ hăn. Mà thật ra, hăn cũng không có ý định gì với thị...Thị liêu lĩnh đến với hăn chỉ bằng [mô](#) câu nói suông. Thị theo hăn như phó mặc cho số phận. Cái đói đã đẩy họ đến với nhau.

Trong cái thời tao đoạn ấy, việc Tràng lấy vợ quả là một tình huống oái ăm. Ta sẽ mừng hay lo, buồn hay vui cho cặp vợ chồng này? Tâm trạng của những nhân vật trong câu chuyện chứa đầy những cảm xúc ngổn ngang và mâu thuẫn. [Bà cụ Tứ](#) vui vì cuối cùng con mình cũng có vợ nhưng lại tủi vì sự trở trối của số phận : có phải thời “tao đoạn” như thế, người ta mới chịu lấy con mình? Bà mẹ nghèo nặng trĩu những lo âu cho tương lai của con mình, “liệu chúng nó có nuôi nhau nổi sống qua được cơn đói khát này không?”. Câu hỏi từ tận đáy lòng của bà mẹ “chất chứa nỗi hoang mang, ám ảnh của kiếp bần hàn không lối thoát và cả sự rình rập trước ngõ của cơn ác mộng về cái đói chưa bao giờ dứt đến thế”. Trong lòng bà, ta cảm thấy cả nỗi buồn của một người mẹ không được thấy con trong ngày vui, không được một vài mâm làm lễ gia tiên. Trong lời ghen ngoài tâm sự của à có cả sự xót xa, một chút ân hận vì đã không làm được đầy đủ bổn phận của một người mẹ đối với con.

Tâm trạng của Tràng cũng biến đổi liên tục từ khi thị quyết định theo hăn về nhà. Tình huống nhạt vợ mang đầy vẻ bi hài, chỉ bằng những câu bông lơn và bốn chén bánh đúc, thị đã đồng ý làm bạn với hăn. Thị theo hăn dường như để giải quyết nhu cầu ăn. Những chuyện tưởng như rất thô luậ và trơ trẽn nhưng dưới ngòi bút tài tình của [Kim Lân](#), nó trở nên nhẹ nhàng hơn và lấp ló tình thương. Tràng hoàn toàn mờ mịt về tương lai của mình “thóc gạo này đến thân mình còn chả biết có nuôi nổi không lại còn đèo bồng” nhưng hăn vẫn ra tay cứu người đàn bà nghèo khổ. Đói kém đã đẩy đưa người phụ nữ đến với hăn, mang đến cho hăn niềm hạnh [phúc](#) của một người có được mái ấm gia đình với bao ước mơ về tương lai dung dị nhưng đầy cảm động. Chính vì thế, hăn nhận ra trách nhiệm của mình đối với hạnh [phúc](#) mà mình vừa có được. Lòng hăn chợt loé lên một ý nghĩa được đổi đời, tự đứng hăn thấy ân hận , tiếc rẻ, vẫn vợ, khó hiểu.

Không cần dùng đến những lời lẽ đanh thép hay “đại ngôn” nhưng tác

phẩm [Vợ nhặt](#) mang đến một giá trị nhân bản vô cùng to lớn. Bằng tình huống đầy bi hài, nó xoáy vào tố cáo chế độ thực dân phát xít, nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cái đói kinh hoàng. Cái đói mang đến sự chết chóc, tang thương khắp mọi nơi và cũng chính nó làm những giá trị con người bị hạ xuống mức thấp nhất. Con người dường như mất hẳn tính người, chỉ còn sống theo bản năng để được ăn, được sống...Cơn đói khát làm cho người đàn bà quên cả sĩ diện, được ăn hai con mắt trứng hoáy của thị sáng lên tức thì, thế rồi “thị sà xuống ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì”. Đoạn văn làm cho bất cứ ai có lương tâm cũng phải xấu hổ, phải quay mặt đi để cười ra nước mắt. Thì làm ta liên tưởng đến bà lão trong Một bữa no của [Nam Cao](#). Con người trở nên trở trăn, mất nhân cách khi cái đói lớn vờn trong tâm trí. Giận thị nhưng ta vẫn xót xa trước dáng hình tiều tụy của thị “hôm nay thị rách quá, quần áo tả tơi như tổ đũa, thị gầy sọp đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt”. Cái đói, với bóng đen kinh hoàng của nó bao trùm khắp mọi nơi, đè nặng lên cuộc sống bình thường của mỗi con người. Còn gì thê thảm bằng đám “rước dâu” có tiếng quạ kêu thê thiết đón chào, đêm tân hôn có tiếng ai hờ khóc tỉ tê “có mùi đốt đống rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt”. Thân phận bợt bèo của những con người như Tràng, những cảnh cảnh bần cùng ấy tự thân nó đã có sức tố cáo mạnh mẽ cái tội ác của thực dân phát xít...

Thế nhưng, chính trong cái cảnh thê lương ấy, những tấm lòng nhân hậu lại sáng ngời lên mà tiêu biểu trong tác phẩm là [bà cụ Tứ](#). Trong lòng người mẹ nghèo ấy lúc nào cũng mang sẵn tình thương con vô bờ bến “vừa ai oán vừa xót xa cho số kiếp của đứa con mình”. Trong cái nhìn đăm đăm vào người đàn bà đang “cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt” có sự xót thương, thông cảm sẻ chia. Tình thương con dù bao la đến mấy cũng có thể chỉ làm bà “rũ xuống hai dòng nước mắt”. Cái khổ đau vất vả một đời đã vắt kiệt nước mắt người mẹ. Nó không đủ để chảy thành dòng “rũ” xuống như chết non một cách tức tưởi. Không còn nước mắt nhưng bà vẫn nhận lấy nguy cơ bị cái chết gần thêm bước nữa.

Bằng ngòi bút tài năng của mình, [Kim Lân](#) có lúc đã đưa người đọc đến tận cùng màn đêm tối tăm, u ám, nhưng rồi lại nhẹ nhàng hé ra một khe sáng lấp ló đâu đó khiến chúng ta hướng về và vươn tới. Người dân Việt nam mà đại diện là những bà mẹ Tràng, anh Tràng và người đàn bà vẫn khát khao cuộc sống hạnh phúc tươi sáng hơn. “Bà lão nói toàn chuyện vui, chuyện sung sướng sau này”. Trong tâm trí bà đã có sẵn một viễn cảnh tươi sáng gia đình. Niềm vui làm bà mẹ Tràng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác thường, “cái mặt bủng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên”. Ta vui lây niềm vui của gia đình hoà thuận, đầm ấm, niềm vui của Tràng được thấy xung quanh mình hôm nay có

gì vừa thay đổi mới mẹ, khác thường. Niềm vui bất chợt của gia đình làm ta cười sung sướng nhưng nước mắt vẫn cứ tuôn mãi nghẹn ngào. Ta muôn tha thứ tất cả, kể cả sự tráo trúa của người đàn bà và cả tội phung phí đến hai hào dầu của anh Tràng.

Chỉ một tình huống nhỏ nhoi nhưng [Kim Lân](#) đã gợi nên biết bao điều. Mỗi ý nghĩ của tình huống lại mang một giá trị nhân bản, tấm lòng nhân đạo bao la của [nhà văn](#). Chính vì thế, tác phẩm mang đầy tình yêu thương nồng ấm như một ngọn lửa nhỏ lấp loé mãi trong cuộc đời. Và tác phẩm đã cho ta phát hiện thêm một bản chất tuyệt vời nhân hậu, tuyệt vời đùm bọc hi sinh của những người nông dân Việt Nam. Dù đứng trước sự mất còn của mạng sống (hiểu theo nghĩa đen trần trụi nhất) vẫn cứu mạng, vẫn lấy lại phẩm giá để làm người, để sống với hi vọng, với tương lai. Lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh dẫn đoàn đói khát đi phá kho thóc của Nhật đâu chỉ là mộng tưởng? Tương lai mới “bạch sắc” (màu trắng) nhưng “dĩ thành hồng” (đã thành đỏ) rồi. Cách mạng đã gần kề, suối nguồn của chủ nghĩa nhân đạo sẽ tắm gội những con người bình dị nhưng có phẩm chất nhân đạo như cụ Tứ, như Tràng và cô “[vợ nhặt](#)” tội nghiệp.... Họ sẽ viết tiếp truyện thống về phẩm giá con người Việt Nam trong tương lai.

## **Phân tích tâm nhân vật bà cụ Tứ trong chuyện ngắn [Vợ nhặt](#) của [Kim Lân](#).**

### **BÀI LÀM**

Cái cò mà đi ăn đêm  
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao...

*(Ca dao Việt Nam)*

Sẽ chẳng bao giờ ta quên cánh cò bay mãi mê chấp chới...cánh cò trắng gầy guộc suy tư lặng lẽ như cuộc đời người mẹ. Người mẹ Việt Nam hiền lành, nhẫn nhục thương con và giàu lòng nhân ái. Chẳng biết từ bao giờ hình ảnh người mẹ đã trở thành một đề tài khá quen thuộc trong thi đàn [văn học Việt Nam](#), đặc biệt là thời kỳ 1945-1975. Giữa những năm “đói mòn đói mỏi” ấy nếu như cái đói đã làm con người ta mất đi nhân tính vui với “một bữa no”, “một cái móng giò” thì đây vẫn còn những người mẹ giàu lòng nhân hậu sẵn sàng đánh đổi sự sống của mình để cứu mạng kẻ khác. Có đọc [Vợ nhặt](#) của Kim Lân ta mới thấu hiểu thế nào là lòng mẹ. Vâng, “Lòng mẹ bao la như biển thái bình dat dào”.

Truyện được mở đầu bằng một tình huống khá độc đáo. Vào một buổi chiều “Tối sầm lại vì đói khát” giữa những năm tháng “người chết như ngã rạ” ấy. Chàng lại dắt về giới thiệu một “nàng dâu”. Cả cái xóm ngụ đang bị cái đói làm mờ cả mắt ấy bỗng xôn xao hẳn lên: Người thở người thì “khẽ thì thầm” người “bỗng lại cười lên cùng cục” và họ cùng nín lặng. Cái không khí ảm đạm ấy đi theo tràng và người đàn bà nọ đến tận nhà. Buổi lễ ra mắt hết sức kỳ quặc và hết sức bất ngờ. Không bất ngờ làm sao được khi mọi chuyện lại xảy ra một cách chóng vánh như thế, dẫu [bà cụ Tứ](#) có thương con đến mấy lòng cũng không khỏi ngạc nhiên. Tràng nhắc đi nhắc lại mấy lần: “Kìa nhà tôi nó chào u”. Nhưng bà cụ vẫn không hiểu. “Bà lão bản khoả ngồi xuống giường. Ô hay, thế là thế nào nhỉ?”. Chỉ đến khi Tràng nhắc lại “Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ.” thì bà lão mới vỡ lẽ. Ra là thế. Đọc đến đây tự dưng tôi lại nhớ đến bà mẹ trong Một đám cưới ([Nam Cao](#)), bà mẹ ấy trong đám cưới của con mình dù là một đám cưới nghèo đã hoạt bát và nhanh nhẹn biết bao. Giá trong hoàn cảnh khác có lẽ mẹ Tứ cũng vui mừng và hớn hở như ai, làm cha làm mẹ có ai lại không mong con cái yên bề gia thất có cháu để ẵm bồng, nhưng qua cái giọng ngập ngừng đứt quãng của Tràng hình như phần nào ta cũng nhận ra cái xót xa đến tội nghiệp. Tràng không ngờ. Bà lão càng không ngờ. Ai có thể ngờ rằng Tràng sẽ cưới vợ đúng hơn là nhặt vợ trong lúc này đâu. “Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi.”. Trong cái khoảnh khắc lặng im ấy có đến hàng trăm hàng nghìn nỗi lo toan giữa lòng mẹ. “Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa tiếc thương cho số kiếp đứa con mình”. Chính giữa lúc này chấp nhận “nàng dâu” là mẹ Tứ đồng tình với cái khó cái khổ cái đói đang đe dọa tính mạng của gia đình bà. Cuộc đời mà ai có thể biết được ngày mai sẽ còn ai sẽ mất ai trong những năm tháng đói khổ này. Cãi hằn bà nghĩ lung lắm. Ta chợt nhớ đến bà lão trong Một bữa no, cái đói làm người ta mất hết nhân cách mất cả tính người. Ở đây mẹ Tứ có thể từ chối thẳng thừng “nàng dâu” mà anh con trai đã nhặt được. Tình cảnh này, có ai trách bà đâu. Nhưng... làm sao bà cụ có thể hành động như thế một khi bà nghĩ đến cái được vợ của con và cái mất của người kia thì người ta theo không về ở với con mình. Bà mẹ quê hiền lành. Làm sao bà có thể chối từ khi người đàn bà đáng thương kia cũng đang đói khổ như bà. Tục ngữ có câu: “Thương người như thể thương thân”. Phải rồi, bà đã khổ và đã hiểu thế nào là đói khổ thì lẽ nào... Nhiều khi cái khổ, cái đói lại giúp người ta xích đến gần nhau hơn! Hình như sự đồng cảnh là một động lực thúc đẩy người ta hiểu và thông cảm nhau hơn.

Bà lão đã khóc, “trong đôi mắt kìm nèm của bà rĩ xuống hai dòng nước mắt”. Có thể nói đoạn này [Kim Lân](#) đã trở thành một nhà quay phim tài ba. Từ từ trong cận cảnh hiện lên đôi mắt hằn dấu chân chim một thời vất vả

của mẹ Tứ và trên khoé mắt nứt nẻ ấy rịn ra một giọt nước mắt khô héo. Nước mắt của người già. [Nguyễn Khuyến](#) đã viết:

Tuổi già hạt lệ như sương  
Hơi đâu ép lấy hai dòng chứa chan.

Năm tháng qua đi, những nhọc nắn, lo toan, vất vả đã vất kiệt sức mẹ. Mẹ không khóc được nữa “nước mắt người già chảy ngược vào trong tim”. Vâng, mẹ già rồi nước mắt của mẹ chỉ đủ làm thành hai dòng lăn chậm trên khuôn mặt già nua nhân hậu ấy thôi. Bà khóc cho niềm vui và khóc cho cả nỗi buồn. Đây là nước mắt của người mẹ! “May ra mà qua khỏi được cái tôi đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ông già bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo hết được”. Bà lão nghĩ thế nên bà quyết định. “Ừ thôi tùy các con”. - Đọc đến đây ta như cùng Tràng “thở phào một cái ngực nhẹ hẳn đi”. Tất cả những gì của thực tại của đời rét ngoài kia vụt biến đi [phút](#) chốc, chỉ còn đây cái khung cảnh ấm áp của gia đình. Bà lão vui, vui lắm chứ, bà nói với nàng dâu mới với cái giọng ngân nga như hát “ Nhà ta thì nghèo...ai khó ba đời”. Người già hay cả nghĩ, lắm lo xa, bà lão chột : “Nghĩ đến ông lão, đến đứa con út”, “đến cuộc đời cực khổ đắng đặc của mình mà lo lắng” đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không? Người xưa nói đúng, bao giờ lòng mẹ cũng bao la, cũng “dạt dào” như “nước trong nguồn chảy ra”. Giữa lúc đời nghèo lại phải “đèo bòng” thêm một miệng ăn mẹ Tứ nghĩ về nàng dâu mới không phải ở cảm giác của một người biết ơn, mà tràn đầy tình yêu thương. Người mẹ nghèo nhân hậu ấy càng thấu hiểu cảnh ngộ xót xa của nàng dâu mới càng thương chị ta hơn. Tâm trạng bà cụ buồn vui lẫn lộn. Giữa cái “tao đoạn” này niềm vui càng trông càng tội nghiệp. Đọc đến đây tôi cứ hình dung cái cảnh con chim sơn ca đang bị giam hãm trong lồng. Hình như niềm vui của mẹ Tứ ở đây cũng trở nên héo hon, như không thể thoát ra khỏi nỗi ám ảnh của sự buồ tử, xót thương của cái không khí thời đại lúc bấy giờ. Nhưng với tấm lòng của người mẹ, bà vẫn gượng làm vui “cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão sắm sẵn thu dọn, quét tước nhà cửa”, “vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn”, “nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng ngày sau”. Tất cả như vẽ ra trước mắt chúng ta khung cảnh đầm ấm, hoà thuận của một gia đình, bình thường nhưng lại rất bất bình thường trong những tháng năm 1945. Tác giả đã khéo giấu đi cái không khí ảm đạm tê lương ngày thường chẳng? Theo tôi thì không. Chính lòng mẹ đang vun vén cho hạnh [phúc](#) mới của con đấy. Dù chẳng trọn vẹn nhưng cũng phần nào gieo vào lòng đôi vợ chồng trẻ niềm tin vào ngày mai. Một ngày mai tươi sáng hơn đang chờ họ. Mẹ nghĩ thế và chắc chắn sẽ là như thế! Chính tình thương của mẹ đã mang đến hạnh [phúc](#) cho Tràng , đem lại lối thoát cho vợ Tràng và tất yếu tình thương ấy sẽ mãi mãi nâng đỡ họ.

## **Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên:**

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?  
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!  
Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét  
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,  
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc  
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

### **A - gợi ý chung**

Để bình giảng tốt hai khổ thơ này, cần phải nắm được vị trí của chúng trong bài thơ. Đây là những lời khái quát triết lý sau một đoạn dài tác giả nhắc đến kỉ niệm rất cụ thể về những “anh”, những “em” những “mế”. Tuy có tính chất khái quát cao nhưng đoạn thơ không rơi vào khô khan. Cần phải chỉ ra được chiều sâu tâm hồn ẩn chứa trong những câu thơ cô đọng như châm ngôn ấy. Bên cạnh đó cũng cần dừng lại phân tích cách sử dụng hình ảnh rất sáng tạo của nhà thơ đã làm cho bản chất của vấn đề được nổi rõ. Phải nhận thức được rằng những lời khái quát ấy đã đánh dấu một bước chuyển, bước trưởng thành trong suy nghĩ, cảm xúc của nhà thơ về cuộc đời, về nhân dân và cách mạng.

### **B – gợi ý cụ thể**

#### **I – Mở bài**

- Tiếng hát con tàu là một bài thơ tiêu biểu của tập ánh sáng và phù sa đã thể hiện rất tài hoa niềm hăm hở, mê say của nhà thơ trên hành trình về với nhân dân.

- Điểm lừng động nhất của bài thơ có lẽ là hai khổ thơ nói lên một cách khái quát sự gắn bó máu thịt của nhà thơ đối với những miền đất đã từng qua, từng sống.

#### **II – Thân bài**

- Đoạn thơ phát biểu những khái quát triết lí về mối quan hệ ân nghĩa giữa chúng ta với mọi vùng đất nước.

- Hình thức hỏi để khẳng định trong hai câu thơ có tác dụng khắc sâu thêm ý thức vào lòng người đọc, nhấn mạnh cái tình chất thể hiện của nỗi nhớ. ý thức được trách nhiệm của nhà thơ trước cuộc đời được biểu hiện rõ nét ở đây.

- - Hình thức diễn đạt có vẻ trùng lặp ở hai câu mang tính nghệ thuật. Nó đập mạnh vào trí giác của độc giả, buộc ta phải chú ý để nhận ra một vấn đề có ý nghĩa quy luật đã được nêu ra ở đây.
- - Trong khổ thơ thứ hai, chữ “tình yêu” đã được **hình tượng** hoá bằng những hình đẹp, có khả năng biểu đạt cao.
- - Chữ “tình yêu” thứ hai không hoàn toàn đồng nghĩa với chữ “tình yêu” thứ nhất. Nó dùng để diễn tả với nghĩa rộng lớn hơn để nói lên ý nguyện tha thiết của nhà thơ muốn ôm trọn cả quê hương bằng thứ tình yêu nước lớn lao, kết quả của một quá trình hội nhập với cuộc sống nhân dân.

### III – Kết luận

- Đoạn thơ có một vẻ đẹp vừa trí tuệ, vừa tình cảm, có khả năng đi sâu vào tâm hồn người đọc.

## C – Bài làm

Lần đầu tiên khi tiếp xúc với **Tiếng hát con tàu** của **Chế Lan Viên**, thật sự tôi không khỏi ngỡ ngàng và xa lạ, vì thấy cái tựa đề của nó sao như rộng lớn và xa vời quá! Nói về đất nước, có lẽ **Chế Lan Viên** phải đề cập đến những cái gì “cao siêu” lắm? Thế nhưng, cái cảm giác ấy dần tan biến đi khi tôi đọc và cố hiểu bài thơ. Cũng với mục đích là phục vụ chính trị, nhưng lòng thơ không khô khan, xa lạ mà dường như vẫn còn đâu đây sức nóng hổi của một trái tim đầy nhiệt huyết. Chưa tin ư? Mời bạn đọc hãy thử xem, chỉ một đoạn thơ thôi, ta sẽ thấy ngay được đó chính là những dòng thơ viết ra bằng mạch cảm xúc thật đang dâng lên trên đầu ngọn bút:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương?

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn!

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng,

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Ở đây cảm xúc chính của đoạn thơ cũng nói về nỗi nhớ như không ít những bài thơ khác. Đó cũng là quy luật của thường tình. Bởi vì đất nước rộng lớn vô cùng mà:

Làm trai cho đáng làm trai

Xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài yên.

Bằng những tâm hồn phóng đạt và thiết tha yêu quê hương những người trai ấy đã in dấu trên khắp mọi nẻo đường của tổ quốc và non sông hùng vĩ, không biết những bàn chân ấy đã từng đi qua đến những miền quê nào,

nhưng ở đâu, khung cảnh hiện ra trong đoạn thơ với cả một hệ thống các hình ảnh trong các đoạn thơ trước, ta có thể biết được nơi đây, nơi cụ thể mà tác giả đang gửi nỗi nhớ, chính là miền Tây Bắc. Nhưng nếu hiểu một cách rộng hơn, rằng đây chính là nỗi nhớ về một nét đặc trưng của miền quê Tổ Quốc thì có lẽ chẳng sao, vì ngay ở lời tựa đề của bài thơ, chính [Chế Lan Viên](#) đã viết:

[Chế Lan Viên](#) đã viết:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu?

Phải, một khi tâm hồn đã hoá thành những con tàu để hát lên lời kêu gọi chân tình, tha thiết:

Em ơi lên tàu cùng đi trên khắp quê hương

Xem quê ta nằm mộng mơ trong nắng sương...

Thì nơi nào con tàu ấy đi qua lại không phải là một miền quê, một miền sở mến yêu:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ

Nơi nao qua, lòng lại chẳng yêu thương?...

Nhớ về Tây Bắc, những hồi ức và hoài niệm cũ, bỗng dưng trở thành một dòng thác trở về và ồ ạt chảy trong tâm khảm nhà thơ. Miền quê Tây Bắc với những ngọn đèo cao nằm ẩn mình trong sương núi, với những thác dài ngàn năm hát mãi bản tình ca. Một cánh rừng xanh với những thấp thoáng giữa khói sương đang là đà lan nhẹ, nhưng cũng đầy cheo leo hiểm trở mà đã hơn một lần được Quang Dũng đưa vào những trang thơ:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Heo hút cồn mây súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống....

Người đọc cảm nhận được ở câu thơ của [Chế Lan Viên](#) hình ảnh một miền Tây Bắc xa xôi qua những nét phác thảo đơn sơ nhưng tiêu biểu. Cảnh Tây Bắc hiện về trong nỗi nhớ vừa mang một vẻ đẹp huyền ảo nhưng cũng hết sức kì vĩ lớn lao, tượng trưng cho vẻ đẹp hoành tráng nên thơ của núi rừng bát ngát. Rõ ràng câu thơ chỉ gợi mà không tả, chỉ bàn những hình ảnh thoáng qua “bản sương giăng”, “đèo mây phủ” cũng đủ để ta thấy được sự thân thuộc và gắn bó đầy mật thiết giữa cảnh và người. Xứ Tây Bắc đèo hút gió nên vốn dĩ đã từng mang danh là xứ cửa ma thiêng quỷ độc, không có những rừng thông bạt ngàn trên đồi Đà Lạt, cũng không phải là những triền núi thoai thoải gió như Nha Trang. Người ta đến nơi đây không phải để vui chơi, có lẽ chính vì thế mà nó sẽ không bao giờ là thiên đường lí tưởng cho những nàng tiểu thư hay công tử nơi thành thị. Nhưng riêng với tác giả, nó là một người bạn chí thân

Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương?

Thật nhẹ nhàng, lời thơ có tác dụng của một câu hỏi tu từ đầy chân tình

tha thiết, một câu hỏi được đặt ra dường như cho chính bản thân mình. Cách làm duyên trong bài thơ cũng thật đáng yêu. Phải chăng một khi đã tự nhận mình là một đứa con của quê hương, thì bất cứ nơi đâu trong lòng quê hương ấy ta mãi mãi là một đứa con ruột thịt? Mà đã là “con” thì làm sao không gắn bó và thân thương với mẹ? Từ tình cảm ấy, [Chế Lan Viên](#) đã đưa ra một chân lí sống mà nhà thơ đã tự chiêm nghiệm được ở cuộc đời

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn.

Hà Minh Đức đã có những lời nhận xét thật hay về hai câu thơ ấy “[Hình tượng](#) thơ trong đoạn thơ đã vận động từ cảm xúc đến suy tưởng. Từ tình cảm nhớ thương mảnh đất con người, tác giả đã nâng cảm xúc lên thành một suy nghĩ. Ranh giới giữa cảm xúc và suy nghĩ đã bị vượt qua nhẹ nhàng, làm cho câu thơ vừa rung động về cảm xúc nhưng cũng lắng sâu về suy nghĩ”.

Thật sự là như vậy ! Đoạn thơ đang tràn đầy cảm xúc của nỗi nhớ nhung, đến đây bỗng dừng dậm thắm lại, sâu lắng như một lời chiêm nghiệm. Câu thơ chính là để trả lời cho câu hỏi tu từ trên hay là để [Chế Lan Viên](#) tự nói với chính mình? Nó chứa đựng sự phát hiện sâu sắc một quy luật của tình cảm, của đời sống tâm hồn, nhưng lại không hề khô khan bởi triết lý của trí tuệ và lí lẽ. Điều đó có lẽ bởi nhà thơ đã tự mình lập nên cái quy luật ấy, không phải bằng phép suy luận của lý trí, mà chủ yếu bằng những xúc động của con tim mình. Lời nói có lẽ là được phát ra từ tận đáy sâu trong tâm hồn tác giả, mà cũng có thể là ông đã nghe được từ trái tim của đất. Chính vì vậy, [Chế Lan Viên](#), chỉ với hai câu thơ ngắn ngủi, nhưng đã nói hộ được bao người với nỗi niềm tình cảm bấy lâu nay ấp ủ trong lòng:

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn.

“Nơi đất ở” – “đất đã hoá tâm hồn”, một lối viết theo tư duy ngược chẳng? Lẽ ra, tác giả phải nói vậy: Khi ta ở, ta dường đứng đứng và vô tình với đất, ta chỉ xem đất như là một nơi để ở mà thôi. Nhưng đến khi ta ra đi, thì dường như ta nhớ đến đất như nhớ về một con người thật sự, một con người có linh hồn”. Thế thì tại sao lối viết của nhà thơ lại đảo ngược vị trí của người và đất? Một dụng ý nghệ thuật rõ ràng.

Phải thôi! Có lẽ nhà thơ đang nhấn mạnh về hình ảnh và vai trò của đất, một hình ảnh mà trước đây ông đã từng gọi nó bằng tiếng “Mẹ” thân yêu. Nếu ai đã từng trải qua cuộc kháng chiến gian khổ chín năm chống giặc, từng gắn bó với mảnh đất Tây Bắc, từng chia ngọt sẻ bùi một bát cơm, chén nước, cùng đắp chung cái chăn sui trong sự đùm bọc yêu thương của đồng bào....có như thế mới hiểu được tại sao mà “đất đã hoá tâm hồn” khi ta cất bước ra đi. Đó có phải chẳng là tiếng gọi của quê hương, “ hoá

tâm hồn” để vẫy ta trở về miền quê cũ:

[Đất nước](#) dẫu nghèo

Ta yêu đến vô cùng

ít vải chẳng ai chê áo rách

ít thời gian ghét vẽ vời kiểu cách

Bất trắc nhiều dạy ta biết lo xa....

Phải chăng giữa miền đất hứa ấy và trái tim nhà thơ đã hình thành một sợi dây vô hình nhưng bền chặt? Nên mỗi bước đi của nhà thơ chính là mỗi bước tìm về kỉ niệm, để tìm về sự thủy chung với quê hương cho dù đó không phải là nơi chôn rau cắt rốn, nhưng khác nào một bà mẹ thứ hai đã nuôi lớn cuộc đời mình!....

Đang triền miên với những suy tưởng về đất nước quê hương ,mạch thơ dường như đột ngột chuyển sang mạch rung cảm và suy tưởng khác:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng.

Nhớ anh, nhớ em, nhớ mẹ , nhớ chính mình , rồi cuối cùng mới nhớ đến người yêu. Không lẽ đây là nỗi nhớ sau cùng, lại loà nỗi nhớ “bỗng” đến, một nỗi nhớ thoáng qua không định trước? Thực ra không phải là như vậy! Ở đây, nhà thơ đã tách riêng ra khỏi hệ thống của nỗi nhớ quê hương đất nước, để dành trọn một phần mà thương nhớ về “em”. Bởi lẽ trong cái sống của “anh”, em là người thực sự có vai trò quan trọng, anh đã dành cho em cả một góc con tim, hình ảnh em đã được anh lưu giữ ở tận đáy sâu của cánh cửa tâm hồn, một khoảng trời riêng của nỗi nhớ đã được tách riêng ra để dành trọn cho em yêu quý. Đó chính là lí do tại sao nỗi nhớ em lại là nỗi nhớ sau cùng. Như vậy, lại càng vô lí khi bảo đây là một nỗi nhớ thoáng qua. Thực ra , khi đọc kĩ bài thơ, ta sẽ tìm ra được một ẩn ý mà [Chế Lan Viên](#) đã đặt ngầm trong đó: hình ảnh em dường như được nhà thơ đặt vào hình ảnh của quê hương. Em chính là quê hương nên có nhớ đến quê hương, có nhớ lại được từng bóng dáng quê hương, thì tác giả mới tìm lại được hình ảnh em trong đó. Như vậy , tình yêu riêng của nhà thơ lại thêm một lần nữa đặt vào tình cảm chung của quê hương đất nước. Đây có lẽ là nét khác biệt rõ rệt của hầu hết các nhà thơ đương thời so với giai đonạ của [văn học](#) lãng mạn 1930-1945.

Chính vì nhớ em với một nỗi nhớ thiết tha như vậy, nên [Chế Lan Viên](#) phải tìm được hình ảnh thơ thật xứng đáng để diễn tả cho dòng cảm xúc trào dâng trong trái tim mình:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét.

Thường nhắc tới tình yêu, người ta hay nhắc đến mùa xuân. Nhưng ở đây, để diễn tả nỗi nhớ và sự cần thiết của nhau trong cuộc sống, [Chế Lan Viên](#) đã dùng hai [hình tượng](#) là “đông” và “rét” để nói lên mối liên quan mật

thiết giữa cuộc đời. Có mùa đông nào mà không rét, nhắc đến mùa đông mà không nói đến cái giá rét lạnh lẽo của nó thì có lẽ mùa đông sẽ chẳng bao giờ có được cái gọi là “đông”. Anh và em cũng vậy! Nếu mùa đông đang chờ đợi hơi gió rét thì anh cũng đang chờ đợi chính em đây. Anh đang chờ đợi em sẽ trở về bên anh, với quê hương đầy kỉ niệm. Từ dòng suy tưởng đó, tình yêu của tác giả chợt hiện lên và đẹp đẽ vô cùng. Nó lấp lánh với những sắc màu thắm tươi của “cánh kiến hoa vàng”, của “chim rừng lông trở biếc”, một bức tranh tình yêu được dệt từ những màu sắc rực rỡ của mùa xuân và cuộc đời. Ai đó đã nói “tình yêu biến thiên như một hàm số”. Có lẽ đúng. Nếu khi về với nhân dân nhà thơ đã dùng đến năm so sánh độc đáo bất ngờ thì “bỗng nhớ em” cũng được nhà thơ đưa ra một loạt so sánh về tình yêu giữa anh và em như “đông về nhớ rét”, như “cánh kiến hoa vàng” như “Xuân đến chim rừng lông trở biếc”. Tác giả không hề đưa ra những định nghĩa bí hiểm trừu tượng và kiểu cách mà giữa muôn vàn định nghĩa về tình yêu phải chăng [Chế Lan Viên](#) đang tìm cho mình một định nghĩa mới? Nó gần gũi với chúng ta nhưng thật là những khám phá bất ngờ nhiều sắc màu rực rỡ. Chính sự so sánh linh động đã tạo nên một giá trị mới trong muôn vàn cách nghĩ về tình yêu. Không hiểu sao tôi cứ tâm đắc với câu thơ này:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét.

Anh “bỗng” tìm được so sánh biểu hiện đúng nhất tình cảm nhớ em chứ đâu phải anh vô tâm mà “bỗng nhớ em”? “ Cho con về gặp lại”, “Con gặp lại nhân dân như nai về”, “đông về nhớ rét”. Tất cả đều định hướng về nơi ấy.....

Bản chất của mùa đông là giá rét. Hoá ra nhớ em là anh tìm lại được chính mình ư?

Giá rét thường gọi đến nhu cầu có nhau:

Cái rét đầu mùa anh rét xa em

Đêm dài lạnh chần chia làm hai nửa

Nửa đắp cho em ở miền [sóng](#) bể

Nửa đắp cho mình ở phía không có em

[\(Chế Lan Viên\)](#)

“Những bông hoa và tiếng nhạc mùa xuân chưa phải là tình yêu”. Vâng, tình yêu ở đây đã có nỗi đắm sâu chân chất, đã qua cái thủa ban đầu với những thử thách khổ đau, đến mùa đông và vượt qua nó để tái sinh và thăng hoa rực rỡ với mùa xuân....

Đoạn thơ kết thúc bằng một câu thơ mang ý nghĩa khái quát chung cho toàn đoạn. [Chế Lan Viên](#) triết lí lúc nào ta chẳng hay

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương

Câu thơ nhẹ nhàng giản dị như một câu hát của trái tim, nhưng lại chứa

đựng một chân lí kì diệu của tình yêu trong cuộc sống. Đến đây, đoạn thơ như lại được hoà nhập chung với dòng cảm xúc của toàn bài. Bởi lẽ khi nói đến tình yêu, ta có thể nghĩ rộng ra, bung khỏi giới hạn của tình yêu giữa anh và em, là tình yêu đối với dân tộc, đồng bào, với quê hương đất nước. Câu thơ vì thế có sức khái quát thật cao, vượt qua khỏi câu ca dao bình dân ngày nào :”Yêu nhau yêu cả lối đi” ...và nâng cao lên nhiều sức kì diệu của tình yêu. Nó mang giá trị biểu cảm không kém chút nào so với những câu thơ trong bài Quê hương của Giang Nam:

Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm  
 Có những ngày trốn học bị đòn roi  
 Nay yêu quê hương vì trong từng năm đất  
 Có một phần xương thịt của em tôi.

Tình yêu không những làm nhà thơ gắn bó với quê hương, mà còn làm phát sinh ra tình cảm đối với miền quê còn xa lạ. Đoạn thơ kết thúc trong một âm hưởng nhẹ nhàng nhưng sâu lắng, ngọt ngào thi vị....

## Bài làm 2

Trong sổ tay của [Chế Lan Viên](#), có viết “Bài thơ thu, anh làm một nửa mà thôi còn một nửa cho mùa thu làm lấy”. “Một nửa anh làm” tức là cái dấu ấn sáng tạo của riêng anh, “một nửa mùa thu tự làm lấy” tức là hiện thực tươi rói của cuộc đời tràn vào thơ anh. Bài thơ [Tiếng hát con tàu](#) của tác giả thể hiện khá rõ nét quan điểm nghệ thuật đó. Đặc biệt là khổ thơ làm đề từ:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

...

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu?

Mặc dù bài thơ có liên quan đến sự kiện kinh tế xã hội. Cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi. Sự kiện ấy là điểm xuất phát gợi [cảm hứng](#) cho biết bao nhà thơ, [nhà văn](#). Nó gợi về trong tâm hồn nhà thơ những tình cảm thắm thiết và những kỉ niệm sâu nặng với nhân dân, đất nước và lời kêu gọi lên miền Tây trở thành lời giục giã, mời gọi những tâm hồn thơ đến với đời sống cần lao và rộng lớn của nhân dân. Từ một vấn đề kinh tế – xã hội bài thơ mở ra những suy tưởng sâu rộng về cuộc sống và nghệ thuật.

Tiếp xúc với bài thơ trước hết ta tiếp xúc với tựa đề của nó “[Tiếng hát con tàu](#)”, một nhan đề mang ý nghĩa biểu tượng. Sự thật thì chưa hề có con tàu và đường tàu nào lên Tây Bắc. Con tàu ở đây là biểu tượng cho khát vọng ra đi đến những miền xa xôi, đến với nhân dân đất nước và cũng là đến với những ước mơ, những ngọn nguồn của [cảm hứng](#) nghệ thuật, đến với cuộc đời rộng lớn..

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi:

Ngoài cửa ô! Tàu đòi những vành trăng

Nói đến con tàu là nói đến sự ra đi, nói đến quá trình vượt qua những không gian bao la để đến với hạnh phúc và ước nguyện. Phải chăng con tàu ở đây là biểu tượng cho khát vọng cõi trời tâm hồn mình ra hướng gió trong trời đất bao la hoà mình vào cuộc sống tìm đến bể lớn cần lao của nhân dân hát mãi khúc hát lên đường của tác giả. Đến với nhân dân là đến với những niềm vui vô tận của cuộc đời: niềm vui được xây dựng, được góp phần nhỏ bé của mình vào cuộc sống chung của mọi người nơi những miền xa xôi của Tổ quốc. Tây Bắc không riêng gì Tây Bắc mà nó còn là tổ quốc bao la, là đất mẹ đang ngày đêm cần những đứa con đến để xây dựng. Chính nơi xa xôi mệnh mông ấy là đời sống cần lao và chiến đấu đầy gian khổ nhưng cũng đầy tình nghĩa đồng bào.

Đất nước mệnh mông đời anh nhỏ hẹp

Tàu gọi anh đi sao chửa ra đi

Chàng có thơ đâu giữa lòng đóng khép

Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Thơ cũng như nghệ thuật nói chung bắt nguồn từ hiện thực. Không có hiện thực đẹp để của cuộc đời thì không có thi ca. Vì vậy thơ phải hướng tới hiện thực của cuộc đời. Và cuộc đời mà thơ hướng tới phải là cuộc đời mạnh mẽ và rộng lớn. Không có sức mạnh vô hình nào có thể ngăn cách thơ và hiện thực bởi lẽ thơ là phương thức trữ tình, là tiếng hát của con tim. Nó xác lập mối liên hệ giữa con người và cuộc sống, tạo ra những âm hưởng ngọt ngào vào lòng người đọc. Chính vì vậy "Tiếng hát con tàu" là tiếng hát trần trụi say sưa tràn đầy phấn khởi của một tâm hồn khoẻ khoắn, khoáng đạt bộc lộ khát vọng của chính mình. Tâm hồn ấy có lúc "muốn là vì sao le lói ở trời xa" đã "đóng kính phòng văn hi hục viết" để "nặng trôi đi oan uổng biết bao ngày" giờ đây đang phá cái lồng chật chội của cá nhân để dang cánh bay thẳng vào bầu trời "nhân dân" đi từ "thung lũng đau thương ra cánh đồng vui" chính cái phút bừng sáng ấy lại biến hồn thơ Chế Lan viên thành con tàu. Và người đọc bị cuốn hút ngay vào sự khẩn trương giục giã như chính nhịp điệu của con tàu đi. Nghệ thuật quán xuyên tâm lí của Chế Lan Viên là chỗ đó.

Tư tưởng của bài thơ còn được biểu hiện thêm trong bốn câu đề từ:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hoá những con tàu

Khi tổ quốc bỗng bề lên tiếng hát

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu

"Đề từ" là tấm biển chỉ đường hướng người đọc vào ý đồ nghệ thuật của tác giả, vào tư tưởng của tác phẩm. Hình thức sáng tạo có đề từ như

thế này không phải riêng [Chế Lan Viên](#) có mà đã có rất nhiều người chú ý. Tố Hữu đã lấy câu thơ trong Mẹ Tơm làm đề từ cho cả tập thơ Gió Lộng “Gió lộng đường khơi rộng đất trời” hay [Huy Cận](#) đã đề từ bài [Tràng giang](#) của mình bằng câu: “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. Khơi nguồn [cảm hứng](#) cho tác giả trong quá trình sáng tạo. [Cảm hứng](#) đó được phát triển trong toàn bộ bài thơ.

Ở đây, với [Chế Lan Viên](#) đề từ này cũng khơi nguồn [cảm hứng](#) cho tác giả nhưng nó có những cái hay riêng của nó

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc  
 Khi lòng ta đã hoá những con tàu  
 Khi tổ quốc bốn bề lên tiếng hát  
 Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu

Bài thơ là lời mời gọi lên Tây Bắc xây dựng kinh tế – xã hội như một khúc hát lên đượng lữ đậy, [Chế Lan Viên](#) không giới hạn bài thơ của mình ở mục đích vận động tuyên truyền cho một chủ trương chính sách cụ thể, bài thơ còn mang ý nghĩa khái quát sâu rộng về đời sống và chân lí nghệ thuật. [Đất nước](#) vừa thoát khỏi chiến tranh, hoà bình được lập lại, nơi nơi đang cất lên tiếng hát xây dựng theo tiếng gọi của Đảng của Bác Hồ. Các thể hịe [nhà văn](#) đã xem văn hoá nghệ thuật là một mặt trận và lấy cuộc sống hiện thực để làm đề tài sáng tác. Hoà mình vào dòng thác ấy: nhiều nhà thơ [nhà văn](#) đã xung phong đi đầu... và trong đó có [Chế Lan Viên](#). Nếu như trước kia [Nam Cao](#) cho rằng : “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối... nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ kiếp lầm than” tức là ông muốn đặt vấn đề cuộc sống lên trên văn chương. Ở đây, [Chế Lan Viên](#) cũng nói “ Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép” tức là anh phải mở rộng lòng mình đón nhận hiện thực cuộc sống. Nghệ thuật đâu phải tự nó đến mà có thể nảy sinh khi người nghệ sĩ mở lòng ra đón nhận và hoà nhập vào cuộc đời rộng .[Chế Lan Viên](#) cũng chỉ rõ : nếu lòng anh đã hoá những con tàu và [tiếng hát con tàu](#) đã hoà nhập cùng khúc hát của bốn bề tổ quốc thì chính là lúc người nghệ sĩ có thể soi mình vào đấy mà thấy được cả đất nước nhân dân

Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu.

Trong Chim lượn trăm vòng [Chế Lan Viên](#) đã diễn tả [hình tượng](#) này

Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào  
 Thấy ngàn núi trăm sông diễm lệ.

Nghĩ là [Chế Lan Viên](#) đã “ cho hồn” mình hoà vào cuộc sống vươn tới cuộc sống hay nói đúng hơn nhà thơ đã ý thức được về vai trò quyết định của đời sống với văn chương cũng như không hề coi nhẹ vai trò của chủ thể nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật. Tóm lại phải để cho “cuộc sống đánh vào thơ trăm nghìn lớp [sóng](#)” và [nhà văn](#) là bến bờ đón nhận những lớp [sóng](#)

ấy

Câu thơ:

-Lòng ta đã hoá những con tàu

-Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu

Nghe kì lạ nhưng thực ra chúng thống nhất một cách biện chứng với nhau. Bởi lẽ có sự thống nhất giữa ngoại cảnh và nội tâm “hướng nội” và “hướng ngoại”.

Như vậy qua [Tiếng hát con tàu](#) và đặc biệt là khổ thơ đề từ tác giả đã thể hiện khá rõ nét những quan niệm của mình về đời sống cũng như chân lí nghệ thuật. Cũng như “đời đã ngân lên tiếng thơ, phù sa đời đã làm tươi tốt cho thơ” và “chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép”.

**Tình quê hương đất nước chính là một nét nổi bật của thơ thời kì kháng chiến chống Pháp (1946-1954). Phân tích những nét chung và đặc điểm riêng của cảm hứng về quê hương đất nước trong các bài thơ Bên kia sông Đuống (Hoàng Cầm), Việt Bắc (Tố Hữu) và Đất Nước (Nguyễn Đình Thi).**

### A-gợi ý chung

- Phải khái quát được vấn đề trên cơ sở bám sát và nắm chắc văn bản của tác phẩm.

- Tất cả “nét chung” được nêu lên đều phải tìm được dẫn chứng của ba tác phẩm.

- Cần lí giải nguyên nhân nào đã khiến cho bài thơ gặp gỡ nhau thống nhất nhau về vấn đề đó.

### B - gợi ý cụ thể

#### A) mở bài

- Tình yêu quê hương đất nước là một đề tài lớn trong làng thơ ca Việt

Nam nói chung và thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp nói riêng.

- Các nhà thơ đã có những điểm gặp gỡ nhau trong cái nhìn về quê hương đất nước.

### **B) Thân bài**

1. Trước hết là các nhà thơ kháng chiến chống thực dân Pháp đều rung động với thiên nhiên tươi đẹp thắm đậm chất **trữ tình** của đất nước. Khác với thiên nhiên trong Thơ Mới, thiên nhiên lúc này tràn ra ngoài những cái khung nhỏ hẹp và nhiều khi mang những nét đẹp kì vĩ, phóng khoáng. Nó hay được tái hiện từ một cái nhìn toàn cảnh một cách khách quan, tạo nên cái phong thích hợp cho những vấn đề to lớn được nói tới.

2. Các nhà thơ thường thể hiện ý thức làm chủ đối với quê hương đất nước vì họ là những công dân mới của một đất nước có chủ quyền. Từ sở hữu “của” xuất hiện nhiều lần. Quê hương lúc này đồng nghĩa với Tổ quốc, đất nước. Tên các địa danh của đất nước thường được nhắc đến với cảm xúc tự hào.

- Bề sâu lịch sử và truyền thống văn hoá của quê hương đất nước được các nhà thơ quan tâm thể hiện, khiến cho **hình tượng** được nói ra có thêm chiều sâu. Ở đây, thơ kháng chiến đã thừa kế được truyền thống tốt đẹp của thơ văn yêu nước thời kì trung đại.

- **Cảm hứng** về quê hương đất nước mang tính chất chính trị – xã hội rõ nét. Hình ảnh quê hương đất nước ở đây không chỉ mang sắc thái muôn đời như trong thơ mới mà còn là hình ảnh đang vận động đổi mới theo từng bước phát triển của cách mạng, của kháng chiến. Có hình ảnh quê hương trong cảnh điêu tàn. Có hình ảnh quê hương quật khởi. Có hình ảnh quê hương sáng đẹp trong một tương lai gần.

### **C) Kết bài**

- Những nét chung trong **cảm hứng** về quê hương đất nước đã nêu ở trên cũng chính là nét của thơ kháng chiến.

- Thơ kháng chiến quả đã đánh dấu bước chuyển của một nền thơ theo hướng gắn bó với dân tộc và cách mạng, nó đậm chất **sử thi** của thời đại mới.

### **C – Bài làm**

“**Đất nước** tôi thon thả giọt đàn bầu, Nghe dịu nỗi đau của mẹ. Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ...” (Tạ Hữu Yên). **Đất nước** đi vào lời ca đẹp là thế, sâu lắng đến thế ai mà không yêu được! Tình yêu ấy càng thiết tha khi đất nước đang chìm trong dầu sôi lửa bỏng. Ta bắt gặp trong tình quê hương ấy trong thơ và điển hình là các bài thơ ***Bên kia sông Đuống*** (**Hoàng Cầm**), ***Việt Bắc*** (**Tố Hữu**) và ***Đất nước*** (**Nguyễn Đình Thi**).

**Đất nước** Việt Nam sinh ra những con người anh hùng, những Võ Thị Sáu, những Nguyễn Thị Rành. **Đất nước** cũng là nơi “chôn rau cắt rốn” của những thi sĩ đầy tài năng, những con người sống sâu với cuộc đời. Những con người nhạy cảm ấy có lẽ nào yên lòng nhìn đất nước đang quần quai lên trong bom đạn? Chiến tranh phá huỷ tất cả, và chính sự mất mát to lớn ấy đã dậy lên trong lòng họ một lòng căm thù giặc sâu sắc, một niềm tự hào dân tộc về dân tộc Việt Nam oai hùng, đất nước Việt Nam giàu đẹp. Cái **cảm hứng** vừa căm giận, vừa tự hào như thế chỉ có ở các thi sĩ yêu nước; họ gởi cái **cảm hứng** ấy vào lời thơ của mình; nhẹ nhàng mà sâu lắng, từ tốn mà cuộn xoáy vào lòng người nỗi đau “xót xa như rụng bàn tay”

Quê hương ta từ ngày khủng khiếp  
Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn  
Ruộng ta khô  
Nhà ta cháy  
Chó ngọ một đàn  
Lưỡi dài lê sắc máu.

**(Bên kia sông Đuống)**

Cảnh sống thanh bình của “**Bên kia sông Đuống**” giờ đây không còn nữa, đâu rồi những “khuôn mặt búp sen”, những em “sốt soạt quần nâu”, những cụ già “phơ phơ tóc bạc trắng”. Tất cả đã mất đi từ cái ngày khủng khiếp ấy, thay vào đó là ngọn lửa hung tàn, là những chiếc giày đinh đang nghiền nát đất mẹ yêu thương. “Bây giờ tan tác về đâu?” Câu hỏi tưởng chừng như hệt hăng nhưng đó chính là lời buộc tội đanh thép và cũng là là sự bộc lộ thái độ căm giận bọn giặc ngoại xâm của nhà thơ. Hình hài đất nước phải chăng đang hằn lên những vết thương sâu hoắm khiến **Nguyễn Đình Thi** đã phải thốt lên.

Ôi những cánh đồng quê chảy máu  
Dây thép gai đâm nát trời chiều

Bọn quỷ mắt xanh trừng trợn đã man “lấy máu đỏ tươi lên cánh đồng vàng”, bao nhiêu gia đình tan hoang, bao nhiêu bà mẹ đã mất con, bao nhiêu người vợ mất chồng? Trong lòng người dân Việt Nam càng dậy lên một nỗi căm hờn, vì bọn giặc mà cảnh sống thanh bình đã tan biến, bao nhiêu giá trị văn hoá, truyền thống dân tộc bị xé tan bởi bom đạn chiến tranh. Thay vào đó là những chuỗi ngày gian nan sống trong rừng để hoạt động cách mạng.

Mình về có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối mỗi thù nặng vai.

Thế đấy, chính vì mình mà nhân dân đã phải chịu những nỗi mất mát to lớn cả về mặt vật chất và tinh thần. Cái dáng vẻ run rẩy yếu ớt của bà mẹ quảy gánh hàng rong “bước cao thấp bên bờ tre hun hút” cứ ám ảnh, vây lấy

tôi. Tuổi già có phải để “còm cõi gánh hàng rong” đâu? Nhưng chiến tranh đã thay đổi tất cả. Nó bắt mẹ già phải tiễn con ra trận, phải xa lìa hòn máu cắt. Nó bắt trẻ con phải mất đi cuộc sống hồn nhiên vô tư. Thương quá cái cảnh?

Ngày tranh nhau một bát cháo ngô  
Đêm lú rú chui gầm giường tránh đạn.

Tuổi thơ không được nghe lời ru của mẹ, không được ăn uống đầy đủ; chỉ nghe “tiếng súng dồn tựa sấm”. Càng thương càng thấy cảm hơn bọn ngoại xâm man rợ. Những đứa trẻ đáng yêu sợ hãi trong cảm giác giấc mơ của mình

ú ớ cơn mê  
Thon thót giật mình  
Bóng giặc giày vò những nét môi xinh.

Phải thương trẻ con lắm và phải căm thù bọn giặc lắm [Hoàng Cầm](#) mới viết được những dòng thơ chua xót như vậy. Nhưng con người Việt Nam không chịu khuất phục trước tội ác của giặc.

Từ những năm đau thương chiến đấu  
Đã ngời lên nét mặt quê hương  
Từ gốc lúa bờ tre hồn hậu  
Đã bật lên những tiếng căm hờn.

Căm thù giặc nhưng cả ba nhà thơ không quên tự hào về đất nước, về con người Việt Nam. [Đất nước](#) khoác lên mình những vẻ đẹp tuyệt vời bằng những lời thơ nhẹ nhàng sâu lắng:

Sông Đuống trôi đi  
Một dòng lấp lánh  
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì.

[Đất nước](#) đẹp với những bãi mía bờ dâu, ngô khoai biêng biếc, với “dòng sông đỏ nặng phù sa”, “những cánh đồng thơm ngọt, những nẻo đường bát ngát”. Đó là những mùa thu “hương cốm mới”, “hàng tre phấp phới”, “trong biếc nói cười thiết tha”. Hay với [Tố Hữu](#), [Việt Bắc](#) đẹp cả bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình  
Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

[Đất nước](#) đẹp nuôi dưỡng những con người anh hùng. Đoàn quân mạnh

mẽ, hào hùng hành quân trên những con đường [Việt Bắc](#) “đêm đêm rầm rập như là đất rung”.

Quân đi điệp điệp trùng trùng  
ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  
Dân công đỏ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay.

Cái khí thế xuất quân hùng tráng ấy cũng đủ làm cho “Trại giặc bắt đầu run trong sương”, bọn chúng:

Ăn không ngon  
Ngủ không yên  
Đứng không vững  
Chung mày phát điên  
Quay cuồng như xéo trong đồng lửa.

Tiền tuyến có các anh bộ đội, các anh du kích dũng cảm gan dạ, hậu phương không thể thiếu những người đầy tình nghĩa. Những bà mẹ “già nua còm cõi gánh hàng rong” mà nuôi dưỡng che giấu bộ đội, hoạt động cách mạng. Những con người mà:

Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng

Cả ba nhà thơ đều chung đất mẹ Việt Nam, nhưng cuộc sống vốn đa dạng và phong [phú](#), mỗi nhà thơ nhìn nhận đất nước theo cách riêng của mình. Với [Bên kia sông Đuống](#), tâm trạng của nhà thơ là tâm trạng tiếc nuối, một nỗi đau tinh thần được cụ thể hoá như nỗi đau xác thịt tiếc nuối, “xót xa như rụng bàn tay”. Nỗi căm giận cứ ngày càng dâng trào trong lòng nhà thơ, những giá trị văn hoá tinh thần dân tộc cứ bị huỷ hoại, [số phận con người](#) trở nên mong manh và đầy bất hạnh. Nỗi đau ấy được tái hiện qua nỗi nhớ, nhớ về một xứ sở một thời là xứ thần tiên [cổ tích](#) nhưng thời ấy đã qua rồi. Quê hương Kinh Bắc tươi đẹp với dòng sông Đuống lượn mình nghiêng nghiêng lấp lánh, với nụ cười độc đáo “như mùa thu toả nắng”, với những cô gái dịu dàng, những truyền thống bất hủ của dân tộc “Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong”. Nhưng tất cả chỉ còn là dĩ vãng, hiện tại là một vết thương đau nhói trong lòng nhà thơ.

Đối với [Tố Hữu](#), [Việt Bắc](#) là một khúc hát ân tình, mang âm hưởng [trữ tình](#) chính trị. Với lối giao duyên, nhà thơ đã dựng lại sống động những năm tháng gian khổ nhưng không kém phần hào hùng, mạnh mẽ mà cảm xúc chủ đạo là nỗi nhớ khôn nguôi.

Song song với hai bài thơ trên, [Nguyễn Đình Thi](#) cũng có [cảm hứng](#) vừa căm giận, vừa tự hào thể hiện qua lời thơ riêng của mình. [Đất nước](#) đẹp vì đó là đất nước của chúng ta.

Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là cửa chúng ta...

Cái điệp khúc “cửa chúng ta” giúp nhà thơ khẳng định lại chủ quyền mà từ ngàn năm ông cha ta đã giành lại được:

Nam quốc sơn hà nam đế cư  
Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khanh thủ bại hư

*(Bài thơ thân – Lý Thường Kiệt)*

Con người trong bài thơ là con người hiên ngang anh dũng, những con người chưa bao giờ khuất:

Ôm đất nước những người áo vải  
Đã đứng lên thành những anh hùng.

Cái dáng đứng của những con người anh hùng là cái dáng đứng sừng sững của những anh giải phóng quân trên đường băng Tân Sơn Nhất (Dáng đứng Việt Nam – Lê Anh Xuân), của người mẹ còng lưng đào hầm cho bộ đội:

Mẹ vẫn đào hầm dưới tầm đại bác  
Bao đêm rồi tiếng cuốc vọng năm canh

*(Đất quê ta mệnh mông – Dương Hương Li)*

## **Bình giảng một đoạn trong bài Đất nước của Nguyễn Đình Thi:**

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội  
Những phố dài xao xác hơi may  
Người ra đi đầu không ngoảnh lại  
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

### **Bài Làm**

Nếu Đây mùa thu tới của Xuân Diệu gieo cho người đọc sự thán phục về sức nhạy cảm của giác quan con người lúc giao thời, Thu vịnh của Nguyễn Khuyến gieo cho ta cảm giác tươi mát trong trẻo của cảnh trời thu xanh ngắt thì Đất nước với mùa thu “xao xác hơi may” và “thềm nắng lá rơi

đây” đi vào lòng người đọc với một tình cảm thật sâu lắng, cao đẹp bằng nỗi nhớ của [Nguyễn Đình Thi](#) về Hà Nội năm xưa.

Bài thơ ra đời vào năm 1948 và được sửa lại năm 1955. Đó là thời điểm cả nước ta vừa chiến thắng vang dội ở chiến dịch [Việt Bắc](#) 1947 và chiến dịch biên giới thu đông 1950. [Đất nước](#) trong nỗi nhớ của [Nguyễn Đình Thi](#) đã hiện hình trong ta với tất cả sự bình dị mà hùng dũng, thân thuộc mà thiêng liêng quá đỗi.

Theo xuất sứ của bài thơ thì đây hẳn là nỗi nhớ của tác giả về thu Hà Nội năm xưa, tôi như thấy hình ảnh của một người chiến sĩ ở núi rừng [Việt Bắc](#) đang nhớ về Hà Nội.

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội  
 Những phố dài xao xác hơi may.

Một từ “chớm” đứng trước từ “lạnh” diễn tả rất đúng cái camr giác của tác giả khi Hà Nội vào thu. Cái lạnh mới đến nên còn e ấp sẽ sàng, như ngọt ngào báo hiệu. Thế là mùa hạ nồng nực với những cơn nắng đổ lửa đã đi xa rồi, mùa thu mới vừa đến sáng nay...

Thu đã đến thật trong lòng Hà Nội, trong không gian hoa cỏ của Hà Nội... hay chính trong lòng người?

Cái từ “chớm lạnh” thật “đắt” đã diễn tả niềm cảm xúc mãnh liệt của [Nguyễn Đình Thi](#) thật trọn vẹn. Phải chăng tác giả cũng đồng ý với câu: “Một con én không dẹt nổi mùa xuân nhưng khi xuân đến là lúc có chim én bay liệng”. Ở đây cũng vậy, có “chớm lạnh” mới biết thu sang. Tôi nhớ nhà thơ Trung Quốc đã từng có câu:

Ngô đồng nhất điệp lạc  
 Thiên hạ cộng tri thu.

Có nghĩa là ngô đồng rơi một lá, ai cũng biết thu sang. Thế đấy! Chỉ cần một lá ngô đồng rụng cũng đủ biết mùa thu đã đến rồi!

Những phố dài xao xác hơi may...

Gió thổi dài trên phố như kéo dài không gian ra, không gian dài, phố càng dài hơn, buồn hơn và vắng lặng hơn, chỉ có gió rong ruổi mãi miết trên phố vắng. Mà nó cũng chưa thật là gió, đó chỉ là hơi may- hơi thổi của mùa thu mà thôi.

Từ “xao xác” trong câu thơ cũng làm lòng ta xao xác vì buồn. Ở đây, tác giả muốn nhấn mạnh từ “xao xác” mới phug hợp với “hơi may”.

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Đầu không ngoảnh lại mà biết được sau lưng, biết một cách rất rõ thì quả là rất lạ! Lạ nhưng vẫn rất hợp lý, nhất là hợp tình.

Đầu không ngoảnh lại...

Người đi có thật không luyến tiếc gì về nơi cũ chẳng?

[Thâm Tâm](#) trong bài [Tống biệt hành](#) đã từng có câu:

Người đi? ừ nhỉ người đi thực?  
 Mẹ thà coi như chiếc lá bay  
 Chị thà coi như là hạt bụi  
 Em thà coi như hơi rượu say

Với sự dứt khoát đến vậy thì mấy ai nghĩ rằng cuộc tiễn đưa ấy đã “Đầy hoàng hôn trong mắt trong”? Có mấy ai nghĩ rằng lòng người ra đi cũng đang “có tiếng [sóng](#)” dù không được tiễn qua sông? Ở đây cũng thế, tuy “ra đi đâu không ngoảnh lại” nhưng làm sao tránh khỏi bịn rịn, không chút xao xác buồn khi chia xa Hà Nội nơi có nhiều kỉ niệm gắn bó, nơi đẹp đến thế, thân yêu đến thế, Hà Nội với ba mươi sáu phố phường, với hàng ngàn năm lịch sử, bất cứ nơi đâu bạn cũng có thể nghe kể về một truyền thuyết hoang đường hoặc một danh nhân nổi tiếng...Đáng yêu đáng nhớ đến vậy thì làm sao không buồn khi cách xa.

Người ra đi đâu không ngoảnh lại  
 Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy.

Người ra đi quả thực kì lạ, dường như có giác quan thứ sáu ở sau lưng để quan sát mọi việc xảy ra. Giác quan ấy hẳn là giác quan “yêu thương” đặc biệt mà chỉ có [Nguyễn Đình Thi](#) mới có được.

Tiết tấu, nhịp điệu câu thơ rất lạ, bảy tiếng đều đặn như tiếng lá rơi ở thêm nắng, như lắng đọng trong lòng người đi cảm giác mãnh liệt đang trỗi lên.

Câu thơ như nhịp bước đầy đặn của người đi đầy quả quyết mà lưu luyến, lặng lẽ mà xao động, đâu không ngoảnh lại mà lòng người mãi hướng về...

Hẳn là người ra đi đang cố nén xúc động, sợ ánh mắt phải bắt gặp cảnh cũ, lòng sẽ không thể xa rời người ấy đang cố tạo cho mình sự bình thản nhưng có ai biết lúc ấy, người đang cố giấu che những giọt nước mắt đang rơi mằn mằn bờ môi? Tất cả chỉ mong có kẻ nào đó ở lại quê nhà yên lòng dù người đi đang tan nát lòng, đang tắt nghẹn trong hơi thở...

Lá rơi hay thêm nắng hiên nhà đang rơi và cả tâm hồn người đi nữa: cũng đang rơi vào một khoảng không sâu thẳm mênh mông không nơi bám víu.

Có mùa thu nào mới chớm đẹp như thu Hà Nội chẳng? Có nỗi buồn nào sâu lắng hơn nỗi buồn chia tay này chẳng? Phải yêu Hà Nội đến cháy lòng mới có được cái cảm xúc mãnh liệt mà sâu lắng tuyệt vời đến thế!

Đoạn thơ thật ngắn ngủi với bốn câu thơ theo lối thơ tứ tuyệt đường luật, tác giả không tả nhiều về Hà Nội nhưng lại bộc lộ thành công cái tình cảm yêu thương Hà Nội mãnh liệt của người đi. Bằng sự chân thật trong tận tâm hồn, [Nguyễn Đình Thi](#) đã tạo được những vần thơ rất tuyệt vời về

mùa thu, về khung cảnh và hơn hết đó là tâm lòng mà tác giả chỉ dành riêng cho Hà Nội.

## **Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ Đất nước của Nguyễn Đình Thi:**

Mùa thu nay khác rồi  
 Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi  
 Gió thổi rừng tre phấp phới  
 Trời thu thay áo mới  
 Trong biếc nói cười thiết tha  
 Trời xanh đây là của chúng ta  
 Núi rừng đây là của chúng ta.  
 Những cánh đồng thơm mát  
 Những ngả đường bát ngát  
 Những dòng sông đỏ nặng phù sa  
 Nước chúng ta  
 Nước những người chưa bao giờ khuất  
 Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
 Những buổi ngày xưa vọng nói về...

### **A-Gợi ý chung**

-Nội dung cảm xúc của đoạn thơ hết sức phong phú; có niềm hoài nhớ băng khuâng, có nỗi phấn khích hân hoan, có niềm tự hào sung sướng và có những suy tư trầm lắng. Phải biết chia tách đoạn thơ ra thành từng đoạn nhỏ hơn để khai thác những ý tình của nó.

-Nét mới của cảm xúc mà Nguyễn Đình Thi đã đem lại cho đề tài mùa thu trong thơ ca là cảm hứng thời đại hoà quyện với cảm hứng lịch sử.

-Khai thác cái hay về nhạc điệu của bài thơ.

### **B-Gợi ý cụ thể**

#### **A) Mở bài**

-Đây là một bài thơ hay của Nguyễn Đình Thi và của thơ ca kháng chiến chống thực dân Pháp.

-Đoạn thơ mở đầu bài thơ Đất nước đánh giá là hay nhất bài thơ vì biểu

lộ cảm xúc trực tiếp về một mùa thu mới đan tới trên quê hương.

### B) Thân bài

-Đoạn thơ nguyên là những mảng của hai bài thơ khác nhau nối lại với sự điều chỉnh và sửa chữa chút ít.

-Mở đầu ,nhà thơ gợi lại hình ảnh của một “mùa thu đã xa” với không khí “xao xác” và hình ảnh “người ra đi” lặng lẽ.Nỗi xao xác băng khuâng là âm điệu chính của câu đầu này.

-Tiếp theo,tác giả bộc lộ niềm vui giao hoà giữa lòng người và vật khi chứng kiến “ mùa thu nay” đầy âm điệu háo hức – mùa thu của đất trời giải phóng.Hai chữ “vui nghe” không chỉ diễn tả một trạng thái tình cảm nhất thời mà còn nói rõ cách nghe hay là một cách nhận thức mới của nhà thơ về cuộc đời.

-Từ niềm vui nói trên,đoạn thơ chuyển ý rất tự nhiên nhấn mạnh ý thức sở hữu của cái ta cộng đồng với non nước mình,mặt khác,bộc lộ cảm xúc tự hào và sung sướng của nhà thơ trước vẻ đẹp đắm say của Tổ Quốc.

-Phần cuối của đoạn thơ dẫn người đọc vào mạch suy tư về truyền thống anh hùng của đất nước.ở đây xuất hiện một định nghĩa rất thơ và cũng rất [Nguyễn Đình Thi](#) về Tổ quốc Việt Nam.

### C) Kết bài

Trong bài thơ,[cảm hứng](#) thời đại đã hoà quyện với [cảm hứng](#) lịch sử trong một niềm xúc động thơ đẹp đẽ.

## C-Bài làm

Có lẽ những câu thơ hay nhất là những câu thơ nói về tình yêu quê hương đất nước.Tình yêu ấy được sinh ra trong mỗi chúng ta khi còn nằm trong nôi nghe những lời nong nàn của mẹ.Lớn lên hình ảnh quê hương được thu vào tầm mắt, và tình yêu trỗi dậy trong lòng. [Đất nước](#) đã đi vào những trang thơ như tình yêu đi vào lòng ta vậy.Một vài câu,một vài giai điệu hình thành nên đất nước.[Đất nước](#) của [Nguyễn Đình Thi](#) là một bài thơ như thế.Phải chăng ý thơ đã dồn lại ở đây:

Mùa thu nay khác rồi  
 Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi  
 Gió thổi rừng tre phấp phới  
 Trời thu thay áo mới  
 Trong biếc nói cười thiết tha  
 Trời xanh đây là của chúng ta  
 Núi rừng đây là của chúng ta  
 Những cánh đồng thơm ngát  
 Những nẻo đường bát ngát  
 Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta  
 Nước những người chưa bao giờ khuất  
 Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
 Những buổi ngày xưa vọng nói về...

Bắt đầu bằng hình ảnh đất nước là nỗi nhớ về những tháng ngày đã xa. Nỗi nhớ ấy có gì buồn bã nhưng không bi lụy, mà nó chỉ thể hiện quyết tâm của người ra đi. Nhớ về quá khứ để mà nhìn lại thực tại:

Mùa thu nay khác rồi  
 Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi  
 Gió thổi rừng tre phấp phới  
 Trời thu thay áo mới  
 Trong biếc nói cười thiết tha.

Âm hưởng đoạn thơ như một tiếng reo vui khác hẳn đoạn đầu của bài thơ không có những con phố dài xao xác hơi may, những lá rơi đầy những người ra đi đầu không ngoảnh lại. Mà chỉ có niềm vui phấp phới trong lòng tác giả: Trở về hoàn cảnh sáng tác bài thơ ta thấy đây là giai đoạn đất nước ta phải thực hiện cuộc chiến tranh chống quân xâm lược. Với những tháng ngày gian khổ nhưng đầy hào hùng ấy ta giành thắng lợi trong tay. Mở đầu bài thơ là những ngày đất nước bắt đầu cuộc kháng chiến. Người thanh niên tiểu tư sản phải từ ghế mái trường và thời trung học tươi đẹp để dẫn thân vào con đường cách mạng phục vụ cho lý tưởng. Và hôm nay trong chiến khu giải phóng ở [Việt Bắc](#) niềm vui đã ùa đến lòng người thanh niên học sinh năm nào. Nhớ lại những ngày tháng xưa để lộ rõ niềm vui hôm nay. Với niềm tin của mình người thanh niên ấy đã khẳng định “Mùa thu nay khác rồi”. Và từ đáy lòng mình thốt ra những niềm say sưa bất tận. Mùa thu năm nay đã khác mùa thu xưa vì đất nước đã chuyển mình đổi khác. Khi sự kiện lịch sử cách mạng mùa thu 1945 thành công thì mỗi người dân ai ai cũng ý thức được rằng thắng đã giành lại cho đất nước của mình dù sắp vào một cuộc chiến đấu mới. Giữa núi đồi bình yên của chiến khu giải phóng tác giả như nghe rõ sự chuyển biến của đất nước. Núi rừng cũng vui theo từng cơn gió, bầu trời âm đạm năm nào của mùa thu xưa nay đã thay áo, một mùa xanh biếc phủ lên nền trời lạnh lẽo của gió heo may. Bầu trời trong lại trong tiếng “ nói cười thiết tha”. Bom đạn không còn nữa, làn khói mịt mù âm u và những chuỗi ngày xa vắng của núi rừng đã tan biến trong niềm vui hân hoan tột đỉnh ấy ta bỗng nhớ lại mình và khẳng định mình.

Trời xanh đây là của chúng ta  
 Núi rừng đây là của chúng ta

Hai câu thơ khẳng định này như một lời tuyên ngôn. Nó làm ta nhớ lại âm điệu sang sảng, hào hùng trong lời tuyên ngôn của Lý Thường Kiệt  
 Sông núi nước Nam vua Nam ở

Rành rành định phận ở sách trời.

“Nước của ta”, đó là điều tác giả muốn khẳng định. Trời xanh này, núi rừng này là của những người suốt đời gắn bó với nó. Sự xâm lược của những kẻ điên cuồng chỉ là vô ích. Câu thơ khẳng định nhện nhàng nhưng có sức nặng cảnh báo lớn đối với kẻ thù. Hình ảnh đất nước dựng lên thật đơn sơ nhưng rất đẹp, nó hiền hoà nhưng những luỹ tre, gợn mở như những tấm lòng. [Đất nước](#) còn gì nữa!

Những cánh đồng thơm ngát  
 Những nẻo đường bát ngát  
 Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

Ôi đất nước! Càng nghĩ càng thêm yêu mến quê hương. [Đất nước](#) của những anh hùng áo vải làm nên những chiến công phi thường là thế đó. Những cánh đồng bao la, những hạt lúa chín vàng óng ả, những ngã đường khắp nẻo của quê hương, những dòng sông nghìn đời lặng lẽ chở nặng phù sa bồi đắp đồng ruộng... Những hình ảnh ấy thấm đậm những giọt máu của người ngã xuống để bảo vệ mảnh đất này. Hình ảnh của đất nước ta là dáng hình sừng sững của người giải phóng quân trên đường bay Tân Sơn Nhất, là bóng dáng gầy gò của người mẹ chèo đò trên đường sang sông, và cũng là những hình ảnh của tuổi thơ êm đềm, ngày thơ của đứa trẻ hỏi “Quê hương là gì hở mẹ?”. Hàng nghìn năm qua đất nước đã tồn tại, những người đã ngã xuống có những người khác tiếp bước đứng lên. Cứ thế, đất nước có mãi trong lòng mỗi người.

Lời reo vui của tác giả giờ đây hoà nhập trong [cảm hứng](#) chung của mọi người. Cái âm hưởng vui tương giờ có vẻ trầm lắng hơn và trang trọng khi cảm xúc chủ quan của tác giả chuyển sang lời tuyên ngôn của dân tộc.

Nước chúng ta  
 Nước những người chưa bao giờ khuất  
 Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
 Những buổi ngày xưa vọng nói về.

Những người đã dâng cuộc đời cho đất nước ngàn năm vẫn sống mãi với quê hương. Hàng nghìn năm qua đã nước đã chịu bao gót giầy của quân xâm lược xéo nát. Những vết thương vẫn còn mãi, nhưng dân tộc ta không bao giờ khuất phục, nếu có người gục xuống thì người khác sẽ lên thay. [Đất nước](#) này là của chúng ta và là của những người đã ngã, họ không bao giờ mất đi trong lòng đất nước. Câu thơ “Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất” làm người ta nhớ lại hình ảnh người mẹ già đào hầm nuôi giấu bộ đội của Dương Hương Li

Mẹ vẫn đào hầm dưới tầm đại bác  
 Bao đêm rồi tiếng cuộc vọng năm canh  
 Hình ảnh của người mẹ này sẽ bất diệt cùng hình ảnh của đất nước.

Tiếng cuốc của mẹ vọng vào đêm trường như lời của “ Những buổi ngày xưa vọng nói về”. Đoạn thơ cô đọng với những tiếng rì rầm, vang vọng của người đã khuất. [Đất nước](#) là những hình ảnh đẹp, những ý chí hào hùng sảng khoái, nhưng cũng chứa đựng những khắc nghiệt, những đau đớn quần quai do quân xâm lược gây ra. Đã nhiều nhà thơ lấy đề tài đất nước gọi [cảm hứng](#) cho mình. Trong trường ca: Mặt đường khát vọng [Nguyễn Khoa Điềm](#) cũng cho ta hình ảnh của đất nước. “ [Đất nước](#) có từ ngày xưa ngày xưa mẹ vẫn hay kể...”. Từ những hòn núi vọng phu, những hòn trống mái. Và đất nước là tiếng đàn bầu, là những cuộc tiễn đưa...

Đoạn thơ trên là khúc hoan ca của tác giả khi đất nước đã có một vùng giải phóng “ dẫu chưa toàn vẹn đã bay cờ hồng” ở chiến khu [Việt Bắc](#). Cái đàngs quý của bài thơ là sự chân thành của tác giả trước đất nước độc lập tự do. Có được độc lập dân tộc ta đã phải đổ biết bao xương máu. [Chế Lan Viên](#) đã từng nói: “ Phải trăm năm mới có ngày độc lập”. Và làm sao đếm được hết đâu người bởi lửa đạn chiến tranh những roi vọt ngục tù mà dân tộc ta đã phải trải qua? Xiềng xích súng đạn của quân thù không khuất phục được ta, mà ngược lại những xóm làng vườn ruộng của ta sẽ “ mọc lên những luỹ thép”, sẽ hoá thành những bể dầu sôi để giết quân thù.

Những câu thơ như có giai điệu của âm nhạc. Nghệ thuật đoạn thơ phong [phú](#), những hình ảnh về đất nước giản dị nhưng có sức khẳng định mạnh. Lịch sử lúc bấy giờ khá phức tạp, mặc dù ta đã dành được một số thắng lợi ban đầu nhưng kẻ thù vẫn hung hãn “ quyết tâm cướp nước ta một lần nữa”.

Và một phần lớn đất nước còn lại đang dưới sự kiểm soát của kẻ thù. Mặc dù vui trong thắng lợi nhưng tác giả cũng không quên được mối nguy hiểm đe dọa đất nước. Tác giả như thay lời đất nước tuyên ngôn và khẳng định quyền làm chủ cho dân tộc mình. Những lời nói tự hào này là lời cảnh cáo đối với kẻ thù. [Đất nước](#) Việt Nam ta qua những năm lịch sử đã ghi lại những trang sử hào hùng chói lọi. Tượng đài đất nước là những bài thơ, những cảm xúc và suy nghĩ chân thành của những tác giả có phẩm chất công dân. Có những tháng năm không thể nào quên, những năm tháng hào hùng và nước mắt. [Đất nước](#) ta đã trải qua những ngày tháng ấy. Nguyễn Đình Thi đã xây dựng khá hoàn chỉnh hình ảnh đất nước trong lòng quá khứ và trong hiện tại. Nói đúng hơn điểm nhìn của tác giả là một thời điểm đầy cam go của dân tộc nhưng tâm hồn của nhà thơ, của những người kháng chiến, của đất nước vẫn là “ Mát trong như sáng năm xưa”. Đọc [Đất nước](#) lòng chúng ta thấy xao xuyến, chúng ta thấy niềm vui vô bờ bến của một người tự do đang say sưa với đất nước tự do và đang chiêm nghiệm quá khứ của ông cha với niềm tự hào vô bờ bến...

## **Bình giảng đoạn thơ sau trong bài Việt Bắc của Tố Hữu:**

Ta về, mình có nhớ ta  
 Ta về, ta nhớ những hoa cùng người  
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
 Ve kêu rừng phách đổ vàng  
 Nhớ cô em gái hái măng một mình  
 Rừng thu trăng rọi hoà bình  
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

### **Bài làm**

“Ôi! Nỗi nhớ, có bao giờ thế!”. Nỗi nhớ đi qua thời gian, vượt qua không gian. Nỗi nhớ thấm sâu lòng người... Và nỗi nhớ ấy cứ ray rứt, da diết trong tâm hồn người chiến sĩ cách mạng miền xuôi khi xa rồi Việt Bắc thân yêu- nơi đã từng nuôi nấng mình trong những ngày kháng chiến gian lao....

Ta về, mình có nhớ ta  
 Ta về, ta nhớ những hoa cùng người  
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
 Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình  
 Rừng thu trăng rọi hoà bình  
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Trong cùng một đoạn thơ ngắn nhưng từ “nhớ” đã được lặp lại năm lần. Nỗi nhớ xuyên suốt từ câu đầu đến câu cuối đoạn. Hai dòng đầu là lời khơi gợi, “nhắc khéo”: mình có nhớ ta không? Riêng ta, ta vẫn nhớ! Cách xưng hô gợi vẻ thân mật, tình cảm đậm đà tha thiết. Ta với mình tuy hai mà một, tuy một mà hai.

Người ra đi nhớ những gì? [Việt Bắc](#) có gì để mà nhớ, để mà thương? Câu thơ đã trình bày rất rõ?

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người

Núi rừng, phong cảnh [Việt Bắc](#) được ví như “hoa”. Nó tươi thắm, rực rỡ và “thơm mát”. Trong bức tranh thiên nhiên ấy, hình ảnh con người hiện lên, giản dị, chân chất, mộc mạc mà cao đẹp vô cùng! Con người và thiên nhiên lồng vào nhau, gắn kết với nhau tạo nên cái phong thái riêng của [Việt Bắc](#).

Bốn mùa đất nước đi qua trong những câu thơ ngắn gọn bằng các hình ảnh, chi tiết chắc lọc, đặc trưng. Mỗi mùa mang một hương vị độc đáo riêng.

Mùa đông, rừng biếc xanh, điểm lên những bông hoa chuối “đỏ tươi” và ánh nắng vàng rực rỡ. Xuân đến, cả khu rừng bừng sáng bởi màu trắng của hoa mơ. Hè sang, có ve kêu và có “rừng phách đổ vàng”. Và khi thu về, thiên nhiên được thắp sáng bởi màu vàng dìu dìu của ánh trăng. Đoạn thơ tràn ngập những màu sắc chói lọi, rực rỡ: xanh, đỏ, vàng, trắng... Những màu sắc ấy đập mạnh vào giác quan của người đọc. Tiếp xúc với những câu thơ của [Tố Hữu](#), ta như được chiêm ngưỡng một bức tranh sinh động. Trong đó, những gam màu được sử dụng một cách hài hoà tự nhiên càng tôn thêm vẻ đẹp của núi rừng [Việt Bắc](#).

Thời gian vận hành nhịp nhàng trong những dòng thơ. Nó bước những bước rần rỏi, vững chắc khiến ta chẳng thể thấy [phút](#) giao mùa. Thiên nhiên [Việt Bắc](#) còn được mô tả theo chiều dọc thời gian. Buổi sáng hoa “mơ nở trắng rừng”, trưa nắng vàng rực rỡ và khi đêm về, trăng dọi bàng bạc khắp nơi... Núi rừng [Việt Bắc](#) như một sinh thể đang biến đổi trong từng khoảnh khắc....

Và cái phong cảnh tuyệt vời, đáng yêu ấy càng trở nên hài hoà, nắng ấm, sinh động hẳn lên khi xuất hiện hình ảnh của con người. Con người đang lồng vào thiên nhiên, như một đoá hoa đẹp nhất, có hương thơm ngào ngạt nhất. Mỗi câu thơ tả cảnh đi cặp với một câu thơ tả người. Cảnh và người đan xen vào nhau một cách hài hoà. Đây là những con người lao động, gắn bó, hăng say với công việc. Kẻ “dao gài thắt lưng”, người “đan nón”, “cô em gái hái măng một mình” và tiếng hát ân tình của ai đó vang lên giữa đêm rừng núi xôn xao... Hình ảnh con người là nét đẹp của thiên nhiên thêm rực

rỡ.Chính họ đã thắp sáng thiên nhiên,làm cho thiên nhiên thêm rực rỡ.Chính họ đã gọi nên nổi nhớ da diết cho người ra đi.Độc đoạn thơ,ta có cảm nhận những vẻ đẹp bình dị mà trong sáng của tâm hồn người [Việt Bắc](#).ở đó họ đối xử với nhau bằng tình nghĩa mặn mà,chân thật,bằng sự thủy chung “trước sau như một”.Họ đã nuôi chiến sĩ,nuôi cách mạng,nuôi cuộc kháng chiến của dân tộc....Những con người [Việt Bắc](#) tuy bình dị nhưng thật anh hùng.

Khơi gợi hình ảnh thiên nhiên và con người nơi đây,[Tố Hữu](#) đã thể hiện một tình cảm tha thiết,ân tình sâu nặng và nỗi nhớ thương sâu sắc.Ta với mình,mình với ta đã từng:

Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa,chăn sui đắp cùng.

Đã từng san sẻ những ngọt bùi,gian nan vất vả như thế!Ta,mình làm sao có thể quên nhau được.Tình cảm mến thương ấy đã ăn sâu vào tâm hồn kẻ ở,người đi.Vì thế,khi ra đi,nhớ là nỗi niềm khắc đậm sâu trong tâm khảm,tình cảm của tác giả.

Giọng thơ lục bát nhẹ nhàng mà sâu lắng.Cả khổ thơ ôm chứa niềm lạc quan,vui sống và tin tưởng vào cuộc sống.Nó mang âm điệu [trữ tình](#),thể hiện tình yêu thiên nhiên, con người tha thiết và tấm lòng yêu nước thiết tha của [Tố Hữu](#).Cuối đoạn thơ vang lên tiếng hát ngọt ngào khơi gợi bao kỉ niệm.Kỉ niệm ấy theo mãi dấu chân người đi và quẩn quýt bên lòng kẻ ở lại....

Những câu thơ của [Tố Hữu](#) có tính khái quát cao so với toàn bài.Lời thơ giản dị mà trong sáng thể hiện niềm rung động thật sự trước vẻ đẹp của núi rừng và con người [Việt Bắc](#).Nỗi nhớ trong thơ của [Tố Hữu](#) đã đi vào tâm hồn người đọc,như khúc dân ca ngọt ngào để lại trong lòng ta những tình cảm sâu lắng,dịu dàng.....

## **Tình cảm đất nước quê hương thể hiện trong bài thơ [Việt Bắc](#) của [Tố Hữu](#).**

Yêu cầu(Làm sáng tỏ ý kiến: “Bài thơ [Việt Bắc](#) của [Tố Hữu](#) là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến”)

[Việt Bắc](#) với vẻ đẹp của cảnh và người ([trữ tình](#))

[Việt Bắc](#) hào hùng trong chiến đấu.

[Việt Bắc](#) trong [cảm hứng](#) lãng của ngày mai (lãng mạn).

## A-Mở bài

Bài thơ [Việt Bắc](#) là đỉnh cao của thơ [Tố Hữu](#) và cũng là một thành tựu quan trọng của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Bài thơ được [Tố Hữu](#) sáng tác vào tháng 2 năm 1954 nhân một sự kiện lịch sử. Trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu về thủ đô Hà Nội. Từ điểm xuất phát ấy bài thơ thể hiện tình gắn bó thắm thiết giữa người ra đi và người ở lại, giữa miền xuôi và miền ngược, giữa người cán bộ với [Việt Bắc](#) quê hương của cách mạng, với đất nước và nhân dân, với Đảng và Bác Hồ, với cuộc kháng chiến đã thành kỉ niệm sâu nặng trong tâm hồn.

Như thế nghĩa là trong niềm vui thắng lợi và đón nhận cuộc sống thanh bình nhà thơ vẫn không quên tình nghĩa gắn bó trong những năm gian khổ đã qua và coi đây là cội nguồn sức mạnh tinh thần to lớn cho những ngày hiện tại và tương lai. Có thể nói, bài thơ [Việt Bắc](#) là khúc tình ca và cũng là khúc hùng ca mà cội nguồn sâu xa của nó là tình cảm quê hương đất nước, là truyền thống ân nghĩa, đạo lý thủy chung của dân tộc.

## B-Thân bài

### 1. [Việt Bắc](#) với vẻ đẹp của cảnh và người

a) Nét độc đáo của cảnh [Việt Bắc](#).

b) Sự hoà quyện giữa cảnh và người.

Trước hết với kiểu kết cấu đối đáp rất đậm đà tình nghĩa của bài thơ [Việt Bắc](#) là tình yêu với thiên nhiên đất nước được biểu hiện cụ thể qua sự gắn bó với núi rừng [Việt Bắc](#) trong nỗi nhớ của người cán bộ sắp về xuôi. Cảnh [Việt Bắc](#) hiện ra những vẻ đẹp hiện thực và thơ mộng, thi vị gợi rõ nét độc đáo của [Việt Bắc](#) so với nhiều miền quê khác của đất nước. [Việt Bắc](#) đó là hình ảnh “Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương”, hình ảnh bản làng mờ trong sương sớm, những bếp lửa hồng trong đêm khuya, là những “rừng nứa bờ tre, ngòi thưa, sông Đáy” là tiếng mõ trâu về trong rừng chiều, tiếng “Chày đêm nện cối đều đều suối xa”.

Nhưng có lẽ nổi bật nhất là nỗi nhớ của [Tố Hữu](#) về [Việt Bắc](#) là sự hoà quyện với người, là ấn tượng không thể phai mờ về những người dân [Việt Bắc](#) cần cù trong lao động, thủy chung trong nghĩa tình:

Ta về mình có nhớ ta

...

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Qua đó có thể thấy thiên nhiên [Việt Bắc](#) hiện ra với những vẻ đẹp phong phú, đa dạng, thay đổi theo thời tiết, từng mùa. Gắn với cảnh tượng ấy

là con người giản dị, người đi làm nương rẫy, người đan nói, người hái măng... Bằng những việc làm tưởng chừng nhỏ bé của mình họ đã góp phần tạo ra sức mạnh vĩ đại của cuộc kháng chiến. Chính tình nghĩa gắn bó và san sẻ cũng nhau chịu đựng gian khổ thiếu thốn, cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề, khó khăn giữa nhân dân với bộ đội và cán bộ tất cả cùng làm cho hình ảnh [Việt Bắc](#) sáng ngời trong hồi tưởng của nhà thơ. [Việt Bắc](#) - đó là hình ảnh những mái nhà “Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son”, hình ảnh người mẹ “Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”, là những ngày tháng đồng cam cộng khổ:

Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

Có thể nói âm hưởng [trữ tình](#) vang vọng suốt bài thơ tạo nên khúc ca ngọt ngào, đầm thắm của tình yêu đồng chí với đồng bào, của tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước, yêu đời.

## 2. [Việt Bắc](#) hào hùng trong chiến đấu

a) Khung cảnh [sử thi](#)

b) Vai trò [Việt Bắc](#) trong cách mạng và kháng chiến.

Theo dòng hồi tưởng của [Tố Hữu](#) bài thơ dẫn ta vào khung cảnh [Việt Bắc](#) chiến đấu với những hình ảnh hào hùng, những hoạt động sôi nổi, những âm thanh náo nức, phấn chấn. Ở đây bài thơ tràn đầy âm hưởng anh hùng ca mang dáng vẻ [sử thi](#) hiện đại bởi chỉ cần miêu tả khung cảnh hùng tráng của [Việt Bắc](#), [Tố Hữu](#) đã nêu bật khí thế chiến đấu vô cùng mạnh mẽ của dân tộc.

Những đường [Việt Bắc](#) của ta  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  
Dân công đỏ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Dân tộc ấy đã vượt qua bao gian khổ hi sinh để lập nên những kì tích, những chiến công: Phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, phố Ràng, Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên..... Nhưng [Tố Hữu](#) không thể miêu tả diễn biến của cuộc kháng chiến mà chỉ còn đi sâu vào lý giải những cội nguồn sức mạnh đã dẫn tới chiến thắng. Đó là sức mạnh của lòng căm thù: “Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai”, sức mạnh tình nghĩa thủy chung: “Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi” nhất là sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, của sự hoà quyện gắn bó giữa con người với thiên nhiên - tất cả tạo thành hình ảnh “đất nước đứng lên”

Nhớ khi giặc đến giặc lùng

Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây  
 Núi giăng thành lũy sắt dày  
 Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù  
 Mênh mông bốn mặt sương mù  
 Đất trời ta cả chiến khu một lòng.

Đặc biệt bằng những lời thơ trang trọng mà tha thiết [Tố Hữu](#) đã đi sâu nhấn mạnh, hình ảnh và vai trò của [Việt Bắc](#) như là quê hương của cách mạng, căn cứ vững chắc của cuộc kháng chiến. Trong những năm đen tối trước cách mạng, hình ảnh [Việt Bắc](#) hiện dần từ mờ xa “mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù” cho đến xác định như chiến khu kiên cường nơi nuôi dưỡng bao sức mạnh đấu tranh, nơi sản sinh nhiều địa danh đã đi vào lịch sử dân tộc.

Mình về có nhớ núi non  
 Nhớ khi kháng Nhật, thua còn Việt Minh  
 Mình đi mình có nhớ mình  
 Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa.

Trong những năm tháng kháng chiến gian lao [Việt Bắc](#) là nơi có “cụ Hồ soi sáng”, có “Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công để kiên định niềm tin yêu của cả nước đối với [Việt Bắc](#), [Tố Hữu](#) lại dùng những câu thơ mang sắc thái ca dao dạt dào những âm hưởng nghĩa tình của hồn thơ dân tộc.

Ở đâu đâu đón giông nòi  
 Trông về [Việt Bắc](#) mà nuôi chí bền  
 Mười lăm năm ấy ai quên  
 Quê hương cách mạng dựng nên cộng hoà.

### 3. [Việt Bắc](#) trong [cảm hứng](#) về ngày mai

- Vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp
- Dự đoán về sự tha hoá.

Từ tình cảm yêu mến, gắn bó với cảnh và người [Việt Bắc](#) từ niềm tin tưởng vững chắc vào sức mạnh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, [Tố Hữu](#) vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp của [Việt Bắc](#) ngày mai trong khung cảnh xây dựng cuộc sống mới hoà bình, phồn vinh.

Ngày mai rộn rã sơn khê  
 Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng  
 Than Phấn Mễ, thiết Cao Bằng  
 Phố phường như nấm như măng giữa trời.

Những hình ảnh ấy là mơ ước, khát vọng và cũng là tình nghĩa mà những người cán bộ kháng chiến muốn đền đáp nơi từng là cội nguồn của cách mạng, nơi đã cưu mang, che chở họ trong những ngày đầy gian nan hi sinh.

+Đặc biệt ở những dòng cuối cùng của bài thơ người đọc càng hiểu sâu

thêm sự sắc sảo, nhạy bén của bài thơ [Tố Hữu](#) khi hướng về ngày mai, nhà thơ không quên, một nét đẹp trong đạo lý truyền thống của dân tộc đó là tình nghĩa thủy chung, có mới mà không nới cũ, luôn nghĩ đến nhau và vì nhau giữa miền xuôi và miền ngược, giữa cán bộ và nhân dân của mình.

Mình về thành thị xa xôi  
Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?  
Phố đông còn nhớ bản làng  
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

Có thể coi đây là lời cảnh báo về sự tha hoá khi có sự thay đổi môi trường, khi người ta có thể quên đi tất cả tình nghĩa năm xưa để chỉ nghĩ đến mình và vì mình. Cho đến hôm nay những lời thơ ấy của [Tố Hữu](#) vẫn giữ nguyên ý nghĩa thời sự chứ không hề cũ xưa.

### C-Kết luận

Nhìn chung [Việt Bắc](#) là một bài thơ [trữ tình](#), chính trị bởi vì thơ ở đây là thơ với căn cứ cách mạng, với truyền thống cách mạng, với đất nước và nhân dân. Nhưng quan trọng hơn cả chuyện công tác cái đã làm cho người ta cảm động là bài thơ đã thể hiện hết được truyền thống ân nghĩa của dân tộc Việt Nam, thể hiện một khát vọng về một chiến sĩ chan hoà tình yêu thương, hạnh [phúc](#), thanh bình, bền vững mãi mãi trên đất nước, quê hương.

## Nêu những nét chính về sự nghiệp văn học của nhà thơ [Tố Hữu](#).

### Bài làm

-[Tố Hữu](#) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh ngày 4-10-1920, quê ở làng Phù Lai, nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Sinh ra trong một nhà nho nghèo, từ nhỏ [Tố Hữu](#) đã học và tập làm thơ

-Ông giác ngộ cách mạng trong thời kì Mặt trận Dân chủ và trở thành người lãnh đạo Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế. Những bài thơ đầu tiên được sáng tác từ những năm 1937-1938. Tháng 8-1945, ông là Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế.

-Từ sau Cách mạng tháng Tám cho đến 1986, [Tố Hữu](#) liên tục giữ những cương vị trọng yếu trong cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước (từng là Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam (khoá IV và

V), Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng), đồng thời vẫn sáng tác thơ đều đặn. Với tư cách một hội viên sáng lập Hội [Nhà văn](#) Việt Nam (1957), người phụ trách chuyên môn công tác văn nghệ và tập huấn của Đảng, [Tố Hữu](#) còn phát biểu nhiều ý kiến về [văn học](#) nghệ thuật, chỉ đạo phong trào văn nghệ của đất nước trong một thời gian dài.

- [Tố Hữu](#) nhận được các giải thưởng văn học lớn:

+ Giải nhất Giải thưởng [Văn Học](#) Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955 (Tập thơ [Việt Bắc](#)).

+ Giải thưởng [Văn học](#) ASEAN (1996)

+ Giải thưởng [Hồ Chí Minh](#) về [Văn học](#)-Nghệ thuật (đợt 1, năm 1996).

- Con đường thơ của [Tố Hữu](#) bắt đầu gần như cùng lúc với con đường hoạt động cách mạng. Thơ ông gắn bó chặt chẽ với các cuộc đấu tranh cách mạng nên chặng đường thơ của ông cũng song hành với các giai đoạn cách mạng đồng thời thể hiện sự vận động về tư tưởng và nghệ thuật của nhà thơ.

a) Tập thơ đầu tay [Từ ấy](#) (1937-1946) - biểu hiện tấm lòng yêu thương xúc động của người chiến sĩ cách mạng trước những cảnh đời cũ nhiều ngang trái bất công (Đi đi em, Lão đầy tớ, Tiếng hát sông Hương...). [Từ ấy](#) ghi lại niềm vui bất gặp lý tưởng cách mạng của người thanh niên Huế, sự hoà nhập với cuộc đời chung của dân tộc (Xuân lòng, [Từ ấy](#), Trăng trời...). [Từ ấy](#) còn là tiếng hát cất lên từ xiềng xích ngục tù, thể hiện tinh thần đấu tranh kiên cường của người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi ([Tâm tư trong tù](#), Nhớ đồng, Con các chốt nưa, Tiếng hát đi đày...). Tập thơ khép lại bằng một niềm vui lớn, niềm vui giải phóng, niềm vui tung phá xiềng xích ngục tù, niềm vui hít thở không khí trong lành sang hàng trăm năm nô lệ, niềm vui bay lên với sông núi tự do (Huế tháng Tám, Xuân nhân loại, Vui bất tuyệt...). Những bài thơ của [Tố Hữu](#) trong [Từ ấy](#) giàu sức sống mới mẻ, hấp dẫn. Ông đem vào thơ những lắng nghe, xúc động, yêu thương, căm giận... của tâm hồn thi sĩ cách mạng. [Từ ấy](#), cái thời điểm giàu ý nghĩa của một tâm hồn khi tìm được lí tưởng, khi cái riêng hạnh [phúc](#) cá nhân đã hoà vào cái chung, vận mệnh của dân tộc.

b) [Việt Bắc](#) (1946-1954) là tập thơ tiêu biểu của thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, phản ánh cuộc hành trình gian khổ đã diễn ra suốt trên “ba ngàn ngày không nghỉ” của quân và dân ta từ sau Cáng mạng tháng Tám cho đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ. [Việt Bắc](#) khắc hoạ hình ảnh nhân dân trong cuộc kháng chiến: anh “bộ đội Cụ Hồ”, bà mẹ giàu lòng

thương con yêu nước, người phụ nữ đảm việc nước giỏi việc nhà, em bé giao liên... (Cá nước, Lên Tây Bắc, Bà bủ, Bầm ơi, Lượm...). Trong tập thơ [Việt Bắc](#), [Tố Hữu](#) thể hiện tình cảm lớn, niềm vui lớn với nhân dân và đất nước, lãnh tụ; ca ngợi chiến thắng và chào đón hoà bình (Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Ta đi tới, [Việt Bắc](#)...). Từ tập thơ [Việt Bắc](#), [Tố Hữu](#) thường đặt vấn đề lẽ sống của dân tộc, mối quan hệ giữa dân tộc và thời đại. Chất hiện thực sâu sắc trong thơ [Tố Hữu](#) tạo nên kết hợp nhân nhị giữa yếu tố lãng mạn cách mạng và hiện thực.

c) Gió lộng (1955-1961) phản ánh giai đoạn đất nước ta bắt đầu thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đầu trang giành thống nhất Tổ quốc. Gió lộng thể hiện niềm vui làm chủ đất nước, làm chủ đời mình (Trên miền Bắc mùa xuân, Mùa thu mới...); ca ngợi cuộc sống mới mở miền Bắc (Tiếng chổi tre, Bài ca mùa xuân 1961...) và bộc lộ tình cảm tha thiết đối với miền Nam (Quê mẹ, Người con gái Việt Nam, Thù muôn đời muôn kiếp không tan...). Tập Gió lộng tiếp tục khuynh hướng khái quát và [cảm hứng](#) lịch sử dân tộc được mở ra ở cuối tập [Việt Bắc](#). Tập thơ thể hiện những vấn đề dân tộc, cộng đồng, chứ không phải là vấn đề số phận cá nhân, nói đúng hơn là số phận cá nhân hoà với số phận dân tộc, cộng đồng.

d) Ra trận (1962-1971) và Máu và hoa (1972-1977) là hai tập thơ ra đời trong thời kì kháng chiến cả nước ta chiến đấu kiên cường chống giặc ngoại xâm, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tâm vóc thời đại của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, tư tưởng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng là những yếu tố cho âm hưởng hùng ca ([cảm hứng](#) về nhân dân, về lịch sử) tràn vào thơ của [Tố Hữu](#), đặc biệt trong các bài thơ xuân (Chào xuân 67, Bài ca xuân 68...). Trước đây, âm hưởng anh hùng ca đã xuất hiện một phần trong các bài [Việt Bắc](#), Ta đi tới, Ba mươi năm đời ta có Đảng, nhưng đến thời kì chống Mỹ cứu nước, âm hưởng anh hùng ca ngày càng nổi lên; sự kết hợp giữa âm hưởng [trữ tình](#) và anh hùng ca đã khá nhuần nhị (Theo chân Bắc, Nước non ngàn dặm).

đ) Một tiếng đờn (1979-1992) xuất hiện trong tình hình đất nước và quốc tế có nhiều biến động. Hiện thực bộn bề nhiều mặt đã đi vào tác phẩm của [Tố Hữu](#). Với tập thơ tâm tình này, tác giả bộc lộ những chiêm nghiệm và suy nghĩ sâu sắc trước cuộc đời. Tuy nhiên, mọi sự suy nghĩ về lẽ đời biến đổi, về chuyện nhân tình có thể hiện tâm trạng buồn của [Tố Hữu](#) nhưng vẫn chứa ẩn niềm tin yêu, hi vọng không bao giờ cạn đối với Đảng, đất nước, dân tộc (Một nhánh xuân, Chân trời mới, Duyên thâm...).

- [Tố Hữu](#) là một nhà thơ-chiến sĩ. Ông làm thơ trước hết là vì sự nghiệp của

dân tộc, của Đảng. Thơ [Tố Hữu](#) biểu hiện lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của dân tộc và cách mạng. [Cảm hứng](#) nổi bật trong thơ [Tố Hữu](#) là [cảm hứng](#) về nhân dân, về cách mạng, cảm hứng về lịch sử hào hùng của dân tộc, chứ không phải là [cảm hứng](#) đời tư. Trong thơ [Tố Hữu](#), cái tôi đã hoà với cái ta.; cái riêng hoà với cái chung, nghệ sĩ gắn bó với nhân dân. Thơ [Tố Hữu](#) là sự kết hợp nhuần nhị giữa các yếu tố lãng mạn cách mạng và hiện thực, [trữ tình](#) và anh hùng ca, tính dân tộc và tính thời đại. Giọng điệu riêng trong thơ Tố Hữu là giọng tâm tình ngọt ngào, tha thiết. Trên nhiều chặng đường thơ [Tố Hữu](#) đã kết hợp hài hoà nội dung với hình thức biểu hiện và tạo hiệu quả nghệ thuật cao.

## Hãy bình giảng đoạn thơ sau, trong bài [Việt Bắc](#) của [Tố Hữu](#):

Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.  
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.  
Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình  
Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

*(Văn học, 12, tập 1, NXB. Giáo dục, 2002, tr.155-156)*

**Bài làm tham khảo:**

***Bộ tứ bình dệt bằng ánh sáng của hoài niệm:***

[Việt Bắc](#) là một trong những bài thơ hay nhất của [Tố Hữu](#). Lời thơ như khúc hát ân tình tha thiết về [Việt Bắc](#), quê hương của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Ở đó, bên cạnh cách những bức tranh hùng tráng, đậm chất [sử thi](#) về cuộc sống đời thường gần gũi, thân thiết được bao bọc bởi thiên nhiên vô cùng tươi đẹp:

Ta về, mình có nhớ ta

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.  
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.  
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
 Ve kêu rừng phách đổ vàng  
 Nhớ cô em gái hái măng một mình  
 Rừng thu trăng rọi hoà bình  
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

Đây là bức tranh được dệt bằng [ngôn từ](#) nghệ thuật toàn bích, có sự hoà quyện giữa cảnh và người, giữa cuộc đời thực với tấm lòng của nhà thơ cách mạng.

Mười câu thơ trên nằm trong trường đoạn gồm 62 câu thơ diễn tả tâm tình của người cán bộ sắp sửa rời [Việt Bắc](#), nơi mình đã 15 năm gắn bó với bao tình cảm máu thịt. Đoạn thơ mở đầu bằng một câu hỏi:

Ta về, mình có nhớ ta

Nhưng thực ra, hỏi chỉ để mà hỏi, hỏi để tạo thêm cái cớ để giải bày nỗi lòng của mình:

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.

Câu thơ có nhịp điệu êm ái nhờ những điệp từ tạo và các thanh bằng (6/8) như một lời ru, một câu hát không chỉ diễn tả tâm trạng tha thiết của nhân vật [trữ tình](#). Đây còn là lời ngợi ca về thiên nhiên và con người [Việt Bắc](#). Trong ngôn ngữ Việt, hoa còn có ý nghĩa biểu trưng về thiên nhiên, về những gì tươi đẹp. Đặt hoa bên cạnh người là sự tôn vinh về thiên nhiên và con người [Việt Bắc](#).

Vả lại, hoa và người hoà quyện, gắn bó với nhau. Nói tới thiên nhiên không thể nói đến con người và ngược lại, những con người ấy đã ở trong một thiên nhiên đẹp, gần gũi.

Bốn câu thơ lục bát còn lại là một bức tranh liên hoàn về con người và thiên nhiên [Việt Bắc](#). Nhiều người gọi đây là bộ tứ bình (xuân, hạ, thu, đông). Nhà thơ kế thừa nghệ thuật hội họa cổ truyền của dân tộc trong khi miêu tả thiên nhiên. Mỗi một câu thơ khắc hoạ một bức tranh cụ thể nhưng

cũng có thể ghép lại thành một bộ liên hoàn:

Bức tranh thứ nhất:

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi  
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Câu thơ mở ra một không gian rộng lớn. Trên cái nền xanh bạt ngàn của rừng, nổi bật lên hình ảnh những bông hoa chuối đỏ tươi. Nghệ thuật điểm xuyết trong thơ cổ ( Cỏ non xanh rợn chân trời – cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa; [Nguyễn Du](#) ) tỏ ra rất hữu hiệu. Giữa bạt ngàn xanh của núi rừng [Việt Bắc](#), màu đỏ của hoa chuối bỗng gợi lên sự ấm áp, có sức lan toả. Vì thế, thiên nhiên hùng vĩ ấy không xa lạ; trái lại, gần gũi, thân thiết với con người:

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Cũng là cách điểm xuyết những hình ảnh điểm nổi rõ hơn cảnh. Hơn nữa, cách điểm xuyết ấy rất độc đáo: càng chọn điểm nhỏ nhất thì sức gợi càng lớn hơn. Vì thế, câu thơ có sự nhấp nháy (nắng ánh) của hình ảnh và cảnh vật vốn tĩnh lặng, thậm chí tịch mịch, bỗng có sức sống, sự chuyển động.

Thơ ca là một nghệ thuật của thời gian. Với những nghệ sĩ tài hoa đó, việc tạo dựng nên những lớp thời gian chồng lấp và không gian không bất động, bất biến mà ngang sức sống nhờ sự tái sinh của những lớp [ngôn từ](#). Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi, Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng là một câu thơ như thế.

Bức tranh thứ hai

Ngày xuân mơ nở trắng rừng  
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Khác bức tranh thứ nhất, bức tranh thơ thứ hai mở đầu có sự định vị về thời gian (Ngày xuân). Nhưng tự thân thời gian ấy cũng đã mở ra không gian:

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Cách điệp âm (mơ/nở; trắng/rừng) cùng với hình ảnh của hoa mơ (màu trắng) tạo ra một không gian vừa rộng lớn, vừa có sự rộn ràng, náo nức của

thiên nhiên. Nếu ở bức tranh thơ thứ nhất, nghệ thuật miêu tả của tác giả ở điểm tuyệt, tìm hình ảnh gợi, sắc màu sáng (hoa đỏ, nắng ánh) để diễn tả sự chuyển động của cảnh vật thì ở đây, nhà thơ lại hướng cái nhìn vào sự bao quát điệp trùng để tìm cái rạo rức (tiềm ẩn) của thiên nhiên.

Trên cái nền không gian rộng lớn và náo nức ấy, nhà thơ hướng mắt nhìn về một hoạt động có vẻ tỉ mỉ:

...Người đan nón chuốt từng sợi giang.

Nhiều người nói câu thơ ca ngợi “dáng điệu cần mẫn, cẩn trọng và tài hoa” trong “công việc thầm lặng” của người [Việt Bắc](#) (1). Có người nói “dưới ánh sáng của rừng mơ mùa xuân, hình ảnh cô gái [Việt Bắc](#) hiện lên thanh mảnh, dịu dàng” (2). Câu thơ có hình ảnh ấy. Con người [Việt Bắc](#) trong hoài niệm của [Tố Hữu](#) là như thế. Nhưng đó là hình ảnh thực. Trong chuỗi hoài niệm của tác giả, hình ảnh kia chỉ là một điểm gợi nhớ. Câu thơ gợi lên cách cảm, cách nhìn của tác giả hơn là tả thực. Đó là hình ảnh đặc trưng của sinh hoạt đời thường ở [Việt Bắc](#). Với nhiều người, nó có thể nhỏ nhặt, không đáng nhớ. Với một nhà thơ ân tình như [Tố Hữu](#), đó lại là hình ảnh khắc ghi trong tâm khảm.

Bức tranh thứ ba

Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Câu thơ mở đầu bằng âm thanh ( ve kêu ), nhưng cũng là cách định vị bằng thời gian (mùa hè). Dòng thơ vừa có âm thanh rộn ràng, vừa có màu sắc đặc trưng của rừng [Việt Bắc](#). Âm thanh và màu sắc ấy tạo nên cảnh tượng bừng của thiên nhiên. Nếu nói thiên nhiên cũng có đời sống riêng của nó thì đây quả thực là ngày hội của cảnh vật. Vì vậy, trong “ngày hội” ấy hình ảnh cô em gái hái măng một mình không lẻ loi mà góp phần tạo nên bức tranh thơ hoàn chỉnh:

Ve kêu rừng phách đổ vàng  
Nhớ cô em gái hái măng một mình.

Như đã nói, hoa và người [Việt Bắc](#) trong thơ [Tố Hữu](#) hoà quyện, cùng tôn vinh lẫn nhau. Trong hoài niệm này, tác giả dùng bút lực của mình để ca ngợi, tôn vinh sự hài hoà đó. Và chính sự hài hoà đó đã tạo nên chất thơ. Vì

thế, không nên suy diễn, giàu chất tượng trưng với những nét sinh hoạt, lao động của cuộc sống thực.

Bức tranh thứ tư

Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

Câu thơ có kiểu mở đầu bằng sự định vị cả không gian lẫn thời gian (rừng thu). Đến đây, ta chú ý các kiểu định vị ở những câu thơ trên:

Rừng xanh => không gian  
Ngày xuân => thời gian  
Ve kêu => âm thanh ( thời gian )

Ứng với mỗi câu thơ và cách định vị trên là một mùa của thiên nhiên (mùa đông, mùa xuân, mùa hạ). Câu thơ này cũng là bức tranh về một mùa của thiên nhiên (mùa thu). Nhưng có lẽ vì đó là bức tranh cuối của bộ tứ bình và là tiếng hát cuối của một trường đoạn hoài niệm nên hình ảnh tất cả đều trở nên tượng trưng, âm hưởng cũng bao quát hơn:

Rừng thu trăng rọi hoà bình  
Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.

Không gian mênh mông chẳng khác gì cảnh thu huyền ảo của thơ mới:

Nai cao gót lẫm trong mù  
Xuống rừng nẻo thuộc nghìn thu mới về  
([Huy Cận](#))

Trời thu nhuộm ánh tà dương  
Gió thu trong quãng canh trường nỉ non  
Trăng thu soi bóng cô thôn,  
Hỏi người lữ thứ mộng hồn về đâu?  
([Hằng Phương](#))

Rừng thu [Việt Bắc](#) trong thơ [Tố Hữu](#) mênh mông nhưng không lạnh lẽo. “Trăng rọi hoà bình” vừa mang ý nghĩa ánh trăng của cuộc đời ân tình ấy, lại vừa mang ý nghĩa cuộc sống có sự soi rọi ấm áp của niềm tin, tự do. Và, trong cuộc sống ấm áp ấy, có biết bao nhiêu nghĩa tình sâu nặng.

Thơ [Tố Hữu](#) là khúc hát của tự do, của ân tình cách mạng. Bản thân cuộc đời ân tình ấy, đối với nhà thơ, luôn là bài ca sâu nặng. Vì thế, nhà thơ không chỉ cảm, nghĩ về cuộc đời mà cất tiếng ca ngợi. Tiếng hát ân tình thấm chung trong bài thơ [Việt Bắc](#) là tiếng hát như thế.

Bộ tứ bình bằng thơ về cảnh và người [Việt Bắc](#) được dệt dưới ánh sáng của hoài niệm da diết. Thông thường, người ta chỉ nhớ những gì mang ấn tượng nhất của quá khứ và thời gian càng lùi xa thì ấn tượng ấy càng trở nên tươi đẹp, huyền ảo hơn. Hàng loạt điệp từ nhớ ( 5 từ ) trong một khổ thơ như là sự nối dài của lòng hoài niệm không dứt.

[Việt Bắc](#) là bài thơ hay của [Tố Hữu](#). Ở đó, nhà thơ thể hiện sự tài hoa của mình trên nhiều phương diện của nghệ thuật sáng tạo thi ca. Sự tài hoa ấy được dẫn dắt của một điệu tâm hồn đầy tình nghĩa của nhà thơ. Đoạn thơ trên là một trong những đoạn thơ hay nhất của bài thơ [Việt Bắc](#) bởi kết tinh một nghệ thuật thơ ca vừa giàu tính dân tộc, vừa mang tính hiện đại trong một điệu tâm hồn say đắm.

## **Bình giảng bài thơ [Tiếng Hát con tàu](#) của [Chế Lan Viên](#):**

### **Bài làm tham khảo**

1. [Tiếng hát con tàu](#) lôi cuốn chúng ta trước hết bằng âm hưởng thật dào dạt. Người đọc bị lôi cuốn vào từng đợt cảm xúc lúc sôi nổi trào dâng, lúc lắng sâu trầm tĩnh để rồi đi đến cao trào ở cuối bài thơ thật bay bổng, say mê và thơ mộng:

Lấy cả những cơn mơ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng?  
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng  
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống  
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.

Trong [sóng](#) bạc tâm tình ấy, ánh lên lớp lớp những hình ảnh lung linh, với những so sánh, ẩn dụ, tượng trưng mỗi lúc một mới lạ, bất ngờ. Cái thi tứ chủ đạo Tâm hồn ta đã hoá những con tàu với hình ảnh trung tâm là con tàu đang hăm hở về những miền xa, những chân trời rộng rãi, đã làm “bộ phóng cho mọi tưởng tượng sáng tạo, kết liền cả hoài niệm quá khứ về cuộc kháng chiến chống Pháp với những trần trở và sự cảm về tương lai.

Cái ẩn tượng nổi đậm tiếp theo ở bài thơ này là sự kết hợp giữa thực và ảo, thật và mơ. Hình tượng con tàu lên Tây Bắc đã là một tưởng tượng đầy mơ mộng: Sự thực thì cho đến nay vẫn chưa có đường tàu lên Tây Bắc, nhưng điều đó không ngăn cản nhà thơ hình dung ra con tàu tâm tưởng của mình vượt trăm ga ngói đỏ, đêm đêm lại uống một vầng trăng... trong bài, chúng ta còn gặp rất nhiều hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng biến hoá được sáng tạo từ sức tưởng tượng phong [phú](#) của nhà thơ. Nhưng mặt khác, bài thơ cũng lại chất chứa hình ảnh thật cụ thể như được kết tinh từ những kỷ niệm, những cảnh sống thực đã trải của tác giả, những so sánh dung dị lấy từ đời sống quen thuộc mà không kém rung động (Những hình ảnh cụ thể về nhân dân và kỷ niệm kháng chiến ở phần hai bài thơ). Có thể nói, cảm xúc của tác giả đi về giữa thực và ảo, giữa thật và mơ, làm cho thi tứ của bài luôn vận động bất ngờ, mới lạ, tạo ra sức quyến hút nhiều mặt cho tác phẩm.

## 2. Hãy đọc lại bốn câu thơ đề từ

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc  
 Khi lòng ta đã hoá những con tàu,  
 Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát  
 Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu.

Bây giờ chắc ít ai còn nhớ đến sự kiện kinh tế - xã hội đã khơi gợi [cảm hứng](#) cho [Chế Lan Viên](#) viết bài [Tiếng hát con tàu](#). Đó là cuộc vận động nhân dân miền xuôi lên xây dựng kinh tế vùng núi Tây Bắc diễn ra vào những năm 1958 – 1960 ở miền Bắc. Nhưng bài thơ không phải là một sự minh họa đơn giản, phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ kinh tế và chính trị. Sự kiện thời sự ấy chỉ là điểm xuất phát, gợi ý cho tác giả khơi dậy những ẩn tượng, cảm xúc, suy ngẫm về nhân dân, đất nước và thơ ca. Bài thơ là niềm hân hoan và lời giục giã của một tâm hồn đã thức tỉnh một chân lý lớn, lẽ sống lớn của đời người và đời thơ: đó là nhân dân... được cảm nhận như là ngọn nguồn của đời sống, của thơ ca.

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc, Tây Bắc ở đây chỉ là một biểu tượng của những miền xa xôi của Tổ quốc, nơi đã ghi sâu những kỷ niệm kháng chiến, nơi đang vẫy gọi, nơi tình dân đang chờ những cánh tay và tấm lòng đến chung sức xây dựng. Nhưng tiếng gọi của Tây Bắc, của cuộc sống đất nước cũng là tiếng gọi của chính lòng mình: [Đất nước](#) gọi ta hay lòng ta gọi. Lên với Tây Bắc cũng là về với chính lòng mình, với những kỷ niệm và nghĩa tình sâu nặng của nhân dân trong những năm kháng chiến gian lao vừa qua. Bởi thế Khi lòng ta đã hoá những con tàu giữa cảnh sôi động dựng xây, hồi sinh của đất nước bốn bề lên tiếng hát thì soi vào lòng mình mà có thể tìm thấy Tây Bắc, và tâm hồn nhà thơ cũng chính là Tây Bắc, chứ còn đâu. Cái điều tưởng chừng như nghịch lý (tâm hồn đã hoá con tàu, lại có thể cũng là Tây Bắc) lại nói lên một quy luật của tâm lý, của đời sống tâm hồn con người, đó là cái sự thật của nội tâm dưới cái vẻ ngoài dường như vô lý kia.

3. Bài thơ kết cấu theo trình tự diễn biến tâm trạng. Ngoài bốn câu đề từ, hai khổ đầu là sự trần trở, lời giục giã lên đường. Chín khổ tiếp thể hiện khát vọng về với nhân dân, với Tây Bắc, được gọi lên qua những hình ảnh, kỷ niệm nặng nghĩa tình của nhân dân trong kháng chiến chống Pháp. Bốn khổ cuối là khúc hát lên đường say mê, sôi nổi rạo rực.

Âm hưởng, giọng điệu của bài thơ cũng biến đổi theo diễn biến của mạch tâm tư ấy. Ở đoạn đầu, lời giục giã với những câu hỏi ngày càng thôi thúc (Anh đi chằng? Anh có nghe, Sao chữa ra đi?). Đây là sự phân đôi chủ thể [trữ tình](#) để đối thoại, như là lời thuyết phục một người khác: Tàu gọi anh sao chữa ra đi? Chằng có thơ đâu giữa lòng đóng khép. Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia. Ở đoạn giữa, những kỷ niệm kháng chiến được gọi lại trong giọng hồi tưởng thiết tha, cảm động, với lối xưng hô thân mật: Con nhớ anh con – Con nhớ em con – Con nhớ mẹ. Xen với những hình ảnh lung linh của hồi tưởng là những đúc kết chiêm nghiệm triết lý trong giọng trầm lắng. Đoạn cuối là khúc hát lên đường say mê lôi cuốn, giàu chất lãng mạn với nhiều hình ảnh biến hoá bất ngờ, kỳ ảo, với sự trùng điệp tăng tiến của từ ngữ và hình ảnh tạo ra âm hưởng dồn dập, hối hả như một con tàu đang băng băng tới chân trời xa rộng.

4. [Tiếng hát con tàu](#) là sự bừng sáng trong tâm và trí của nhà thơ về một chân lý lớn:

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ  
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa  
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

## Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa

Đó là những câu thơ thật chân thành và cảm động của một hồn thơ khi nhân ra cái lẽ sống, nguồn sống của đời mình, của thơ mình. Trong khổ thơ trên, [Chế Lan Viên](#) dùng liên tiếp tới năm hình ảnh so sánh như để nói cho đủ, khắc cho sâu tư tưởng này: hồn thơ ấy đã thuộc về nhân dân, đã tìm thấy nguồn nuôi dưỡng từ nhân dân, đã được hồi sinh trong cuộc đời rộng lớn của nhân dân. Những hình ảnh so sánh ở khổ thơ này đều rất dung dị, gần gũi với sự sống bình dị của thiên nhiên và con người, nó rất ít dấu vết của trí tuệ, của lý lẽ, mặc dù là để nói về chân lý của cuộc đời mình.

Nhân dân trong tâm cảm của nhà thơ không phải là một ý niệm trừu tượng, đó là những con người cụ thể, với những số phận cụ thể. Nhân dân đó là người anh du kích với “Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách. Đêm cuối cùng anh gửi lại cho con”, là em liên lạc đưa đường, là cô gái với “vắt xuôi nuôi quân em giấu giữa rừng”, là bà mẹ “lửa hồng soi tóc bạc. Năm con đau ốm mẹ thức một mùa dài”. Những câu thơ bằng chi tiết cụ thể, bình dị khắc họa được hình ảnh nhân dân với những tấm lòng rộng lớn và hy sinh thầm lặng, đồng thời cũng biểu hiện lòng biết ơn sâu nặng, những xúc động thấm thía của một tấm lòng, nó là tâm cảm của [Chế Lan Viên](#), là những trải nghiệm của tác giả qua những năm kháng chiến.

Theo dòng hoài niệm, mạch thơ dẫn đến những câu thơ chất chứa những khái quát, triết lý về cuộc sống được kết tinh từ những chiêm nghiệm:

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương  
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi, đất bỗng hoá tâm hồn

Nói đến [Chế Lan Viên](#), chúng ta nghĩ ngay đến một giọng thơ triết lý với trí tuệ sắc sảo, những hình ảnh ý niệm. Cái đặc sắc của những câu thơ “triết lý” trên đây là ở sự sống, bằng những trải nghiệm của lòng người. Câu thơ có thể gợi nghĩ đến nhiều điều, nhưng trước hết là nói đến cái quy luật của đời sống tâm hồn; tâm hồn con người đã được bồi đắp, tạo dựng nên bằng chính những gì người ta đã trải qua, đã gắn bó, chia sẻ. Cái khách thể đã hoá thành chủ thể, cái ở ngoài ta đã hoà nhập và làm phong phú cho đời sống bên trong của mỗi cuộc đời. Một lần khác, [Chế Lan Viên](#) đã viết:

Tâm hồn tôi khi Tổ quốc soi vào

Thấy ngàn núi trăm sông diễm lệ  
 Con ngọc trai đêm hè đáy bể  
 Uống thủy chiều bỗng hoá hạt châu.  
 (Chim lượn trăm vòng)

Thì cũng là nói về chân lý ấy, về sự tái sinh và giàu có của tâm hồn nhà thơ khi đã được hình hài của đất nước, đời sống của nhân dân in dấu, soi bóng vào đó.

Mạch thơ chuyển sang sự rung cảm và suy tưởng về tình yêu:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét  
 Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng  
 Như xuân đến chim rừng lông trở biếc  
 Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Cũng được dẫn dắt từ những cảm xúc và hình ảnh cụ thể đến một triết lý khái quát như ở khổ trên, nhưng ở đây, khi nói về tình yêu, câu thơ bỗng ngời lên lấp lánh trong những hình ảnh rực rỡ sắc màu. Chúng ta lại bắt gặp nét quần thuộc của phong cách [Chế Lan Viên](#): hồn thơ ấy ham triết lý ngay cả khi đắm mình trong những cảm xúc của tình yêu. Nhà thơ phát hiện một quy luật của tình yêu qua những so sánh từ đời sống tự nhiên: sự gắn bó của hai trái tim, hai tâm hồn trong đời sống tình yêu là một tất yếu như cái rét với mùa đông, như mùa xuân với bộ lông biếc của chim rừng. Đến đây, tâm trí nhà thơ như reo lên khi phát hiện một tương quan gắn bó giữa tình yêu và đất lạ:

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Đoạn thơ nói về tình yêu, nhưng rốt cuộc thì cũng là nói về sự gắn bó với đất nước, nhân đạo. Có điều là ở đây, sự gắn bó ấy đã được bền chặt và sâu xa như tình quê hương, bởi chất “kết dính” tâm hồn và đất lạ chính là tình yêu! Chính vì thế mà bốn câu thơ về tình yêu có vẻ như bất ngờ chuyển mạch đột ngột giữa mạch thơ hoài niệm về nhân dân, thực ra lại vẫn là nằm trong mạch suy tưởng ấy, thậm chí, như là sự kết tinh những suy ngẫm và xúc cảm về nhân dân, đất nước của bài thơ.

5. Phần cuối (4 khổ thơ) là khúc hát lên đường trong một nhịp điệu lôi cuốn, dồn dập, say mê, đồng thời tiếp tục mạch suy tưởng của bài thơ, với những hình ảnh kết hợp giữa thực và mộng, cảm xúc và tưởng tượng lãng

mạn, bay bổng.

Tiếng gọi của đất nước, của tình dân cũng là lời giục giã của chính tâm hồn tác giả ([Đất nước](#) gọi ta hay lòng ta gọi), thành sự thôi thúc, nỗi khát khao bồn chồn không thể cưỡng lại (Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng; Mắt ta thèm mái ngói đỏ trăm ga).

Tạo ra âm hưởng dồn dập lôi cuốn của đoạn thơ này có vai trò của thủ pháp trùng điệp; những từ ngữ và hình ảnh ở khổ thơ trên được lấy lại và mở rộng ở khổ dưới, làm cho các khổ thơ liền mạch, nhịp điệu trở nên dồn dập, tuôn chảy dạt dào (mắt ta thèm.../ Mắt ta nhớ mặt người... Mặt đất nông nhựa nóng của cần lao / Nhựa nóng cần lao...). Trong són nhạc xúc cảm dồn dập lại ánh lên những hình ảnh phong [phú](#), biến hoá sáng tạo, chủ yếu là những hình ảnh cụ ẩn dụ, những biểu tượng, tượng trưng. Hình ảnh con tàu ở phần đầu được trở lại như hình ảnh trung tâm, cùng với hình ảnh mùa xuân dân giăng lúa chín, vàng ta đầu trong lửa uổng một vầng trăng, mặt hồng em... Các hình ảnh được tạo ra bằng những liên tưởng độc đáo, tưởng tượng táo bạo nhưng không xa lạ. Câu thơ của [Chế Lan Viên](#) như được khâu chuỗi bằng [hình tượng](#), [hình tượng](#) liên kết từng chùm, tầng tầng, lớp lớp, với nhiều dạng thức cấu tạo: so sánh, liên tưởng, biểu tượng.

6. [Tiếng hát con tàu](#) là một trong những thành công nổi trội nhất của thơ [Chế Lan Viên](#). Bài thơ đạt đến cái mà người ta thường gọi là độ chín. Không phải là cái hay của một tâm hồn thơ non tơ tươi trẻ mới phát lộ, mà là sự nhuần nhuyễn của tài năng, tư tưởng và tâm hồn. Kỹ thuật và chữ nghĩa điêu luyện (cái tài) ở trường hợp này không lấn át mà nhuần nhuyễn với tình cảm chân thành, cảm xúc hoà quyện với suy tưởng, triết lý... tất cả, tạo cho bài thơ có một vẻ đẹp riêng, mang đậm phong cách [Chế Lan Viên](#) và cũng tiêu biểu cho giai đoạn “Ánh sáng” và “Phù sa” của tác giả.

1. **1. Hoàng Cầm** - nhà thơ Kinh Bắc, nổi tiếng tài hoa. Có nhiều **kịch thơ** trước năm 1945: “**Kiều Loan**”; “**Hận Nam Quan**”, “**Lên đường**”. **Một số tập thơ**, tiêu biểu nhất là “**Mưa Thuận Thành**”, “**Về Kinh Bắc**”...

Kháng chiến bùng nổ, **Hoàng Cầm** đi bộ đội, làm công tác văn nghệ trong Quân đội.

2. **Một** đêm tháng 4/1948, tại Việt Bắc, được trực tiếp nghe tin giặc đánh phá quê hương mình, **Hoàng Cầm** xúc động và ngay đêm ấy viết bài thơ “**Bên kia sông Đuống**”, **một** trong những bài thơ hay nhất của ông.

### Chủ đề

Bài thơ thể hiện tình yêu mến, thương nhớ và tự hào đối với quê hương kinh Bắc; căm giận quân xâm lược đang giày xéo quê hương; niềm tin vào **một** ngày mai giải phóng, quê hương trở lại thanh bình.

Những tình cảm đẹp về quê hương và những câu thơ hay đáng nhớ

1. **Hai câu thơ mở đầu với tiếng “em” thân tình.** Không xác định. Có thể là người thương trong nỗi nhớ đồng vọng. Có thể là **một** nhân vật **trữ tình** xuất hiện mơ hồ trong tâm tưởng thi nhân? Cũng có thể là sự phân thân của tác giả? “Em” xuất hiện, gọi nhớ gọi thương, để vỗ về an ủi và chia xẻ nỗi đau buồn, thương nhớ. Cũng là để thi sĩ khơi nguồn cảm xúc đang dào dạt trong lòng. Ý vị đậm đà chất thơ của bài “**Bên kia sông Đuống**” là ở tiếng “em” và 2 câu thơ này:

“E ơi buồn làm chi  
Anh đưa em về sông Đuống”

### 2. Dòng sông tuổi thơ

Với **Hoàng Cầm** thì sông Đuống là dòng sông thơ ấu với bao thương nhớ. Con sông đã gắn bó với tâm hồn nhà thơ. Nhớ không nguôi “cát trắng phẳng lì”, nhớ nao nao lòng “Sông Đuống trôi đi - **Một** dòng lấp lánh”; lấp lánh ánh bình minh, lấp lánh trăng sao soi vào gương sông trong xanh. Nhớ về dáng hình, về thể đứng của nó trong lịch sử: “Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ”. Câu thơ mang hàm nghĩa thể đứng hiên

## §Êt níc-NguyÔn §×nh Thi

### Tác giả

Tên tuổi [Nguyễn Đình Thi](#) gắn liền với những ca khúc như “Diệt phát xít”, “Người Hà Nội”, với tiểu thuyết “Xung kích”, “Vỡ bờ”,... với một số vở [kịch](#), với các tập thơ: “Người chiến sĩ”, “Dòng sông trong xanh”, “Tia nắng”, ... Thành tựu nổi bật nhất của ông là thơ: cảm xúc dồn nén, hàm súc, ngôn ngữ và hình ảnh đầy sáng tạo, tính nhạc phong [phú](#), hấp dẫn...

### Xuất xứ

Bài thơ “[Đất nước](#)” in trong tập thơ “Người chiến sĩ”. [Nguyễn Đình Thi](#) đã sáng tác bài thơ này trong một thời gian dài từ 1948 – 1955. Phần đầu khơi nguồn [cảm hứng](#) từ 2 bài thơ “Sáng mát trong” (1948) và “Đêm mít tinh” (1949).

### [Chủ đề](#)

Bài thơ nói lên lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc; nghĩ về đất nước theo chiều dài lịch sử; tầm cao của giống nòi; quyết chiến đấu và hy sinh để bảo vệ và xây dựng đất nước yêu quý.

### Những vần thơ hay, những tình cảm đẹp

#### 1. Yêu những mùa thu quê hương:

- Mùa thu Hà Nội quá vắng đẹp mà buồn:

“*Những phố dài xao xác hơi may  
Người ra đi đầu không ngoảnh lại  
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy*”.

- Mùa thu chiến khu, đất nước và con người dào dạt một sức sống và niềm vui thiết tha:

*“Gió thổi rừng tre phấp phới.  
Trời thu thay áo mới  
Trong biếc nói cười thiết tha”*

Cả đất trời “mát trong” ngào ngạt “hương cốm mới” mang theo trong làn gió thu nhẹ:

*“Sáng mát trong như sáng năm xưa  
Gió thổi mùa thu hương cốm mới”*

Cái hay của đoạn thơ là giàu cảm xúc hoài niệm hiện về trong hiện tại, “những ngày thu đã xa” sống lại trong “mùa thu này”, tạo nên chất thơ ngọt ngào.

2. **Đất nước** hùng vĩ tráng lệ. Vui sướng tự hào trong tâm thế của người chiến sĩ đang làm chủ đất nước. Diễn đạt trùng điệp khẳng định tạo nên âm điệu hào hùng, đỉnh đạc:

*“Trời xanh đây là của chúng ta  
Núi rừng đây là của chúng ta  
Những cánh đồng thơm mát  
Những ngả đường bát ngát  
Những dòng sông đỏ nặng phù sa”*

Các tính từ - vị ngữ: “Xanh, thơm, mát, bát ngát, đỏ nặng - gợi tả vẻ đẹp vĩnh hằng ngàn đời của núi sông thân yêu.

**3. Một đất nước anh hùng, một dân tộc kiên cường bất khuất. Tổ tiên như truyền thêm sức mạnh Việt Nam cho con cháu ngày nay để ngẩng cao đầu “đi tới và làm nên thắng trận”:**

*“Nước chúng ta  
Nước những người không bao giờ khuất  
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
Những buổi ngày xưa vọng nói về”.*

Phủ định để khẳng định một chân lý lịch sử “Chưa bao giờ khuất”. Chữ dùng rất hay, đem đến nhiều liên tưởng: “rì rầm”, “vọng nói về”.

**4. Xót xa cảm giận quân xâm lược đang giày xéo quê hương đất nước: “Ôi những cánh đồng quê chảy máu – Dây thép gai đâm nát trời chiều”. Thương xót nhân dân lầm than, đau khổ, tủi nhục: “Bát cơm chan đầy nước mắt”; bị áp bức, bị bóc lột dã man:**

“Thằng giặc Tây, thằng chúa đất  
Đứa đè cổ, đứa lột da”.

**5. Đất nước đã quật khởi đứng lên kháng chiến. Cả dân tộc bừng bừng khí thế xung trận. Thế trận nhân dân với những anh hùng áo vải đã và đang đem xương máu gánh vác lịch sử, đang “ôm đất nước”. Giọng thơ mang âm điệu anh hùng ca:**

“Khói nhà máy cuộn trong sương núi  
Kèn gọi quân văng vẳng cánh đồng  
Ôm đất nước những người áo vải  
Đã đứng lên thành những anh hùng”

Trong “nắng đốt” và “mưa dội”, trên những bước đường thấm máu “hy sinh”, nhân dân ta vẫn lạc quan, tin tưởng nghĩ về “trời đất mới”:

“Lòng ta bát ngát ánh bình minh”

Khổ cuối, tác giả sử dụng thơ lục ngôn diễn tả tư thế chiến đấu và chiến thắng lâm liệt, hào hùng của quân và dân ta trong máu lửa. Thế “võ bờ” là thế đứng sức mạnh và đi lên của dân tộc ta:

“Súng nổ rung trời giận dữ  
Người lên như nước vỡ bờ  
Nước Việt Nam từ máu lửa  
Rũ bùn đứng dậy sáng loà”.

## Tề H÷u Vài nét về nhà thơ

- Sinh năm 1920, ông tính tuổi mình: “Liên Xô nở trước đời tôi ba tuổi”.

- Là đứa con của “Huế đẹp và thơ”, như ông viết:

*“Hương Giang ơi, dòng sông êm,  
Qua tim ta, vẫn ngày đêm tự tình”*

*(Bài ca quê hương)*

- 19 tuổi đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản, tiếp tục hoạt động bí mật chống Pháp - Nhật.

- Sau Cách mạng, ông phụ trách công tác Văn nghệ, là cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.

- Tố Hữu là nhà thơ lớn của đất nước ta. Hơn nửa thế kỷ làm thơ, năm 70 tuổi ông viết:

*“Bạc phơ mái tóc, mây đưa mộng  
Thanh bạch hồn thơ, nắng nở hoa”.*

*(“Bảy mươi” – 10/1990)*

## Tác phẩm thơ

1. “Từ ấy”, (1937 – 1946)
2. “Việt Bắc” (1954)
3. “Gió lộng” (1961)
4. “Ra trận” (1972)
5. “Máu và hoa” (1977)
6. “Một tiếng đờn” (1979 – 1992)

### Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu

- Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị thể hiện nồng nhiệt tự hào lý tưởng cách mạng, đời sống cách mạng của nhân dân ta.

- Tố Hữu là nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn. Khuynh hướng sử thi, cái tôi trữ tình – cái tôi chiến sĩ mang tầm vóc hoành tráng, màu sắc lịch sử được diễn tả bằng bút pháp thần thoại hóa, hình tượng thơ kì vĩ, tráng lệ.

- Nét đặc sắc trong thơ Tố Hữu là có giọng điệu riêng. Thơ liền mạch, nhất khí tự nhiên, giọng tâm tình, ngọt ngào tha thiết.

Nghệ thuật thơ Tố Hữu giàu tính dân tộc. Phối hợp tài tình ca dao, dân ca các thể thơ dân tộc và “thơ mới”. Vận dụng biến hoá cách nói, cách cảm, cách so sánh ví von rất gần gũi với tâm hồn người. Phong phú vần điệu, câu thơ mượt mà, dễ thuộc dễ ngâm.

“Việt Bắc”, “Nước non ngàn dặm”, “Theo chân Bác”... là những bài thơ tuyệt bút của Tố Hữu.

Bụi thơ – viết b<sup>3</sup>/4c

**Xuất xứ**

Sau chiến thắng Điện Biên, hiệp định Geneve được ký kết, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Hồ Chủ tịch và Chính phủ kháng chiến trở về thủ đô Hà Nội tháng 10/1945. Nhân dịp này [Tố Hữu](#) viết bài thơ “[Việt Bắc](#)”.

### **Một vài điều cần biết qua**

1. [Việt Bắc](#) là vùng địa lý - chiến khu bao gồm 6 tỉnh, được gọi tắt là: Cao-Bắc-Lạng-Thái-Tuyên-Hà. Trong 9 năm kháng chiến, [Việt Bắc](#) là chiến khu, là thủ đô của Chính phủ kháng chiến và Hồ Chủ tịch.

2. Bài thơ được viết theo thể thơ lục bát gồm 150 dòng thơ (câu thơ). Cấu trúc theo hình thức đối đáp của lối hát giao duyên trong dân ca giữa “mình” với “ta”. (Sách Văn 12 chỉ trích học 88 dòng thơ)

### **Những ý lớn của bài thơ**

- Những kỷ niệm ân tình sâu nặng [một](#) thời gian khổ
- Nhớ con người [Việt Bắc](#)
- Nhớ cảnh [Việt Bắc](#) trong 4 mùa
- Nhớ chiến khu [Việt Bắc](#) oai hùng
- Trông về [Việt Bắc](#) mà nuôi chí bền.

### **Những tình cảm đẹp, những vần thơ hay**

1. Hai mươi câu đầu là lời nhắn gửi, những câu hỏi của “ta” (người ở lại) nhắn gửi hỏi “mình” (người về). Cảnh tiễn đưa, cảnh phân ly ngập ngừng, lưu luyến băng khuâng: “Tiếng ai tha thiết bên cồn... áo chàm đưa buổi phân li...” Có 8 câu hỏi liên tiếp (đặt ở câu 6): “Có nhớ ta... có nhớ không... có nhớ những ngày... có nhớ những nhà... có nhớ núi non... mình có nhớ mình...” Sự láy đi láy lại diễn tả nỗi niềm day dứt khôn nguôi của người ở lại. Bao kỷ niệm sâu nặng [một](#) thời gian khổ như vương vấn hồn người:

(...) Mình đi có nhớ, những ngày  
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

*Mình về có nhớ chiến khu  
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai  
Mình đi có nhớ những nhà  
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son...*

Các câu 8 hầu như ngắt thành 2 vế tiểu đối 4/4, ngôn ngữ thơ cân xứng, hài hòa, âm điệu thơ êm ái, nhịp nhàng, nhạc điệu ngân nga thấm sâu vào tâm hồn người, gợi ra **một** trường thương nhớ, lưu luyến mênh mông.

“Mình” và “ta” trong ca dao, dân ca là lứa đôi giao duyên tình tự. “Mình”, “ta” đi vào thơ **Tố Hữu** đã tạo nên âm điệu **trữ tình** đậm đà màu sắc dân ca, nhưng đã mang **một** ý nghĩa mới trong quan hệ: người cán bộ kháng chiến với đồng bào **Việt Bắc**; tình quân dân, tình kẻ ở người về.

**2. Sáu mươi tám câu tiếp theo là người về trả lời kẻ ở lại.** Có thể nói đó là khúc tâm tình của người cán bộ kháng chiến, của người về. Bao trùm nổi nhớ ấy là “như nhớ người yêu” trong mọi thời gian và tràn ngập cả không gian:

- Nhớ cảnh **Việt Bắc**, cảnh nào cũng đầy ắp kỷ niệm:

*“Nhớ từng bản khói cùng sương,  
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về  
Nhớ từng rừng nứa bờ tre,  
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy”*

- Nhớ con người **Việt Bắc** giàu tình nghĩa cần cù gian khổ:

*“... Nhớ bà mẹ nắng cháy lưng  
... Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang  
... Nhớ cô em gái hái măng **một** mình  
... Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”*

Điều đáng nhớ nhất là nhớ người ở lại rất giàu tình nghĩa, “đậm đà lòng son”:

*“Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”*

Nhớ cảnh 4 mùa chiến khu. Nổi nhớ gắn liền với tình yêu thiên nhiên, tình

yêu sông núi, đầy lạc quan và tự hào. Nhớ cảnh nhớ người, “ta nhớ những hoa cùng người”. Nhớ mùa đông “Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi”. Nhớ “Ngày xuân mơ nở trắng rừng”. Nhớ mùa hè “Ve kêu rừng phách đổ vàng”. Nhớ cảnh “Rừng thu trăng rọi hòa bình”. Nỗi nhớ triền miên, kéo dài theo năm tháng.

- Nhớ chiến khu oai hùng:

“Núi giăng thành lũy sắt dày,  
Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”

- Nhớ con đường chiến dịch:

“Những đường [Việt Bắc](#) của ta,  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung.  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cũng mũ nan.  
Dân công đổ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay...”

Âm điệu thơ hùng tráng thể hiện sức mạnh chiến đấu và chiến thắng của quân và dân ta. Từ núi rừng chiến khu đến bộ đội, dân công, tất cả đều mang theo [một](#) sức mạnh nhân nghĩa Việt Nam thần kỳ quyết thắng.

- Nỗi nhớ gắn liền với niềm tin

“... (Nhớ) ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang  
... Nhìn lên [Việt Bắc](#): Cụ Hồ sáng soi  
... Trông về [Việt Bắc](#) mà nuôi chí bền”

- Nhớ [Việt Bắc](#) là nhớ về cội nguồn, nhớ [một](#) chặng đường lịch sử và cách mạng:

“Mười lăm năm ấy ai quên  
Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa”

# Chỗ lan viên

## Tác giả

Phan Ngọc Hoan, bút danh [Chế Lan Viên](#) (1820 – 1989).

Tác phẩm: “Điêu tàn” (1937), “Ánh sáng và phù sa” (1960), “Hoa ngày thường – chim báo bão” (1967), “Những bài thơ đánh giặc” (1972),... : “Hoa trên đá...” (1984)...

Thơ [Chế Lan Viên](#) giàu chất suy tưởng và vẻ đẹp trí tuệ, sử dụng thủ pháp nghệ thuật tương phản đối lập, sáng tạo ra những hình ảnh đẹp mới lạ và ngôn ngữ sắc sảo.

### Xuất xứ và ý tưởng chính của bài thơ

1. Bài thơ “[Tiếng hát con tàu](#)” rút từ tập thơ “Ánh sáng và phù sa” xuất bản năm 1960.

2. Bài thơ thể hiện sự gắn bó với đất nước và nhân dân trong kháng chiến cũng như trong kiến thiết hoà bình là để đền ơn đáp nghĩa, để trở về cội nguồn hạnh phúc cũng là tìm thấy nguồn vui trong lao động sáng tạo nghệ thuật.

### Những vần thơ đẹp và hay

#### 1. Khổ thơ đề từ

“Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc,  
 Khi lòng ta đã hóa những con tàu  
 Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát  
 Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu?”

Tây Bắc trong bài thơ là biểu tượng cho mọi miền đất nước thân yêu, là “nơi máu rỉ, tâm hồn ta thấm đất” trong kháng chiến, cũng là nơi “tình em đang mong, tình mẹ đang chờ”, là mảnh đất xanh màu hy vọng “nay dạt dào đã chín trái đầu xuân”. Và con tàu, chính là lòng ta, tâm hồn ta mang sức mạnh và niềm vui khát vọng lên đường khi “Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát”.

Lên đường đến với mọi miền đất nước, để “ta lấy lại vàng ta”, tìm thấy tâm hồn đích thực của mình, cũng là để khơi nguồn [cảm hứng](#) sáng tạo thi ca.

## 2. Trở lại Tây Bắc

- Là mảnh đất anh hùng:

*“Trên Tây Bắc! ôi mười năm Tây Bắc  
Xứ thiêng liêng, rừng núi đã anh hùng.  
Nơi máu rỏ tâm hồn ta thấm đất  
Nay dạt dào đã chín trái đầu xuân”*

- Trở lại Tây Bắc là trở về cội nguồn tình thương, như cỏ non, như chim én đón xuân về, như trẻ thơ đói lòng gặp sữa mẹ,...

- Trở lại Tây Bắc là để đền ơn đáp nghĩa đối với những tấm lòng nhân hậu thủy chung: là em giao liên giữa rừng sâu “mười năm tròn chưa mất một phong thư”; là anh du kích với “chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn... đêm cuối cùng anh cởi lại cho con”. Là bà mẹ Tây Bắc “năm con đau mẹ thức một mùa dài – Con với mẹ không phải hờn máu cắt – Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi”. Là cô gái Tây Bắc “vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng... Bữa xôi đầu còn tỏa nhớ mùi hương”.

- Trở lại Tây Bắc là để đo lòng mình, khám phá chiều sâu tâm hồn mình về tình yêu nước, thương dân, về ân nghĩa thủy chung ở đời:

*“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở,  
Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn”*

Vần thơ giàu chất triết lý, kết tinh những trải nghiệm ứng xử, sự chất lọc tình đời, tình người qua mỗi trái tim, mỗi tâm hồn trong sáng.

## 3. Khúc hát lên đường:

- Nhịp điệu dồn dập, âm điệu rộn ràng, phấn chấn say mê:

*“Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội  
Mắt ta thèm mái ngói đỏ thăm ga  
... Rẽ người mà đi, vịn tay mà đến*

*Mặt đất nòng nhựa nóng của cần lao”*

- Mang ước vọng tìm thấy nguồn thơ, tìm thấy cái tâm đích thực của lòng ta:

*“Tây Bắc ơi, người mẹ của hồn thơ  
Mười năm chiến tranh, vàng ta đau trong lửa,  
Nay trở về ta lấy lại vàng ta”*

- Nếu khi chưa lên đường “Tàu đói những vành trăng” thì nay, con tàu đã ôm bao “mộng tưởng” và kỳ diệu thay “mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng?” Có hạnh phúc nào, niềm vui nào bát ngát hơn “Khi lòng ta đã hóa những con tàu”, khi:

*“Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống  
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân”*

“Mặt hồng em” là một [hình tượng](#) đẹp thể hiện cuộc sống muôn màu muôn vẻ, là hiện thực phong phú của đất nước ta, của nhân dân ta; với người nghệ sĩ, đó là những sáng tạo thi ca đích thực.

#### **4. Kết luận**

[Chế Lan Viên](#) đã có một lối nói rất thơ, rất tài hoa. Cấu trúc bài thơ, sáng tạo hình ảnh, chất cảm xúc hòa quyện với chất trí tuệ tạo nên những vần thơ hay, mới lạ, độc đáo.

Bài học về tình yêu nước, sự gắn bó với đất nước và nhân dân là những bài học sâu sắc, cảm động. Khát vọng được trở về trong lòng nhân dân, để tự khẳng định mình, làm cho tâm hồn thêm trong sáng, để khơi nguồn [cảm hứng](#) sáng tạo nghệ thuật là những ý tưởng rất đẹp được [Chế Lan Viên](#) thể hiện bằng trải nghiệm, bằng thái độ sống và sáng tạo của chính mình. Nửa thế kỷ trôi qua, bài thơ “[Tiếng hát con tàu](#)” đã cho thấy cái đẹp của thơ ca bất tử với thời gian.

-

## Sãng-Xu@n Quúnh

### Tác giả

[Xuân Quỳnh](#) (1942-1988). Nhà thơ nữ hiện đại, viết rất hay, rất nồng nàn về thơ tình. Những bài thơ hay nhất của chị: “Mùa hoa doi”, “Bao giờ ngâu nở hoa”, “Hoa cúc”, “[Sóng](#)”, “Thuyền và biển”, v.v... Tác phẩm “Chồi biếc” (1963), “Hoa dọc chiến hào” (1968), “Gió Lào cát trắng” (1974), “Lời ru trên mặt đất” (1978), “Sân ga chiều em đi” (1984), “Hoa cỏ may” (1989).

### Xuất xứ

Bài thơ “[Sóng](#)” được [Xuân Quỳnh](#) viết vào ngày 29/12/1967, lúc nhà thơ 25 tuổi. Bài thơ rút trong tập “Hoa dọc chiến hào” tập thơ thứ 2 của chị.

### Chủ đề

Tình yêu là [sóng](#) lòng, là khát vọng, là niềm mong ước được yêu, được sống hạnh [phúc](#) trong một mối tình trọn vẹn của lứa đôi.

### Những điều cần biết, cần nhớ

#### 1. Hình tượng “[Sóng](#)”

Ca dao có Thuyền nhớ bến, bến đợi thuyền. Một tình yêu đậm thắm, thiết tha. [Xuân Diệu](#) có bài thơ nổi tiếng, trong đó [Sóng](#) là hình ảnh người con trai đa tình “Anh xin làm [sóng](#) biếc – Hôn mãi cát vàng em – Hôn thật khế, thật êm – Hôn êm đềm mãi mãi – Đã hôn rồi, hôn lại – Cho đến mãi muôn đời - Đến tan cả đất trời – Anh mới thôi dào dạt...”

Trong bài thơ tình của [Xuân Quỳnh](#), [Sóng](#) là hình ảnh thiếu nữ đang sống trong một tình yêu nồng nàn. [Sóng](#) lúc thì “dữ dội và dịu êm”, có khi lại “Ồn ào và lặng lẽ”. Hành trình của [sóng](#) là từ sông “[Sóng](#) tìm ra tận bể”. [Sóng](#) bể muôn trùng, tình yêu vô hạn. [Sóng](#) nhớ bờ còn em thì “nhớ đến anh - cả trong mơ còn thức”. [Sóng](#) “con nào chẳng tới bờ...” cũng như tình yêu sẽ cập bến hạnh [phúc](#). Và [sóng](#) sẽ tan ra trên đại dương, vô tận đến ngàn năm, muôn đời. Cũng như tình yêu đẹp sống mãi trong lòng người và cuộc đời, đó là “biển lớn tình yêu”. [Xuân Quỳnh](#) lấy hình tượng [Sóng](#) để thể hiện một tình

yêu sôi nổi chân thành và dạt dào khát vọng.

## 2. Tâm tình thiếu nữ

- Với thiếu nữ, tình yêu là khát vọng:

“Nổi khát vọng tình yêu  
Bồi hồi trong ngực trẻ”

- Mỗi tình đầu chợt đến. Hạnh phúc đã cầm tay, thiếu nữ vẫn ít nhiều bối rối, tự hỏi lòng. Trong trắng và ngây thơ. Sự kỳ diệu của những mối tình đầu, xưa và nay vẫn là một điều bí ẩn đối với lứa đôi:

“*Sóng bắt đầu từ gió  
Gió bắt đầu từ đâu?  
Em cũng không biết nữa  
Khi nào ta yêu nhau*”...

- Yêu lắm nên nhớ nhiều. “Nhớ ai bồi hồi bồi hồi...” (Ca dao). “Nhớ gì như nhớ người yêu” (Tố Hữu). Với Xuân Quỳnh thì nỗi nhớ anh của em là triền miên, và cũng tha thiết, lớp lớp tầng tầng, mãnh liệt, nồng nàn không bao giờ nguôi:

“Con sóng dưới lòng sâu  
Con sóng trên mặt nước  
Ôi con sóng nhớ bờ  
Ngày đêm không ngủ được.  
Lòng em nhớ đến anh  
Cả trong mơ còn thức”

“Thiếu nữ khát khao trong tình yêu, thủy chung trong tình yêu. Tâm tình trọn vẹn và hồn hậu dành tất cả cho người yêu: “Nơi nào em cũng nghĩ - Hướng về anh - một phương”

- Cũng như sóng ngoài đại dương “Con nào chẳng tới bờ - Dù muôn vời cách trở”, thiếu nữ sẵn sàng vượt qua mọi thử thách để đi tới một tình yêu hạnh phúc trọn vẹn “Như biển kia dẫu rộng – Mây vẫn bay về xa”.

- Tình yêu lứa đôi thật sự hạnh phúc khi tình yêu ấy hòa nhịp trong “biển lớn tình yêu” của cộng đồng:

“Làm sao được tan ra  
 Thành trăm con [sóng](#) nhỏ  
 Giữa biển lớn tình yêu  
 Để ngàn năm còn vỗ”

### 3. Kết luận

Bài thơ “[Sóng](#)” là một bài thơ tình rất hay và mới. Hay ở nhạc điệu bồi hồi, thiết tha, say đắm. Hay ở hình ảnh kép: [Sóng](#) nhớ bờ, em nhớ anh, em yêu anh. Nói tình yêu là khát vọng của tuổi trẻ, đó là một điểm mới. Thiếu nữ bày tỏ tình yêu, thể hiện một ước mong chân thành đi tới một tình yêu đậm thắm, thủy chung, đó cũng là điểm mới. Tình yêu của lứa đôi không bé nhỏ và ích kỷ, tình yêu của lứa đôi như con [sóng](#) nhỏ được “tan ra” - giữa “biển lớn tình yêu” của đồng loại; đó cũng là một điểm mới nữa.

**Đọc và nhớ thêm đôi vần thơ nữa của [Xuân Quỳnh](#)**

#### BAO GIỜ NGÂU NỞ HOA

... Vượt qua tháng qua năm  
 Vượt qua đời qua tuổi  
 Bỗng gặp một mùi hương  
 Như lời yêu thầm gọi  
 Như ánh mắt bao dung  
 Trong cơn khát cháy lòng  
 Bỗng tìm ra nguồn nước...  
 Mùi hương không hẹn trước  
 Tình yêu đến bất ngờ  
 Em đâu biết bao giờ  
 Mùa hoa ngâu ấy nở...

#### THUYỀN VÀ BIỂN

Chỉ có thuyền mới hiểu  
 Biển mênh mang nhường nào  
 Chỉ có biển mới biết  
 Thuyền đi đâu, về đâu...

## HOA CÚC

Có thay đổi gì không cái màu hoa ấy  
 Mùa hạ qua rồi lại đến mùa thu  
 Thời gian đi mầu hoa cũ về đâu  
 Nay trở lại vẫn còn mới mẻ  
 Bao mùa thu hoa vẫn vàng như thế  
 Chỉ em là đã khác với em xưa  
 Nắng nhạt vàng, ngày đã quá trưa  
 Nào đâu những biển chờ nơi cuối đất  
 Bao ngày tháng đi về trên mái tóc  
 Chỉ em là đã khác với em thôi  
 Nhưng màu hoa đâu dễ quên người  
 Thành phố ngợp ngày nào nhiều gió dậy  
 Gương mặt ấy lời yêu thuở ấy  
 Mầu hoa vàng vẫn cháy ở trong em.

SÊt níc-Nguyôn khoa @iòm

Tác giả

[Nguyễn Khoa Điềm](#) sinh 1943. Nhà thơ xứ Huế. Tốt nghiệp Đại học Văn Sư phạm Hà Nội. Thời chống Mỹ sống và chiến đấu tại chiến trường Trị-Thiên. Nay là Bộ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin.

- Tác phẩm thơ: “Đất ngoại ô”, “Mặt đường khát vọng”,...

- Thơ của [Nguyễn Khoa Điềm](#) đậm đà, bình dị, hồn nhiên, giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén, thể hiện tâm tư của người thanh niên trí thức tham gia tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Tác giả

[Nguyễn Khoa Điềm](#) sinh 1943. Nhà thơ xứ Huế. Tốt nghiệp Đại học Văn Sư phạm Hà Nội. Thời chống Mĩ sống và chiến đấu tại chiến trường Trị-Thiên. Nay là Bộ trưởng Bộ Văn hoá – Thông tin.

- Tác phẩm thơ: “Đất ngoại ô”, “Mặt đường khát vọng”,...

- Thơ của [Nguyễn Khoa Điềm](#) đậm đà, bình dị, hồn nhiên, giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén, thể hiện tâm tư của người thanh niên trí thức tham gia tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

## Chủ đề

Bài thơ của [Nguyễn Khoa Điềm](#) nói về cội nguồn đất nước theo chiều dài lịch sử đặng đặng và không gian địa lý mênh mông. [Hình tượng](#) Núi Sông gắn liền với tâm hồn và chí khí của Nhân dân, những con người làm ra [Đất nước](#). [Đất nước](#) trường tồn hứa hẹn một ngày mai đẹp tươi và hát ca.

Những đoạn thơ hay, những ý tưởng đẹp

### 1. [Đất nước](#) - cội nguồn dân tộc

[Đất nước](#) có đã lâu rồi từ những “ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể”. [Đất nước](#) gắn liền với mĩ tục thuần phong, với [cổ tích](#) truyền thuyết “[Đất nước](#) bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn - [Đất nước](#) lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc – Tóc mẹ thì bới sau đầu – Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn”.

- [Đất nước](#) gắn bó với những cái bình dị thân thuộc quanh ta:

“Cái kèo, cái cột thành tên  
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng”

[Đất nước](#) là “nơi ta hò hẹn”, là “nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”, là “nơi anh đến trường” là “nơi em tắm”...

- [Đất nước](#) gắn liền với dân ca “con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc..., con cá ngư ông móng nước biển khơi”, gắn liền với huyền thoại “Trăm trứng” thiêng liêng:

“Đất là nơi Chim về  
Nước là nơi Rồng ở  
Lạc Long Quân và Âu Cơ  
Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng”

- [Đất nước](#) trường tồn theo thời gian đặng đặng, trải rộng trên một “không gian mênh mông”. Yêu thương biết bao, bởi lẽ “[Đất nước](#) là nơi dân mình đoàn tụ”, là quê hương xứ sở ngàn đời:

“Hằng năm ăn đâu làm đâu  
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ”

- [Đất nước](#) lâu đời “ngày xưa ngày xưa”, [Đất nước](#) hôm nay, và [Đất nước](#) mai sau. Một niềm tin cao cả thiêng liêng:

“Mai này con ta lớn lên  
Con sẽ mang [Đất nước](#) đi xa  
Đến những tháng ngày mơ mộng”

[Đất nước](#) là của mọi người, trong đó có một phần của “anh và em hôm nay”. [Đất nước](#) mỗi ngày một tốt đẹp vững bền, trở nên “vẹn tròn to lớn”. [Đất nước](#) hình thành và trường tồn bằng máu xương của mỗi chúng ta. Tình yêu nước là sự “gắn bó và san sẻ”. Đây là một trong những đoạn thơ tâm tình sâu lắng, hay nhất trong bài thơ nói về tình yêu đất nước:

“Em ơi [Đất nước](#) là máu xương của mình  
Phải biết gắn bó và san sẻ.  
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở  
Làm nên đất nước muôn đời”

Tóm lại, 42 câu thơ trong phần I nói về nguồn gốc của [Đất nước](#) và sự gắn bó, san sẻ đối với [Đất nước](#). Ý tưởng sâu sắc ấy được diễn tả bằng một thứ ngôn ngữ đậm đà màu sắc dân gian, một giọng điệu thủ thỉ tâm tình vô cùng thấm thía, xúc động. Chất [trữ tình](#) hòa quyện với tính chính luận.

## 2. Đất nước của Nhân dân - Đất nước của ca dao thần thoại

Đất nước hùng vĩ. Giang sơn gấm vóc. Ý tưởng ấy, niềm tự hào ấy đã được nhiều thi sĩ bao đời nay nói đến thật hay, thật xúc động. Nguyễn Khoa Điềm nói về ý tưởng ấy niềm tự hào ấy rất thơ và rất độc đáo. Tượng hình, sông núi gắn liền với những đức tính quý báu, những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam. Là sự thủy chung trong tình yêu. Là truyền thống anh hùng bất khuất, là tinh thần đoàn kết, nghĩa tình. Là khát vọng bay bổng, là tinh thần hiếu học. Là đức tính cần mẫn sum vầy, là chí khí tự lập tự cường. Mỗi tên núi tên sông trở nên gần gũi trong tâm hồn ta:

“Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất nước những núi Vọng  
Phu

Cặp vợ chồng yêu nhau góp nên hòn Trống Mái  
Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại  
Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương  
Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm  
Người học trò nghèo góp cho Đất nước mình núi Bút non Nghiên  
Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh  
Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà  
Điểm...”

Tính phẩm mỹ, tính hình tượng và tính riêng phong cách được hội tụ qua đoạn thơ này, tạo nên giá trị nhân văn đích thực, làm cho người đọc vô cùng thú vị khi cảm nhận và khám phá.

Tên núi, tên sông, tên ruộng đồng, gò bãi... mang theo “ao ước”, thể hiện “lối sống ông cha” là tâm hồn dân tộc:

“Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi  
Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha  
Ôi Đất nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy  
Những cuộc đời đã hóa núi sông ta”.

Mồ hôi và máu của Nhân dân, của những anh hùng vô danh đã dựng xây và bảo vệ Đất nước:

“Năm tháng nào cũng người người lớp lớp  
Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta

*Cần cù làm lụng  
 Khi có giặc người con trai ra trận  
 Người con gái trở về nuôi cái cùng con  
 Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh  
 Nhiều người đã trở thành anh hùng”*

Chính nhân dân đã “giữ và truyền” hạt lúa, đã “truyền lửa”, “truyền giọng điệu”, “gánh tên làng tên xã”..., “đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái”. Chính Nhân dân đã làm nên [Đất nước](#), để [Đất nước](#) là của Nhân dân. Văn thơ hàm chứa ý tưởng đẹp, một lối diễn đạt ý vị ngọt ngào:

*“Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm  
 Có nội thù thì vùng lên đánh bại  
 Để [Đất nước](#) này là [Đất nước](#) Nhân dân  
[Đất nước](#) của Nhân dân, [Đất nước](#) của ca dao thần thoại”*

- [Đất nước](#) mang sức sống mãnh liệt, tiềm tàng vì Nhân dân đã biết yêu và biết ghét, bền chí và dẻo dai, biết “quý công cầm vàng”, “biết trồng tre đợi ngày thành gậy”, biết trả thù cho nước, rửa hận cho giống nòi mà “không sợ dài lâu”.

- Hình ảnh người chèo đò, kéo thuyền vượt thác cất cao tiếng hát là một biểu tượng nói lên sức mạnh Nhân dân chiến thắng mọi thử thách, lạc quan tin tưởng đưa [Đất nước](#) đi tới một ngày mai vô cùng tươi sáng:

*“Ôi những dòng sông bắt nước từ đâu  
 Mà khi về [Đất nước](#) mình thì bắt lên câu hát  
 Người đến hát khi chèo đò, kéo thuyền vượt thác  
 Gội trăm màu trên trăm dáng sông xuôi”*

## **Kết luận**

Giọng thơ tâm tình tha thiết. Vận dụng tục ngữ ca dao, dân ca, [cổ tích](#), truyền thuyết... một cách hồn nhiên thú vị. Có một số đoạn thơ rất đặc sắc: ý tưởng đẹp, cảm xúc và [hình tượng](#) hài hòa, hội tụ nên những văn thơ mỹ lệ. Tư tưởng đất nước của Nhân dân được thể hiện vô cùng sâu sắc với tất cả niềm tự hào và tình yêu nước. Một đôi chỗ còn dàn trải, thiếu hàm súc. [Nguyễn Khoa Điềm](#) đã góp cho đề tài [Đất nước](#) một bài thơ hay, ý vị đậm đà.

## VO CHONG APHU -TO HOAI

### Tác giả

Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen, người Hà Nội, sinh năm 1920. Là một nhà văn có nguồn sáng tạo to lớn. Có trên 100 tác phẩm. Trước cách mạng, nổi tiếng với truyện “Dế mèn phiêu lưu ký”. Sau năm 1945, có “Truyện Tây Bắc”, “Mười năm”, “Miền Tây”, “Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ”, “Tự truyện”, v.v...

Sáng tác của Tô Hoài thể hiện vốn hiểu biết phong phú về đời sống và phong tục, chất tạo hình và chất thơ qua miêu tả và kể chuyện đầy thú vị. Là một nhà văn viết truyện về miền núi rất thành công.

### Xuất xứ

Tập “Truyện Tây Bắc” được Tô Hoài viết năm 1952. Gồm có 3 truyện: “Vợ chồng A Phủ”, “Chuyện Mường Giơn”, “Cứu đất cứu Mường”, Năm 1952, theo bộ đội vào giải phóng Tây Bắc, một chuyến đi dài 8 tháng, Tô Hoài đã mang về xuôi bao kỷ niệm sâu sắc về người và cảnh Tây Bắc. “Truyện Tây Bắc” đã được tặng giải Nhất, Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1945-1955. Truyện “Vợ chồng A Phủ” là truyện hay nhất trong tập truyện này.

### Tóm tắt

Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ Mị, không đủ tiền cưới phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mẹ Mị đã chết, bố Mị đã già mà món nợ mỗi năm phải trả lãi một nương ngô vẫn còn. Năm đó, ở Hồng Ngài tết đến, A Sử con trai thống lí Pá Tra lừa bắt cóc được Mị về làm vợ cúng trình ma. Mị trở thành con dâu gạt nợ. Khổ hơn con trâu con ngựa, lười lười như con rùa trong xó cửa. Mị toan ăn lá ngón tự tử. Thương cha già, Mị chết không đành. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Một cái tết nữa lại đến. Mị thấy lòng

phơi phới. Cô uống rượu ực từng bát, rồi chuẩn bị lấy váy áo đi chơi. A Sử đã trói đứng Mị bằng **một** thúng sọt đay.

A Phủ vì tội đánh con quan nên bị làng phạt vạ **một** trăm bạc trắng. A Phủ trở thành người ở nợ cho Pá Tra. **Một** năm rừng động, A Phủ để hổ bắt mất **một** con bò. Pá Tra đã trói đứng anh vào **một** cái cọc bằng **một** cuộn mây. Mấy ngày đêm trôi qua, A Phủ sắp chết đau, chết đói, chết rét thì được Mị cắt dây trói cứu thoát. Hai người trốn đến Phiềng Sa nên vợ nên chồng. A Phủ gặp cán bộ A Châu kết nghĩa làm anh em được giác ngộ trở thành chiến sĩ du kích đánh Pháp.

## **Chủ đề**

Sự thống khổ của người Mèo ở Tây Bắc dưới ách thống trị dã man của bọn chúa đất và lũ Tây đồn. Sự vùng dậy của họ để giành lấy tự do, hạnh **phúc** và tham gia kháng chiến, giải phóng quê hương.

Nội dung

### **1. Giá trị hiện thực**

- Bọn chúa đất, bọn thống lí cấu kết với giặc Pháp, được bọn Tây đồn cho muối về bán, ăn của dân nhiều, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc nhiều **thuốc** phiện nhất làng.

- Pá Tra cho vay nợ lãi, Mị trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí. Tuổi xuân và hạnh **phúc** bị cướp mất. Mị sống khổ hơn con trâu, con ngựa.

- A Phủ vì tội đánh con quan mà bị làng xử kiện, bị đánh, bị phạt vạ, trở thành kẻ ở nợ cho Pá Tra.

- Cảnh Mị bị A Sử trói đứng. Cảnh A Phủ bị trói cho đến chết vì tội để hổ bắt mất bò.

- Cảnh bọn Tây đồn Bản Pe càn quét khu du kích Phiềng Sa: cướp lợn, giết người, đốt phá vô cùng tàn bạo.

### **2. Giá trị nhân đạo**

Nỗi đau khổ của Mị và sự vùng dậy của Mị toan ăn lá ngón tự tử..., uống rượu, mặc váy áo đi chơi xuân, cắt dây trói cứu A Phủ, cùng chạy trốn.

- Nỗi khổ đau của A Phủ: sống cô độc, bị đánh, bị phạt vạ... vì tội đánh con quan. Bị trói cho đến chết vì tội để hổ bắt mất bò.

- Được Mị cứu thoát. Cùng chạy trốn đến Phiêng Sa. Mị và A Phủ nên vợ nên chồng. Vừa giành được tự do, vừa tìm được hạnh phúc

- A Phủ kết nghĩa anh em với A Châu cán bộ. Trở thành chiến sĩ du kích quyết tâm đánh giặc để giải phóng bản Mèo...

- Mị và A Phủ: từ đau khổ, thân phận nô lệ, bị chà đạp dã man đã vùng dậy tự cứu giành được tự do, hạnh phúc; được giác ngộ cách mạng, đứng lên cầm súng chống lại bọn cướp nước và lũ tay sai.

- Những đêm tình mùa xuân của trai gái Mèo được nói đến như một phong tục chứa chan tinh thần nhân đạo, giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

## Nghệ thuật

**1. Tả cảnh mùa xuân trên rẻo cao:** hoa thuốc phiện vừa nở trắng lại đổi ra màu đỏ au, đỏ thắm, rồi sang màu tím man mát. Chiếc váy Mèo như con bướm sặc sỡ. Tiếng sáo, tiếng hát tự tình của trai gái Mèo - đầy chất thơ dung dị và hồn nhiên.

**2. Kể chuyện với bao chi tiết hiện thực, bao tình tiết cảm động.** Dựng người, dựng cảnh sống động: cảnh xử kiện, cảnh Mị cắt dây trói, cảnh ăn thề...

**3. Sử dụng các câu dân ca Mèo... tạo nên phong vị miền núi đậm đà:**  
“Anh ném pao, em không bắt-Em không yêu, quả pao rơi rồi...”

Tóm lại, truyện “Vợ chồng A Phủ” khẳng định một bước tiến mới của Tô Hoài, là thành tựu xuất sắc của văn xuôi kháng chiến thời chống Pháp. Câu văn xuôi trong sáng, thanh thoát, nhuần nhị.

## VO NHAT -KIM LAN

### Tác giả

Kim Lan, tên thật là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920. Quê quán: Phù Lưu, Từ Sơn, Hà Bắc. Sở trường về truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông là xóm làng quê với người dân cày Việt Nam. Viết rất hay về những thú chơi dân dã đồng quê như chơi gà, thả diều, nuôi bồ câu, chơi núi non bộ,... mà ông gọi là thú “phong lưu đồng ruộng”.

Tác phẩm, 2 tập truyện ngắn: “Nên vợ nên chồng” (1955) và “Con chó xấu xí” (1962).

### Xuất xứ

“Vợ nhất” có tiền thân là truyện “Xóm ngụ cư” - viết ngay sau Cách mạng tháng Tám. Bản thảo chưa in, 1954 viết lại.

### Chủ đề

Qua câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ, tác giả nói lên niềm cảm thông và trân trọng hạnh phúc muộn màng và niềm hy vọng về một sự đổi đời của người nông dân năm đói Ất Dậu.

### Tóm tắt

Cụ Tràng ở xóm ngụ cư, làm nghề kéo xe bò chở thuê. Đã nhiều tuổi, thô kệch, có tính vừa đi vừa nói lảm nhảm như kẻ dở hơi. Bà cụ Tứ mẹ hắn nghèo khổ. Hai mẹ con ở trong một mái nhà tranh vắng teo, rúm ró. Trận đói kinh khủng đang diễn ra, người chết đói như ngã rạ. Một lần kéo xe thóc Liên đoàn lên tỉnh, hắn hò một câu vượt dốc rất tình. Một cô gái ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng, liếc mắt cười tít. Lần thứ hai, Tráng gặp lại thị, trông khác hẳn, thị gầy sọp hẳn đi, áo quần tả tơi như tổ đĩa. Một vài câu trách móc, mời chào, thị ăn một chập 4 bát bánh đúc do Tráng đãi. Mua một cái thúng và 2 hào dầu, Tráng dẫn thị về nhà ra mắt mẹ. Xóm ngụ cư ngạc nhiên

khi thấy **một** người đàn bà xa lạ đi theo Tráng họ bàn tán, có phần lo ngại. Trong nhá nhem tối, **bà cụ Tứ** gặp và nói chuyện với nàng dâu mới. Lần đầu nhà Tráng có dầu thắp đèn... Tiếng ai hờ khóc người chết đói ngoài xóm lọt vào. Sáng hôm sau, bà mẹ chồng và nàng dâu mới quét dọn trong nhà ngoài sân. Bữa cơm – cháo cám – đón nàng dâu mới. **Bà cụ Tứ** vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu, nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng sau này. Lại **một** buổi sáng. Tiếng trống thúc thuế dồn dập. Quạ đen bay vù như mây đen. Thị nói về chuyện Việt Minh phá kho thóc Nhật. Tráng nhớ lại lá cờ đỏ bay phấp phới hôm nào...

## Người và cảnh được nói đến trong truyện

### 1. Cảnh

Xóm ngụ cư **một** buổi chiều tàn và **một** buổi sáng.

Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Gió từ đồng thổi vào ngán ngắt. Dãy phố úp súp, tối om, không **một** ánh đèn. Dưới gốc đa, gốc gạo, bóng những người đói đi lại dật dờ, lặng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ kêu từng hồi thê thiết. Mùi đống rấm khép lệt tử khí. Tiếng hờ khóc tí tê của ai có người thân mới chết đói...

Cái đói đã tràn đến xóm ngụ cư. Khắp các lều chợ, người đói xanh xám như những bóng ma nằm ngổn ngang. Sáng nào cũng có ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Mùi ảm thối của rác, mùi gậy xác chết vẫn lên.

Buổi sáng sau ngày Tráng có vợ, tiếng trống thúc thuế dồn dập. Quạ lượn vòng trên nền trời như đám mây đen. Đó là những nét vẽ rất điển hình làm hiện lên cảnh chết đói vô cùng thê thảm của xóm thôn Việt Nam cuối năm 1944, đầu năm 1945.

### 2. Nhân vật

a- *Tràng*: đã lớn tuổi, nhà nghèo, thô kệch, dân ngụ cư, kéo xe bò thuê. Chỉ **một** câu hò ồm ờ, 4 bát bánh đúc, 2 hào dầu, mua **một** cái thúng mà nhạt được vợ. Tràng vỗ vào túi tiền, nói **một** câu bồi: “Rích bố cu!” Thổ lộ với thị: “làm đêch gì có vợ?”. Khoe hai hào dầu mới. Vươn cổ thổi tắt ngọn đèn. Cười khi khi... Đó là những nét vẽ hóm hỉnh về anh cu Tràng. Khi nhạt được vợ, Tràng rất lo trước nạn đói biết có nuôi nổi mình không lại còn đèo bồng,

nhưng hẳn đã chắc lưỡi **một** cái: “Chắc, kệ!”. Sáng hôm sau nhật được vợ, Tràng thấy cái gì cũng “thay đổi mới mẻ khác lạ”. Trong lòng hẳn tràn ngập “**một** nguồn vui sướng phấn chấn”. Hẳn nghĩ tới bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hẳn ăn cháo cám, thần mắt nhớ lại lá cờ đỏ và đoàn người đi phá kho thóc Nhật mà hẳn mới gặp hôm nào. Với Tràng, hạnh **phúc** muộn mằn đến bất ngờ, lòng anh chứa chan hy vọng về **một** sự đổi đời.

*b- Bà cụ Tứ:* Già nua. Goá bụa. Nghèo khổ. Chỉ có **một** mụn con trai thì thô kệch. Lo chết đói. Bà hiền lành, **phúc** hậu khi nói chuyện với nàng dâu. Bà tủi thân về phận nghèo hèn của hai mẹ con. Rất thương con và thương nàng dâu mới. Lo xa về cái đói, nhưng vẫn tin tưởng: “Ai giàu ba họ, ai khó ba đời...” Bữa cháo cám mà bà nói toàn chuyện vui mai sau. Nước mắt bà chảy ra vì vui, vì lo buồn, vì con bà đã “có vợ được”. Bà cùng con dâu thu dọn nhà cửa, vườn tược... **một** sự đổi đời hé lộ đầy hạnh **phúc**. Không còn “bụng beo u ám”, mặt bà đổi “rạng rỡ hẳn lên”... **Bà cụ Tứ** là hiện thân của lòng mẹ.

### *c- Vợ của Tràng*

Không quê quán. Không người thân thương. Không tên tuổi. Sắp chết đói: áo quần tả tơi như tổ đĩa, gầy sọp hẳn đi, trên khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt. Giữa trận đói, chẳng có cheo cưới gì, chị đã thành **vợ nhật** của Tràng. Thật chua chát, “Cái giá” của người con gái chỉ có 4 bát bánh đúc, 2 hào dầu, **một** cái thúng. Bữa cơm đầu tiên thị ăn ở nhà chồng là bát cháo cám! Nỗi đau khổ, tủi nhục của thị cũng là của nhân dân ta **một** thời mà hơn 2 triệu đồng bào ta đã chết đói. Trở thành vợ Tràng, thị thay đổi hẳn “hiền hậu đúng mực”...

## **Kết luận**

Chất liệu cuộc sống được tái hiện **một** cách chân thực cảm động. Tình huống truyện là nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của **Kim Lân**. Truyện giàu tính nhân bản. Sau bóng tối của người dân cày lầm than là **một** rạng đông về hạnh **phúc** và ấm no đang dần đến. Cách suy nghĩ và tình thương của lòng mẹ là những nét vẽ cảm động, đặc sắc nhất của truyện ngắn “**Vợ nhật**” này. “**Vợ nhật**” còn có giá trị hiện thực sâu sắc: tố cáo tội ác của Pháp Nhật vơ vét thóc lúa của nhân dân ta, thủ phạm gây ra nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu 1945, làm hơn 2 triệu đồng bào ta bị chết đói./.

## NGUOI LAI DO SONG DA -NGUYEN TUAN

### Tác giả

Nguyễn Tuân (1910 – 1987) xuất thân trong một gia đình nhà nho ở Hà Nội. Tác phẩm tiêu biểu nhất: “Vang bóng một thời” (1933), “Sông Đà” (1960), Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi...

Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: tài hoa, độc đáo và uyên bác. Cái đẹp, cái thiên lương trong cuộc đời được ông nói đến với tâm hồn nghệ sĩ đích thực, với cái nhìn phát hiện và đầy sáng tạo. Văn của ông, chữ nghĩa của ông giàu có, tài hoa. Chuyện xưa và nay, chuyện trên rừng dưới biển, chuyện làm ăn, thú ăn chơi tao nhã... đến đặc sản, thổ ngơi, chuyện người, chuyện cây cỏ... từ rượu đến hoa, từ giò chả đến phở... được ông nói đến thật hay. Người đọc cảm thấy tâm hồn mình giàu có thêm lên qua từng trang văn độc đáo của ông, để yêu hơn, tự hào hơn đất nước, con người và nền văn hoá Việt Nam.

### Chủ đề

Ca ngợi sông Đà, núi rừng Tây Bắc vừa hùng vĩ vừa thơ mộng, đồng bào Tây Bắc cần cù, dũng cảm, rất tài tử, tài hoa.

### Nội dung

**1. Con sông Đà hùng vĩ, dài trên năm trăm cây số, hiểm trở với hàng trăm thác ghềnh mang những cái tên cổ sơ, xa lạ (Hát Loóng, thác Giăng, Hót Gió, Mỏ Tôm...).** Ở ghềnh Hát Loóng “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè...!”. Âm thanh tiếng thác nghe ghê rợn như tiếng rống của hàng ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu, tre nứa bị cháy. Sông Đà có nhiều thạch trận, nhiều cửa tử ít cửa sinh, với những thần sông, thần đá trấn giữ “nhóm cả dây vô lấy thuyền”, đánh hồi lùng, đánh đòn tía, đánh đòn âm vào chỗ hiểm chực “đòi ăn chết cái thuyền”. Luồng nước vô sở bất chí, dòng thác hùng beo hồng hộc tế mạnh trên sông

đầy thác ghềnh, thạch trận. Những ông tướng đá mặt xanh lè đáng sợ.

Nhịp điệu câu văn dồn dập. Từ tượng thanh, từ tượng hình, những ẩn dụ so sánh, tiếng nói đời thường sông nước, [ngôn từ](#) nhà bình, thể thao thể dục, điện ảnh... được ông vận dụng để miêu tả thác ghềnh, gây ấn tượng về sự dữ dội, hiểm trở, hùng vĩ của sông Đà.

Sông Đà còn mang vẻ đẹp hoang sơ, thơ [mộng](#) “tuôn dài tuôn dài như [một](#) áng tóc [trữ tình](#), đầu tóc chân tóc, ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai”. “Mùa xuân dòng xanh ngọc bích. Mùa thu nước sông Đà lừ lừ chín đỏ”. [Nguyễn Tuân](#) gọi sông Đà là [một](#) cố nhân. Cảnh ven sông ở thượng nguồn lặng tờ. Có bầu hươu ngổn búp cỏ gianh đầm sương. Cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Có đoạn, có khúc sông: “Bờ sông hoang dại như [một](#) bờ tiền sử - Bờ sông hồn nhiên như [một](#) nỗi niềm [cổ tích](#) ngày xưa”.

[Một](#) về cố thi, [một](#) câu đồng dao, [một](#) câu [thơ Đường](#), [một](#) vài câu thơ của [Tản Đà](#) của Nguyễn Quang Bích được [Nguyễn Tuân](#) lựa chọn đưa vào, cho thấy ông là [một](#) cây bút rất sành điệu, tài hoa dẫn dắt người đọc chiếm lĩnh vẻ đẹp sông Đà với tình yêu sông núi, giang sơn.

## 2. [Người lái đò sông Đà](#)

- Làm ăn giỏi, hơn 10 năm cùng con thuyền xuôi ngược sông Đà. Thông thuộc thác ghềnh, thuộc địa hình dòng sông như thuộc bàn tay mình.

- Chiến thắng thần sông, thần đá, chinh phục mọi cửa tử cửa sinh. Dũng cảm và tài ba đưa con thuyền “vút qua cổng đá cánh mở, cánh khép”, như [một](#) mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước... làm cho tên tướng đá “tiu nghỉu cái mặt xanh lè thất vọng...”. Có lúc bị luồng nước đánh đòn ác hiểm. “hột sinh dục vọt muốn thọt lên cổ”, nhưng ông vẫn bình tĩnh, tỉnh táo điều khiển con thuyền thoát hiểm.

- Rất tài tử. Sau [một](#) ngày dài đọ trí thi tài với thần sông thần đá, ông ung dung đốt lửa trong hang đá, nước ống cơm lam, nói về cá anh vũ, những hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mình bộc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng. Lúc ngừng chèo, ông chẳng hề bận tâm về chuyện vượt thác, chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ, quân tợn vừa rồi.

- Một chân dung tuyệt đẹp: Tuổi đã 70 mà cánh tay còn “trẻ trắng”, tóc bạc, cái đầu quắc thước, thân hình cao to, “gọn quánh như chất sừng, chất mun”. Tiếng nói âm vang át cả sóng nước. Ngực, vai có những vết chai như những củ nâu mà Nguyễn Tuân gọi đó là thứ “huân chương lao động siêu hạng”, với thái độ cảm phục ngợi ca.

## Kết luận

Người lái đò sông Đà thể hiện phong cách nghệ thuật tài hoa tài tử, uyên bác, độc đáo trong thể tùy bút của Nguyễn Tuân – con sông Đà là hình hài của Tổ quốc thân yêu. Người lái đò là hình ảnh con người Tây Bắc rất dũng cảm, cần cù và tài ba. Ông đã đem tình yêu sông núi, tự hào về nhân dân để viết nên một trang hoa, tờ hoa đích thực. Đọc Nguyễn Tuân mà ta nhớ Tản Đà:

*“Dải sông Đà bọt nước lênh bênh  
Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình”*

## RUNG XA NU -NGUYEN TRUNG THANH

### Tác giả

Nguyên Ngọc, Nguyễn Trung Thành là bút danh của Nguyễn Văn Báu. Sinh năm 1932 tại Quảng Nam. Lăn lộn nhiều năm trên chiến trường ác liệt cả trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Chống Mỹ.

Tác phẩm: “Đất nước đứng lên” (1956), “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc” (1969), “Đất Quảng” (1973 – 1974),...

Hơi hướng Tây Nguyên, màu sắc tráng lệ, khuynh hướng sử thi... tạo nên cốt cách và vẻ đẹp văn chương của Nguyên Ngọc - Nguyễn Trung Thành.

### Xuất xứ

Truyện “Rừng xà nu” được Nguyễn Trung Thành viết năm 1965, xuất

hiện lần đầu trên Tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng miền trung Trung Bộ, số 2 năm 1965 – năm 1969, in trong tập truyện ký “Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc”.

### Tóm tắt truyện

Sau 3 năm đi “lực lượng”, **Tnú** về thăm làng. Bé Heng gặp anh ở con nước lớn dẫn anh về. Con đường cũ, hai cái dốc, rừng lách chằng chịt hố chông, hầm chông, giàn thò sắc lạnh. Mặt trời chưa tắt thì anh về đến làng. **Cụ Mết** già làng và bà con dân làng reo lên mừng rỡ. **Cụ Mết** đưa anh về nhà ăn cơm. Từ nhà ửng vang lên **một** hồi, ba tiếng mõ dài, cả lũ làng cầm đuốc kéo tới nhà **cụ Mết** gặp **Tnú**. Có ông bà già. Nhiều trai tráng và lũ con gái. Đông nhất là lũ trẻ con. Có cả cô Dít, em gái Mai, nay là bí thư chi bộ kiêm chính trị viên xã hội. Ai cũng muốn ngồi gần anh **Tnú**. Dít thay mặt lũ làng xem giấy có chữ ký chỉ huy cho phép **Tnú** về thăm làng **một** đêm. Quanh bếp lửa rộn lên: “Tốt lắm rồi!” “**Một** đêm thôi, mai lại đi rồi, ít quá, tiếc quá!”. Rồi **cụ Mết** kể lại cuộc đời **Tnú** cho lũ làng nghe. Tiếng nói rất trầm. “Anh **Tnú** đó, nó đi Giải phóng quân đánh giặc... Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta”. Anh Xút bị giặc treo cổ, bà Nhan bị giặc chặt đầu, nó và em Mai đi vào rừng nuôi anh Quyết cán bộ. Anh dạy nó học chữ. Nó học chữ thì hay quên nhưng đi rừng làm liên lạc thì đầu nó sáng lạ lùng. Nó vượt thác, xé rừng mà đi, lọt tất cả vòng vây của giặc. **Một** lần **Tnú** vượt thác Đắc nông thì bị giặc bắt, bị tra tấn, bị đẩy đi Kông Tum. Ba năm sau, **Tnú** vượt ngục trốn về, lưng đầy thương tích. **Tnú** đọc thư tuyệt mệnh của anh Quyết gửi cho dân làng Xô Man trước khi anh tử thương. **Tnú** đi bộ lên núi Ngọc Linh đem về **một** gùi đá mài. Đêm đêm làng Xô Man thức mài vũ khí. Thằng Dục chỉ huy đồn Đắc Hà đưa lũ ác ôn về vây ráp làng. Tiếng kêu khóc vang dậy. **Cụ Mết** và trai tráng lánh vào rừng, bí mật bám theo giặc. Bọn giặc đã giết chết mẹ con Mai. Tay không ra cứu vợ con, **Tnú** bị giặc bắt. Chúng lấy nhựa xà nu đốt cháy 10 ngón tay anh. **cụ Mết** và lũ thanh niên từ rừng xông ra, dùng mác, và rựa chém chết tất cả 10 tên ác ôn. Thằng Dục ác ôn và xác lũ lính ngổn ngang quanh đồng lửa trên nhà ửng. Từ đó, làng Xô Man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng. Sau đó, **Tnú** ra đi tìm cách mạng...”

**Cụ Mết** ngừng kể, rồi hỏi **Tnú** đã giết được mấy thằng Diêm, mấy thằng Mĩ rồi? Anh kể chuyện đánh đồn, xông xuống hầm ngầm dùng tay bóp chết thằng chỉ huy... thằng Dục, “đúng chớ... chúng nó đứa nào cũng là thằng Dục!”. Mưa rơi nặng hạt. Không ai nhận thấy đêm đã khuya. Sáng hôm sau **cụ Mết** và Dít tiễn **Tnú** lên đường. Ba người đứng nhìn những **rừng xà nu** nổi

tiếp chạy đến chân trời...

### Chủ đề

Ca ngợi tinh thần quật khởi, chí khí cách mạng và sức sống mãnh liệt của đồng bào các dân tộc và núi rừng Tây Nguyên trong cuộc đấu tranh vũ trang chống kẻ thù khát máu Mĩ - Diệm.

### Hình tượng rừng xà nu

Rừng xà nu vừa là cảnh sắc hùng vĩ vừa mang ý nghĩa tượng trưng. Mở đầu tác phẩm là hình ảnh rừng xà nu cùng bá Heng đón Tnú đi bộ đội về thăm làng; phần cuối cũng là rừng xà nu trùng điệp tiễn người anh hùng của quê hương đi tìm Mĩ, Diệm để diệt.

Cây xà nu ham ánh sáng và khí trời, nó vươn lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng... như Tnú, Mai, Dít, cụ Nết, bé Heng và dân làng Xô Man sống và chiến đấu vì khát vọng tự do.

Nó cùng với dân làng Xô Man chung chịu gian nan và hy sinh. Anh Xút bị giặc treo cổ lên cây vả đầu làng, bà Nhan bị giặc đốt cháy 10 đầu ngón tay, mẹ con Mai bị giặc đập chết... Rừng xà nu cũng bị đại bác giặc bắn suốt đêm ngày, hàng vạn cây không cây nào không bị thương, có những cây non trúng đạn, chất dầu còn loãng, vết thương cứ loét mãi ra rồi chết.

Rừng xà nu mang sức sống mãnh liệt và khí phách lẫm liệt như lũ làng. Cảnh một cây xà nu bị bắn gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Đã hai ba năm nay, trong mưa bom bão đạn, "rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng".

Giặc định dùng nhựa xà nu, lửa xà nu đìm dân làng Xô Man vào biển máu, nhưng chính lũ ác ôn do thằng Dục cầm đầu đã bị cụ Mết và trai làng chém chết, xác chúng ngổn ngang quanh đống lửa xà nu.

Rừng xà nu trùng điệp, hút tâm mắt chạy đến chân trời là biểu tượng cho thế trận chiến tranh nhân dân, người người lớp lớp. Nguyễn Trung Thành đã tạo nên những hình ảnh ẩn dụ, nhưng liên tưởng kỳ vĩ để miêu tả rừng xà nu hùng vĩ với tất cả lòng yêu mến tự hào.

[Nguyễn Trung Thành](#) sau này có viết: “Hồi tháng năm năm 1962, hành quân từ miền Bắc vào (...) chiến trường của mình là khu rừng bát ngát phía tây Thừa Thiên giáp Lào. Đó là [một](#) khu rừng xanh tít tắp tận chân trời. Tôi yêu cây [rừng xà nu](#) ngay từ đó. Ấy là [một](#) loại cây hùng vĩ và cao thượng man dại và trong sạch, mỗi cây cao vút, vạm vỡ ứa nhựa, tán lá vừa thanh nhã vừa rần rỏi...” (Về [một](#) truyện ngắn - [Rừng xà nu](#)).

### Những dũng sĩ làng Xô Man

- [Cụ Mết](#), già làng râu dài tới ngực mà vẫn đen bóng, ngực căng như [một](#) cây xà nu lớn. Cụ là [một](#) thủ lĩnh quân sự, linh hồn của cuộc chiến đấu và chiến thắng. Chính dưới lưỡi mác sáng loáng của cụ là xác thằng Dục ác ôn. Chính sau tiếng hô của cụ: “Chém! Chém hết” là những lưỡi mác của trai làng vung lên và xác lũ giặc ngổn ngang trên nhà ưng! Chính cụ đã khẳng định [một](#) chân lý cách mạng để đi tới tự do: “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo”. Sau chiến công đầu vị già làng đã truyền hịch:

“Đốt lửa lên! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy [một](#) cây giáo, [một](#) cây mác, [một](#) cây dụ, [một](#) cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông. Đốt lửa lên!”

Tiếng hịch ấy đã vang dội núi rừng. Và lửa cháy khắp rừng. [Cụ Mết](#) mang tầm vóc và khí phách như [một](#) anh hùng bộ tộc xa xưa trong trường ca Tây Nguyên. Khuynh hướng [sử thi](#) bao trùm nhân vật xuất chúng này để ta yêu mến và khâm phục.

Mai và Dít tiêu biểu cho những người con gái Tây Nguyên thời đánh Mĩ. Bà Nhan bị giặc chặt đầu đã có Mai vào rừng bảo vệ anh Quyết cán bộ. Mai là hiện thân của lòng trung thành với cách mạng, cần mẫn, hiền dịu, sáng dạ, bất khuất hiên ngang trước súng đạn quân thù. Dít lớn lên, lại đi tiếp con đường của chị. Đi tiếp tế cho du kích, bị giặc bắt, phải làm bia đạn, sau mỗi viên đạn nổ “đôi mắt nó vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng”. Ba năm sau ngày chị hy sinh, Dít đã trưởng thành, trở thành [một](#) bí thư chi bộ, [một](#) chính trị viên xã đội lãnh đạo cuộc chiến đấu của dân làng Xô Man. Trong mối quan hệ mới với [Tnú](#), cô Dít với tư cách lãnh đạo đã nghiêm trang trong thủ tục hỏi giấy tờ người lính từ mặt trận về thăm làng: “Không có giấy, trốn về thì không được. Ủy ban phải bắt thôi”. Là cô gái, là em chị Mai, cô Dít đã nhìn [Tnú](#) bằng “đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt” chan chứa yêu thương và như cô đã nói với [Tnú](#): “Bọn em miệng đưa nào cũng nhắc anh mãi”. Mai

và Dít đều mang vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới:  
 “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”...

- [Tnú](#) là [một](#) anh hùng đích thực. [Cu Mết](#) rất tự hào nói về anh:

“Nó là người Strá mình – Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta”. Yêu cách mạng và khao khát tự do. [Tnú](#) đã vào rừng bảo vệ, tiếp tế cho cán bộ hoạt động bí mật. [Tnú](#) học chữ để mai sau thay anh Quyết làm cán bộ. Dũng cảm và mưu trí lúc vượt thác, lúc cắt rừng đi liên lạc. Trung thành và bất khuất. Nuốt thư bí mật khi bị địch bắt. Giặc tra tấn bắt khai ai là cộng sản, [Tnú](#) đặt tay lên bụng mình, nói: “Ở đây này”. [Tnú](#) sống với niềm tin: “Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn”. [Tnú](#) vượt ngục trở về làng, đọc thư tuyệt mệnh của anh Quyết cho lũ làng nghe rồi anh đi lên núi Ngọc Linh lấy [một](#) gói đá mài đem về để dân làng Xô Man mài giáo, mác, dùi, rựa, chuẩn bị khởi nghĩa. Cuộc chiến đấu mới bắt đầu thì vợ con anh bị giặc đập chết. Cứu mẹ con Mai không được, anh bị giặc bắt trói bằng dây rừng, bị giặc đốt mười ngón tay bằng nhựa xà nu thành mười ngọn đuốc. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng, nhưng lẫm liệt, khí phách: hiên ngang. [Tnú](#) không thềm kêu van!

[Tnú](#) là [một](#) dũng sĩ kiên quyết đánh địch đến cùng. Núi rừng đã đốt lửa lên rồi! Mười ngón tay, ngón nào cũng cụt [một](#) đốt, nhưng còn hai đốt vẫn cầm giáo, bắn súng được, anh đã lên đường đi tìm cách mạng, gia nhập Giải phóng quân, đi tìm những thằng Dục ác ôn để trả thù cho mẹ con Mai, cho lũ làng. [Tnú](#) đã chiến đấu dũng cảm, đã xung phong xuống hầm ngầm, dùng tay bóp chết tên chỉ huy, cũng là [một](#) thằng Dục khát máu. Anh nhớ làng, anh xin phép về thăm làng [một](#) đêm rồi anh lại ra đi chiến đấu!

[Nguyễn Trung Thành](#), với khuynh hướng [sử thi](#) đã khắc họa [Tnú](#) mang bao phẩm chất anh hùng lẫm liệt. [Tnú](#) đi tiếp trong “[Đất nước](#) đứng lên”. Màu sắc núi rừng và hơi hướng Tây Nguyên như ánh hào quang tỏa chiếu dũng sĩ [Tnú](#).

## Kết luận

[Hình tượng rừng xà nu](#), hình ảnh những dũng sĩ anh hùng trong truyện “[Rừng xà nu](#)” là hình ảnh đất nước và con người Việt Nam kiên cường, bất khuất trong thời đại [Hồ Chí Minh](#) vừa đậm đà hơi hướng và cảnh quan hùng

vĩ Tây Nguyên. Tác phẩm dào dạt [cảm hứng sử thi](#) hào hùng. Những anh hùng dũng sĩ như [Cụ Mết](#), [Tnú](#), Mai, Dít,... đại diện cho cộng đồng, chiến đấu và hy sinh vì sự sống còn của cộng đồng, gắn bó với lịch sử cộng đồng, được khắc họa bằng những hình ảnh chói lọi, với [một](#) giọng văn hào hùng, say mê, trang trọng, tạo nên những trang văn tráng lệ mang âm hưởng anh hùng ca.

Truyện "[Rừng xà nu](#)" thể hiện nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn của [Nguyễn Trung Thành](#) vừa trang nghiêm thần kỳ, vừa đầy chất thơ tráng lệ./.